

đặc biệt

PHƯƠNG ĐÔNG

GIA - ĐÌNH GIA - TỘC

NGUYỆT - SAN
THÁNG 10
NĂM 1974

Số 40

Đặc Biệt
TƯƠNG QUAN GIA-ĐÌNH
TƯƠNG QUAN GIA-TỘC

1. Gia đình kiểu xe buýt HOÀNH SƠN — 255
2. Mạn đàm về tương quan gia đình gia tộc NGUYỄN VĂN THỌ — 263
3. Tương quan gia đình trong viễn tượng biến hoá
ĐÌNH VĂN TRUNG — 279
4. Gia đình người Nhật PHAN KIM HUÊ — 287
5. Trầm tư về gia đình và gia tộc HỒ HỮU TƯỜNG — 295
6. Tam tông tứ đức TOÀN ÁNH — 301
7. Đi tìm gia đình của nhà văn : phổ trạng
DÃ LAN — NGUYỄN ĐỨC DỤ — 313
8. Bạn đọc góp ý : Nghề làm cha mẹ HOÀNG VĂN BÌNH — 318
9. Những ngày thơ ấu (thơ) TRẦN THỊ TUỆ MAI — 325
10. Cỏ thôn (thơ) HOÀNG VŨ và KIẾN DÂN dịch — 326
11. Vài ý nghĩ về : Thánh lễ Việt hoá tại Tân Chí Linh
PHƯƠNG ĐÔNG — 327

TIN TỨC — HỢP THƠ — SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC

VIỆT NAM ♥ PHƯƠNG ĐÔNG ♥ THỜI ĐẠI ♥ THẾ GIỚI ♥ ĐẠO GIÁO

MÀO QUÂN : 161, Yên-Đồ, SAIGON 3 — ĐIỆN THOẠI : 21.592 — HỢP THƠ 2094

Nguyệt San **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24. 592

GIÁ BÁO

Mỗi số	200đ
Công số	giá gấp đôi
Một năm	2200đ
Một năm (độc giả sinh viên)	2100đ
Một năm độc giả ân nhân	3500đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung (từ Đà-lạt trở lên) thêm 300đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 800đ cước phí đường thủy một năm.

Quý vị nào tìm được 8 độc giả dài hạn xin kính biểu một năm báo.

Một số báo mất, xin báo tin và trả một nửa tiền báo và tiền bưu phí, Tòa báo sẽ gửi bù.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2094

2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ Saigon

ghi địa chỉ và lý do

3) Công số, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân Khố V.N.

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang trong mỗi kỳ	:	10.000 đ
1/2 trang trong mỗi kỳ	:	5.000 đ
1/3 trang trong mỗi kỳ	:	4.000 đ
1/4 trang trong mỗi kỳ	:	3.000 đ
Trang bìa mặt sau mỗi kỳ	:	15.000 đ

Quản lý :

ĐỖ-THỊ-PHƯƠNG

Thư ký tòa soạn :

LÊ-THÀNH-CHUNG

Xuất bản :

ĐỖ-DUY

Phân phối :

TRẦN-ANH-HÙNG

GIA ĐÌNH KIỂU XE BUÝT

✧ Hoàng Sơn

Cái xe vẫn lẩn, lẩn hoài không ngưng, chưa ngưng đã chuyển. Ngày xưa cũng có giở tựa tựa như thế. Đó là con đồ dọc, sóng nước bình bằng. Đó là con đồ ngang, kẻ lên người xuống.

Thì đây cũng bình bằng, cũng trôi nổi, cũng kẻ xuống người lên. Có điều một chuyến đồ dọc có thể nên duyên chồng vợ : biết bao mối tình bạn và tình bờ phát sinh và triển nở trên một chuyến đồ dọc như thế, khi mà cảnh vật còn trôi lẹ làng và bầu không khí thoải mái, khiến hành khách dễ lắng dịu tâm hồn và bắt chuyện thân mật với nhau.

Còn đây trên xe buýt, ai cũng vội lên và vội xuống. Họ ngồi bên nhau mà lòng đề đầu đầu, nét mặt thì cau có, trán nhăn lại những toan tính và ưu tư. Bánh vẫn chuyển, không khí động một cách lạnh lùng, và người lên xuống rầm rập không ngơi : Tất cả chỉ là tạm thời, một thế giới tạm thời mà trong đó mỗi người lại là một thế-giới riêng. Và đó là hình ảnh của thứ gia đình mà gia đình ngày nay đang tiến tới, thứ gia đình kiểu xe buýt và ly giấy. Nói chi đến gia tộc !

Kiểu xe buýt và ly giấy

Nước Việt-Nam hãy còn là một xã-hội nông nghiệp. Nhưng Việt Nam đã bắt đầu kỹ-nghệ-hoá, và chậm lắm là hai, ba mươi năm nữa sẽ thực thụ trở thành một xã-hội kỹ-nghệ. Còn siêu-kỹ-nghệ, có thể là trong vòng 60 năm ! Kỹ-nghệ và siêu-kỹ-nghệ sẽ biến đổi sâu xa đời sống con người. Sự biến đổi ấy thế nào, chúng ta cứ ngó sang Tây phương và nhất là Hoa-kỳ sẽ rõ.

Đặc tính của gia đình ở xã-hội nông-nghiệp là đông con và mở rộng. Đông con vì thêm người chỉ thêm bát đũa, còn thực-phẩm có sẵn kẻ ngay bên. Đông con nữa, vì thêm người lại thêm nhân-công để khai khẩn và chăn nuôi ; và nhân công ấy không tốn phí mấy. Còn mở rộng thì đó là vì cứ sinh ra mà cứ ở nguyên một chỗ : cô di, cậu mợ, chú bác, ông bà nội ngoại cùng với cháu chắt, kèm thêm anh em con cô con cậu quây quần từng sâu từng chuối bên nhau.

Sang đến giai-đoạn kỹ-nghệ-hoá, các công nhân phải tập trung trong các đô-thị lớn, gây nên những di-chuyển nay đó mai đây, thì kiểu gia đình gia tộc nặng nề như trên không thích hợp nữa. Di-chuyển sẽ gây nên chia

cách giữa những gia đình trong họ, khiến giây liên lạc lỏng lẻo dần. Vết hàng xóm thì chưa đủ quen thân đã lo dọn nhà đi, do đó mỗi gia đình dần đóng kín lại trong căn nhà của mình, nhất là khi «căn nhà» ấy chỉ còn là những ô vuông đều đặn trong một cái bin-dinh. Và dần dần, người ta sống cá nhân chủ-nghĩa, đề rồi cá-nhân chủ-nghĩa gây thêm lạnh nhạt ngay cả trong họ hàng quyến thuộc.

Còn con cái? Con cái sẽ trở thành gánh nặng, vì nhỏ con thì mất tiền đi học, lại chẳng giúp ích gì vào việc sản xuất như ở thôn quê. Trong khi ấy thực-phẩm quá đắt, mỗi thứ mỗi mua và phải chuyên chở từ xa tới. Thêm vào thực-phẩm, còn có cả trăm thứ nhu-cầu khác do kỹ-nghệ biến chế làm phát sinh. Do đó, người ta bó buộc phải đi đi, nhất là khi đã sẵn những viên thuốc... Bắt đầu là bó buộc đây nhưng dần dà trở thành thói quen, rồi thành ngại ngùng vì bận bịu và gánh nặng. Sự hy-sinh cao cả của mẹ cha đã không còn, thì lấy đâu ra lý do để con cái duy-trì sự hiếu kính như xưa. Chính vì thế mà dần dần chúng sẽ muốn thoát ly cha mẹ đi sống riêng, hoặc tống cổ cha mẹ vào những thứ nhà dơi chết gọi là «pension» hay dưỡng lão.

Sang đến giai đoạn siêu-kỹ-nghệ, sự di-chuyển càng lớn lao, càng liên tiếp, nên gia đình càng phải là gia đình lưu động, gia đình tối đơn kiêu hãnh tới. Khi ấy con cái nếu có sẽ được trao cho những cặp gọi là «cha mẹ chuyên nghiệp» để nuôi dưỡng giúp. Cũng có khi đợi đến tuổi về hưu, người ta mới vô mấy cửa hàng bán «giống» (bào thai) mua về cấy đẻ «sinh». Và như thế không còn cha mẹ do máu huyết nữa, mà chỉ có cha mẹ hợp pháp mà thôi.

Ngay cả nghĩa vợ chồng cũng chẳng còn là bao. Sự xô dịch nhiều và đời sống quá đòi mau khiến cho người ta khó tìm được người ý hợp tâm đầu. Mà dù cho có tâm đầu ý hợp bây giờ chẳng nữa, chắc đâu mấy năm sau khi đời sống đã hoàn toàn thay đổi, vợ chồng còn có thể ăn ý với nhau. Do đó, sự vững bền của gia đình sẽ khó duy trì. Càng khó duy trì hơn khi không còn ràng buộc của những đứa con và tình phụ mẫu tử. Càng khó duy trì hơn khi xã-hội hưởng thụ chỉ sinh ra những con người thù lợi mà không biết thủ nghĩa. Hiện nay bên Hoa-kỳ và Đức, ngoại tình không còn là một cái tội, và sự đòi vợ đòi chồng đang bành trướng rất mau. Thêm vào đấy, còn có những hôn-nhân tạm thời, hôn-nhân thử, và hôn-nhân tập thể, nghĩa là vợ chồng đề chung. Luật cho phép ly-dị khiến lắm kẻ chưa nửa đời người mà đã tới chục lần cưới lại. Luân-lý xuống thấp, khiến cho không mấy ai có chồng có vợ, mà không đồng thời có hàng tá nhân tình khác. Ai bảo ngày xưa một vợ mấy thiếp là cô hủ?

Ai chế đa thê là lỗi thời khi hiện thời đã có hôn-nhân tập thể ? Ai bảo ngày nay không còn mua bán nô-lệ, khi mà con người đã trở thành món hàng trong những cửa hàng bán «giống».

Cái con người lớn lên từ thứ bào thai «chế biến» ấy có còn đáng kính như một nhân phẩm hay không ? đáng đòi những quyền lợi của một nhân-vị hay không ? Nhất là nếu có những xí-nghiệp đi mua ít giống tốt về, nuôi lớn lên trong các thứ «chuồng gà kỹ-ngệ», rồi bán đi cho các nước cần giống tốt, hay cho các nhà máy cần một phẩm chất nhân c ng nào đó (như có cánh tay dài để leo, thân hình nhỏ để luồn chui, xác kuồng ò ò để làm các việc nặng, bạch cầu để đứng cho vững, có thêm hai mắt đằng sau để nhìn cả bốn phía v. v...). Và khi ấy, giết một người có thể gây nên một xúc cảm lớn hơn là khi giết một con heo hay chẳng ?¹

Tận thế bên trong và bên ngoài

Đọc đến đây, chắc hầu hết chúng ta đã bắt đầu nổi gai ốc rồi. Nhưng mấy gã thích tự do đồng nghĩa với phóng túng chưa chắc đã chịu như thế là dở. Người không hút thuốc phiện hề thấy hút là chê, nhưng chính người hút thì liệu có lấy thế làm xấu hay không ?

Nhưng bây giờ, hỏi thử có nên tận thế hay không, thì chắc là dù hút xi-ke hay không hút, dù phóng túng hay đoan trang cũng nghĩ là không nên. Thế mà tận thế đã đến ngay ngưỡng cửa của máy nước văn-minh rồi đấy. Ta chưa nói đến bom và những đầu đạn hạch-tâm. Ta mới chỉ nói đến tỷ-lệ tự tử của máy nước Bắc Âu rất giàu có và từ lâu an bình như Đan-Mạc và Thụy Điển. Tại sao sống chẳng muốn lại đi chết ? Chán đời chăng, thì đời đầy những lạc thú vật-chất vừa tầm tay đó thôi ! Thực ra, họ chán đời thật, nhưng không chán vì đời khó sống, mà chán vì đời quá dễ sống nhưng không tìm ra được ý nghĩa để sống. Họ chán đời nữa, không phải vì thiếu an-ninh xã-hội, mà vì không còn niềm tựa tinh-thần nào để bám víu cho tâm hồn.

Con người cần có nhiều thứ niềm tựa như thế, và một trong những niềm tựa là tình yêu và gia đình. Thế mà ngày nay tình yêu không còn là «dù cho biển cạn núi mòn», hôn nhân đã trở thành «cưới tạm» và «cưới thử», gia đình thì vợ chồng ly-dị và con cái mỗi đứa mỗi nơi. Nói chi đến

1 Một số trong những nhận định trên đây rút từ cuốn «best-seller» *Future shock* của Alvin Toffler (N. Y, 1970), có bản dịch Pháp văn *Le choc du futur* của S. Laroche và S. Mezger (Paris, 1971).

tương quan phụ mẫu tử và tình gia tộc. Còn gì buồn hơn cảnh con người mà cuộc đời là lũ thú và gia đình là quán trọ, không một chỗ dừng chân ngơi nghỉ ! Tận thế bên ngoài chưa có, nhưng tận thế bên trong đã bắt đầu với cảm giác đất đang lở dưới chân và các cơn sao rơi rải quanh mình. Và đó là cảm giác Phù vân (sens de l'éphémère), như trong :

Cuộc đời ngấm nghỉ, nghỉ mà ghé,
Sống gửi rồi ra lại thác về ;
Khôn dại cùng chung ba thước đất,
Giàu sang chưa chín một nồi kê.

.

Cái cảm giác đó, nơi tâm hồn một tu sĩ, là giải thoát, vì người tu sĩ bám vào một giá trị thiêng liêng chắc chắn, khiến cho thế trần càng mờ đi, thì cái thế-giới thiêng liêng kia càng hiển hiện lên rõ ràng, hấp dẫn và vững chắc hơn cho họ ! Chứ với con người phóng túng của các nước siêu-kỹ-nghệ, thì ngoài vật chất ra, họ không còn điểm tựa nào khác. Cũng vì thế, cảm giác Phù vân, tuy vì mang an ủi đến tâm hồn họ, lại chỉ gây nên những chán chường và muộn mạp.

Còn tận thế bên ngoài sẽ xảy ra, không ở thiên nhiên mà ở xã-hội ; không do chiến tranh mà do hoà bình. Nghĩa là cái xã-hội ấy vì không còn giá trị nào bền vững để bám víu nữa, sẽ rời rã ra dần dần như thịt và xương của một cái xác không hồn, một tử tã vậy.

Cứu thế bằng dẫn thế.

Đứng trước viễn ảnh đen tối ấy, người có trách-vụ Việt-Nam thời nay như chính phủ và các nhà lãnh đạo tôn giáo, thường có hai thái độ :

— Thái độ ăn xồi ở thối, cho rằng cái đó còn xa, nay cần lo phát triển và kỹ-nghệ-hoà để giải quyết cấp thời nạn thiếu ăn, nạn chậm tiến đã. Trước đây người Mỹ cũng làm như thế, họ rải thuốc khai quang để phá tan chốn ăn núp của Cộng-sun, và ngày nay chúng ta lãnh nhận cái hậu quả là một diện tích khá lớn đất đai trong vòng mấy chục năm chỉ còn có thể chôn chúng ta, chứ không nuôi sống được.

Chính trị là phải sắp đặt từ nhỏ tới lớn, không thể cận thị mà phải nhìn rộng thấy xa, đề phòng tất cả. Trong khi phát triển kinh-tế và kỹ-nghệ-hoà nước nhà, chúng ta cần phải rút tỉa kinh-nghiệm ở nước người, phân tách kỹ càng mọi mặt đề phòng những tai họa dù xa xôi nhưng chắc chắn và khủng khiếp.

— Thái độ thứ hai là bảo thủ, chống đối mọi cái mới. Chúng ta nên nhớ dù trong cái mới hay cái cũ, bao giờ cũng có phần hay và phần dở.

Và lại, khi cả một đoàn tàu đang chuyển, mà vì sợ nó cán chết một người nằm ngang đường rầy, ta đưa cái đầu cón con của ta ra cản lối, thì quả là một điều rồ dại. Cách duy nhất chúng ta có thể làm khi ấy là bẻ ghi đường rầy để lái con tàu sang một hướng khác, chỉ có thể thôi, và thế là hay nhất.

Vậy cứu thế bao giờ chúng ta cũng chỉ có thể dần thế, chứ không cần thế. Ước mong rằng Chính phủ lập ngay ra một Ủy-ban liên bộ, trong đó có sự tham gia của các đoàn thể tôn-giáo và văn-hóa, để nghiên cứu các biến chuyển xã-hội và ấn định những phương thức Hướng dẫn tinh-thần cũng như Cải tiến phong tục.

Ở đây, tôi chỉ xin nêu lên một nguyên tắc căn-bản hướng dẫn sự cải cách ấy. Đó là nguyên tắc của sự Quay tròn.

Chúng ta hãy lấy một sợi giây, buộc một hòn chì và quay tít trong tay. Càng quay nhanh, chúng ta càng cảm thấy sức mạnh của lực ly-tâm và chúng ta phải dùng nhiều sức hơn để giữ vững cho sự di động không xa là tâm điểm,

Nói rõ hơn, bao giờ cũng phải có cân bằng giữa di động và bất động, và di động càng nhanh thì cái tâm bất động lại càng phải mạnh hơn:

Xã-hội ngày nay biến chuyển ngày càng mau, và bất cứ cái gì không biến chuyển theo, sẽ bị loại ra khỏi sự sống ngay tức khắc. Trái lại, nếu không có một cái tâm giữ vững nó, thì sự di động kia sẽ trở thành biến loạn như trên thế-giới ngày nay, và hậu quả là tận thế sẽ vô cùng khủng khiếp.

Cái động, đó là cái hình thức, cái bên ngoài. Còn cái tâm, đó là tinh thần, cái tuy khuất ẩn bên trong, nhưng làm nên ý nghĩa cho hình thức và hướng đi cho chuyển động. Hình thức càng mau thay đổi, thì tinh-thần càng phải mạnh hơn, và rất mạnh, mới giúp cho con người biến hoá trong quần bình và an lạc được.

Muốn phát triển tinh-thần, như tinh-thần nhân nghĩa, hiếu thảo, thì cần phải tu luyện. Tu luyện ngày xưa dành riêng cho một đôi người, còn tu luyện ngày nay là cần cho tất cả. Tu luyện ngày xưa là một nếp sống, còn tu luyện ngày nay là đời sống, nghĩa là không còn phân biệt nhiều giữa tu-sỹ và người thường, bởi lý do đề biến chuyển với thời, tu sỹ

không thể lệ thuộc nhiều vào các hình-thức tu như xưa ; và để đứng vững với thời, mọi người đều phải có cố gắng tu luyện, như suy tư về kinh thư, «tĩnh thực» đối với tiện nghi và lạc thú vật chất, tâm tính giữa cuộc đời bốn ba, và thiền định để cắm rễ chắc hơn vào thế-giới của tinh-thần.

Quả nhiên, tu sỹ ngày nay đã bỏ bớt hình thức và vào đời rất nhiều, nên không còn quá phân biệt với người đời nữa. Còn tu luyện, thì không thiếu những người đời hăng say học hỏi Phúc âm, luyện Thiền, Yoga, hay đọc sách Ấn, Phật.

Bây giờ, chúng ta thử tìm hiểu xem nguyên tắc Quay tròn nói trên áp dụng vào gia đình gia tộc như thế nào.

GIỮ NHÀ BẰNG CÁCH BIẾN NHÀ THÀNH XE.

Gia đình trong xã-hội nông dân thì cố định, sang đến xã-hội kỹ-nghệ và siêu-kỹ-nghệ, nó cần phải biến đổi rất nhiều. Nếu gia đình xưa là nhà thì nay phải là xe, nghĩa là nhẹ nhàng hơn và không còn cố định ở hình thức. Nhưng xe đây không thể là xe buýt, vì trong xe buýt không có một bầu không khí chung quanh để làm nên một bộ mặt, nghĩa là không có một tinh-thần để hướng dẫn đường đi của xe và lộ trình của mọi người trong xe. Cái xe của chúng ta phải là xe dò hay dò dục, phải có một đường lối chung và trường cứu.

Nói rõ hơn, sau đây là điều-kiện sinh tồn mới của gia đình :

1. *Nhẹ nhàng và tùy biến*
2. *Lợi dụng mọi hoàn cảnh để duy-trì và phát triển mối tương quan cố hữu.*

Phong tục ngày xưa đã duy trì được những mối tương quan, như nghĩa vợ chồng, sự hiếu thảo. Nhưng một khi quá nặng nề, cứng nhắc và hình thức, chúng cũng đè nén những tâm tính tự nhiên, ngăn cản tình yêu trái gái, giết chết tự do và quyền sống bằng cơ cấu và dư-luận. Ngày nay, cũng những thức ấy đương ngăn cản trai gái lấy nhau vì không đủ tiền cưới hỏi, cũng như không cho phép những người trót dại có thể hối cải và làm lại cuộc đời.

Vậy cùng với Tự-lực văn-đoàn, chúng ta hãy tiếp tục làm công việc khai quang và giải tỏa nói trên. Nhưng đồng thời, khác với Tự lực văn đoàn chỉ phá và theo Tây, mà không bảo-vệ những cái gì là tinh hoa văn-hoá và đạo đức, chúng ta cần giữ vững truyền thống tinh-thần của dân tộc, còn hình thức thì phải có tâm hồn uyển-chuyển để thay đổi dần đi.

Một trong những thay đổi phải làm là sự nhẹ nhàng và đơn giản của hình thức, trong cưới hỏi cũng như trong cách xử sự với cha mẹ và họ hàng. Cha mẹ sẽ không còn là ông vua chuyên chế nữa, nhưng biết tìm hiểu những nhu-cầu của tuổi trẻ, biết bàn bạc về việc gia đình với vợ con, có tâm hồn cởi mở khoáng đạt để con có thể trút bầu tâm sự với mình.



Đề kết thành vợ chồng, đôi trai gái phải tìm hiểu nhau kỹ hơn và lâu hơn, xem tình yêu có thể chịu đựng thử thách không, và sự tâm đầu ý hợp có bền bỉ hay không. Tuy nhiên cũng đừng quá dấn đo đến nỗi không còn dễ gì có thể lấy nhau được. Nhất là sự cưới hỏi, biểu xén, mời mọc phải thực đơn giản mà vẫn còn tính cách trang trọng của đơn giản để ghi một kỷ niệm giúp cho gia đình trường tồn.

Còn sự sinh đẻ không thể bừa bãi như trước, mà phải có tính toán, không phải tính toán do ích kỷ, nhưng tính toán vì hạnh-phúc của những đứa con sinh ra, và vì lý do gia đình phải nhẹ nhàng vừa phải để dễ dàng di động.

Có những gia đình, vì vợ hay chồng mãi làm ăn quá, mà rồi đi đến tan rã. Những giây phút đoàn viên hằng ngày cần phải có, để chính bầu không khí đầm ấm quen sống kia sẽ nối kết mọi người chặt chẽ với nhau. Thời đại kỹ-nghệ khiến người chồng năng phải xa nhà. Nhưng thời đại kỹ-nghệ cũng giúp người ta các phương tiện như thư tín, điện thoại, điện hình để dễ dàng liên lạc với nhau. Về vấn đề này, chúng ta không nên quá tiết kiệm.

Ngày xưa, các nghề nghiệp thường cha truyền con nối và có tính cách gia đình, và đây cũng là cái khung cảnh giúp cho gia đình bền chặt. Ngày nay, sao chúng ta lại không thể bắt chước lập nên các xí-nghiệp gia đình gia tộc như một số xí-nghiệp Tây phương ?



Ngày xưa, họ hàng sống gần nhau nên dễ duy-trì tình tương thân. Ngày nay tuy vì làm ăn phải xa nhau, nhưng các phương tiện giao thông khiến dễ gặp nhau, và siêu-kỹ-nghệ tiết kiệm được nhân lực để tiến tới tuần lễ làm việc năm ngày và bốn ngày. Do đó, số ngày nghỉ kia có thể giúp ta

đi thăm nhau và đi nghỉ ngơi ở các miền thôn dã. Trong trường hợp ấy tại sao cùng là bà con họ hàng, chúng ta không thể lập chung những nông trại và nhà nghỉ mát, hay làm nhà nghỉ mát ở cùng một khu vực thôn quê¹, và như thế một năm họ hàng sẽ có rất nhiều dịp sống bên nhau một cách thoải mái.

Đó chỉ là một số trong muôn ngàn những điều chúng ta có thể làm để tạo hạnh phúc gia đình và duy trì liên hệ gia tộc. Và như thế cho chúng ta thấy, thời đại không bao giờ là tai hoạ đối với những người khôn ngoan biết lợi dụng thời, mà không để thời cuốn trôi đi.

1. Nhất là tại chính quê cũ của mình.

đã có :

Phương Đông ĐÔNG TẬP

Với Mục lục toàn tập theo bộ môn và tác giả
Có bán tại tòa báo và các tiệm sách, sạp báo lớn ;

Tập 1 : từ số 1 đến số 6, giá bán 950đ

Tập 2 : từ số 7 đến số 12, giá bán 800đ

Tập 3 : từ số 13 đến số 18, giá bán 800đ

Tập 4 : từ số 19 đến số 24, giá bán 800đ

Tập 5 : từ số 25 đến số 30, giá bán 950đ

Tập 6 : từ số 31 đến số 36, giá bán 1000đ

Mua tại Tòa báo có giá đặc biệt.

Ở xa gửi mua thì mỗi tập kèm thêm 150đ cước phí bảo đảm.

Miền Trung và Cao-nguyên thêm phụ phí hàng không 150đ
(tức thêm 300đ tất cả) Ngoại quốc, thêm cước phí đường thủy
và bảo đảm 400đ

MẠNH ĐÀM VỀ TƯỞNG QUAN

GIA - ĐÌNH, GIA - TỘC

✧ Nguyễn oân Tộc

Gia đình là một tổ hợp nhỏ ; quốc gia là một tổ hợp lớn.

Giữa gia đình và quốc gia còn có một tổ hợp, tuy bề ngoài trông có vẻ lỏng lẻo, nhưng thật ra vẫn có ảnh hưởng lớn đến cá nhân, đó là gia tộc.

Mỗi người chúng ta, ngoài cha mẹ, anh em, còn có ông bà, cô dì, chú bác, cậu mợ, anh em, cháu chắt nội ngoại xa gần.

Xưa nay, nhìn vào một cá nhân, ở bên Trung Hoa cũng như ở Việt Nam, người ta thường nhìn lên bốn đời, và nhìn xuống bốn đời. Như vậy cộng với đời của đương sự, tất cả có chín đời, gọi là Cửu tộc. Cửu tộc là như sau :

CAO	:	KỖ hay SƠ
TẶNG	:	CỤ
TỒ	:	ÔNG
KHẢO (PHỤ):		CHA
KỖ	:	MÌNH
TỬ	:	CON
TÔN	:	CHÁU
TẶNG TÔN :		CHẮT
HUYỀN TÔN:		CHỨT

Nhưng thực sự mà sống với nhau «trông thấy được nhau» thường chỉ có 5 đời. Tuy nhiên, những gia đình được

Ngũ đại đồng đường cũng hiếm.

Nhân đi tìm tài liệu để viết bài này, tôi có đến thăm một cụ bạn già, năm nay 77 tuổi, ở đường Thủ Khoa Huân. Vào nhà, tôi thấy trên tường có treo 2 đôi câu đối như sau :

Ngũ đại đồng đường, danh gia lễ mĩ

Bát tuần tấn thọ, đức thụ trường tồn.

(Lạc khoản đề : Tân sửu niên, trọng đông, — Tùng Phong Nguyễn Khánh Trường trang hạ) (1)

và

*Ngũ đại đồng cư, trung phúc quá
Bát tuần khánh thọ, kỷ niên hoa.*

(Lạc khoản đề : Tân sửu niên, trọng đông, — Hán học cử nhân, Tùng Phong Nguyễn Khánh Trường trang hạ)

Hỏi ra mới biết đó là những câu đối do các thân hữu mừng vào năm 1961, nhân dịp bát tuần khánh thọ của cụ cố thân sinh.

Những đôi câu đối ấy đã nói lên được danh giá và phúc ấm của gia đình đó.

(1) Cụ Nguyễn Khánh Trường đỗ cử nhân Hán học, làm đến Tuần phủ

Vượt quá phạm vi gia đình đề khảo về gia tộc, có một điều sẽ khiến chúng ta phải ngỡ ngàng hết sức, nếu chúng ta dành một vài phút suy tư, đó là : cái công trình vô biên của Tạo hóa của trời đất, đã tồn không biết bao nhiêu là công phu, năm tháng để tạo dựng nên một Ta.

Chúng ta hãy nghĩ mà coi : Ai trong chúng ta mà chẳng có cha, có mẹ. Rồi 2 cha mẹ chúng ta cũng lại đều có cha mẹ. Như vậy vị chi đã là 4. Rồi 4 ông bà chúng ta cũng có cha mẹ, vị chi là 8. 8 cụ chúng ta lại có cha mẹ, vị chi là 16. Cứ thế mà tính lên cho đến đời thứ 10, thì chúng ta đã có 1024 tổ tiên ở khắp mọi nơi, làm đủ mọi nghề, và lưu lại cho chúng ta đủ mọi đặc tính hay hay dở

Nếu tính lên cho đến đời thứ 20, ta sẽ có 1.048.576 tổ tiên. Tính lên đến đời thứ 30, tức vào khoảng cách đây 1000 năm, ta sẽ được con số 1.000.000.000 tổ tiên. Tính lên cho tới năm 1 Thiên Chúa giáng sinh, ta sẽ được con số 10^{25} Tổ tiên. Thật là một con số kinh khủng (1). Nhưng mà đâu phải chúng ta mới phát xuất từ năm 1 mà tổ tiên xa vời của chúng ta đã có từ khi mới có loài người ! Như vậy suy ra, thì chúng ta tất cả chẳng ít thì nhiều đều là anh em với nhau, vì trong dĩ vãng gần hay xa, cũng đã có lần tổ tiên chúng ta đã giao duyên phối ngẫu cùng nhau, nhưng theo đà thời gian các giòng họ, y như các giòng sông nhỏ, mỗi giòng di về một ngã khác nhau, nên càng ngày càng trở lên xa lạ cùng nhau.

Bây giờ chúng ta hãy tạm lấy số 10^{26} là số tổ tiên ta. Rồi ta cứ cho 30 năm là một đời, Nhân lên, ta sẽ có 30×10^{26} . Đó là một con số thời gian khủng khiếp, ngoài sức tưởng tượng của chúng ta ! Mới hay ! con người thật là có giá trị, vì đã mất bao nhiêu người, bao nhiêu năm để tạo nên ta, chứ không phải chỉ có cha mẹ ta sinh ra ta, và chỉ mất có 9 tháng 10 ngày đã sinh ra được ta.

Ông Dã Lan, Nguyễn Đức Dự, trong quyển *Một lối chép Gia phả thật đơn giản* đã có nhận định xấp đáng về gia đình, gia tộc như sau :

« Phạm vi của gia đình không phải chỉ có vắn vắn một ít người là cha mẹ, con cái, mà thật ra nó bao gồm cả tổ tiên, cụ kỵ, ông bà, của chúng ta nữa. Bởi vậy, nếu mọi người không muốn cho con cháu của mình thành những người lạc lõng giữa một tập thể quốc gia rộng lớn và lúc sống cũng như khi chết không đến nỗi mờ mờ mịt mịt với nguồn gốc cội rễ của tổ tiên, ông bà, thì mình phải có bổn phận phải hồi lại tất cả những gì nó liên quan tới những người đã khuất (là tổ tiên cụ kỵ...) »

« Vậy thì 2 tiếng gia đình chỉ có thể biểu lộ đầy đủ được ý nghĩa của nó khi nó bao gồm cả người chết (Tổ tiên) và người sống (con cháu). Như

(1) Xem Jacques Tabuteau, *Connaissez vous votre famille ?* Edition Sociale française. 7 Rue Jadin Paris XVII, p. 42

thể khi ta nhắc đến gia đình, hẳn nhiên còn phải nhắc đến nhiều người khác đã chết từ lâu, trước cả ông bà cha mẹ của mình—nhưng lại có rất nhiều công lao xây đắp nền móng cho cái gia đình mà mình đang hiện diện ở trong đó. Hơn nữa, thuật lại những gì đã xảy ra ở trong gia đình, cũng không phải là chỉ kể câu chuyện hiện tại xảy ra ngay trong đời sống của mình, mà còn phải nhắc đến nhiều sự việc liên can tới gia đình từ trước kia ở xa mãi bên trên cả ông bà cha mẹ mình nữa. Những sự việc không tên ấy là một chuỗi dài lịch sử xảy ra nhiều năm về trước dệt thành một tấm màn dày đặc che kín một khoảng trống thật lớn ở bên trong gia đình mà những kẻ làm con cháu chưa hề được biết tới bao giờ...»

Nơi khác ông viết : « Gia tộc Việt Nam xưa nay chia làm hai bậc : một là nhà hay tiểu gia đình, gồm cha mẹ vợ chồng con cái, — hai là họ hay đại gia đình, gồm tất cả mọi người cùng chung một ông tổ sinh ra, kể cả người chết và người sống, tức là « gia tộc », gồm có một chi trưởng với nhiều chi thứ. Những người liên hệ trong một gia đình thì thường là cụ, kỵ, ông bà rồi đến cha mẹ, còn ở bên trên nữa thì có ông Cao tổ cho đến Thủy tổ. Còn ở dưới thì có con, dưới con có cháu dưới cháu là chất, và dưới chất là chut (hoặc huyền tôn), cho đến ở xa dưới nữa thì đều gọi chung là viễn tôn. Từ Cao tổ trở xuống đến Huyền tôn thì gọi là Cửu tộc » (2)

GIA TỘC VỚI DI TRUYỀN

Khảo về gia phả các dòng họ lớn ở Việt Nam, ta thấy có nhiều dòng họ liên tiếp trong nhiều đời đã sinh ra được những bậc khoa bảng triều đình.

Khi tôi còn học thuốc, một lần đến chơi nhà 1 anh bạn cùng lớp, là anh Bùi Quốc Hương. Anh cho tôi biết từ 10 đời nay, Cụ, kỵ ông, cha anh đều kế thế cổ đại khoa. Ngày nay anh cũng đã đỗ Thạc sĩ y khoa.

Khảo về bốn họ lớn ở làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông ta thấy 4 họ Phan, Phạm, Đỗ, Nguyễn từ đời nhà Trần đến nay, liên tiếp có các bậc khoa bảng.

Ngoài ra, Hà Đông cũng còn nhiều làng khác phát sinh ra những dòng họ văn vật :

Làng Đại Mỗ có dòng họ Nguyễn Quý 3 đời làm đến Đại vương. Ở nhà thờ tổ của dòng họ có 1 biển đề :

« Nhất môn phụ tử tôn, kế đẳng khoa, kế vi sư phó, kế phong đại vương phúc thân, cồ kim sở hân văn dã » (Một nhà mà cha con, ông cháu liên tiếp đỗ đại khoa, liên tiếp được làm thái phó, liên tiếp được phong vương, phong thân, cồ kim thực sự khi nghe thấy vậy) (1)

Ở làng Tây Mỗ thì có dòng họ Nghiêm ; ở làng La Khê có dòng họ

(2) Xem sách đã trích dẫn tr 35, 34 và 31

(1) Xem Di thủy Phạm gia Thuyết, Đông Ngạc Tập biên, Saigon 1963.

Ngô Thúc, ở làng La Nội, những dòng họ Đặng, họ Bùi, họ Nguyễn cũng có nhiều vị đại khoa. Ở làng Hương Canh, có dòng họ Nguyễn, ở làng Vân Canh có dòng họ Nguyễn, họ Trần, ở các làng Thượng Yên Quyết, Hạ Yên Quyết cũng có những dòng họ Nguyễn, họ Hoàng có nhiều người đỗ đạt. Vì thế nên đã có câu : «Mỗ, La, Canh, Cốt,» để chỉ những làng văn vật đó ở Hà Đông. (2)

Ngoài Bắc cũng còn có nhiều làng có những dòng họ hết sức hiển đạt như ở Vân Đình, có dòng họ Dương, con cháu cụ Dương Khuê, Dương Lâm. Ở Hưng Yên có làng Bạch Sam với dòng họ Phạm, ở Nam Định có làng Hình Thiện với họ Đặng. Vì thế đã có câu :

*Xứ Đông Bạch Sam, xứ Nam
Hành Thiện.*

Ở Hải Dương thì có dòng họ Vũ Hồn ở làng Lương Ngọc, phủ Bình Giang là một dòng họ lớn từ Đình Lê Lý Trần mãi cho đến nay liên tiếp có con cháu đại khoa. Nhà thờ của dòng họ 2 đôi câu đối. Câu đối 1 :

*Cao tăng tổ khảo dĩ lai, thập bát
công khanh, tam tề tướng
Đình Lê Lý Trần nhi hậu, bách
đur tiến sĩ, tứ đình nguyên.*

(Từ Cụ kỵ ông cha tới nay, có mười tám người liệt hạng công hầu, và 3 người làm Tề tướng. — Từ Đình Lê Lý Trần cho đến nay có hơn 100 ông tiến sĩ và 4 trạng nguyên) (1)
Câu đối 2 :

*Vì tử tôn lập vạn đại cơ, công
tướng khanh hầu vô trệ loạn.*

*Dữ thiên địa đồng nhất nguyên
khí, hoàng vương, đế bá hầu long 0.*

(Lập cơ ngơi vạn đại lâu bền cho con cháu, dù loạn hay trị vẫn có khanh tướng công hầu. Có cùng nguyên khí như trời đất Hoàng vương đế bá còn có lúc thăng trầm).

Ở trong Nam thì có những dòng họ lớn như Trương Vĩnh, Trương Minh, v.v... (1)

Ở Trung, ngoài những dòng họ nhỏ chúng ta phải kể đến dòng họ Nguyễn Phước, tức là dòng họ tôn thất nhà Nguyễn hiện nay.

Dòng họ này khởi từ vị khai quốc công thần nhà Đinh là Đinh quốc công Nguyễn Bặc.

Đời nhà Lý có ngài Kiêm hiệu Nguyễn Độ, Tả tướng quân Nguyễn Viễn v.v..

(2) Mỗ là Đại Mỗ và Tây Mỗ. La là La Khê, La Nội. — Canh là Hương Canh, Vân Canh. — Cốt là Thượng Yên Quyết, Hạ Yên Quyết. (Phòng theo Từ Liêm huyện đặng khoa chỉ (tài liệu viết tay bằng chữ Hán đời vua Tự Đức) Cụ Đông Quan Hưng, Phạm gia Thuyết hiện có tài liệu này

(1) Đôi câu đối này cụ Cửu Chung cho tôi. Cụ Đông Quan Hưng, Phạm Gia Thuyết nhớ là *cửu khôi nguyên* cụ Cửu Chung nhớ là *tứ đình nguyên*.

Triều nhà Trần có Chiêu Quang Hầu Nguyễn Sử, Thái bảo Hoàng quốc công Nguyễn công Chuẩn và con là Thái úy Trịnh quốc công Nguyễn đức Trung. (1)

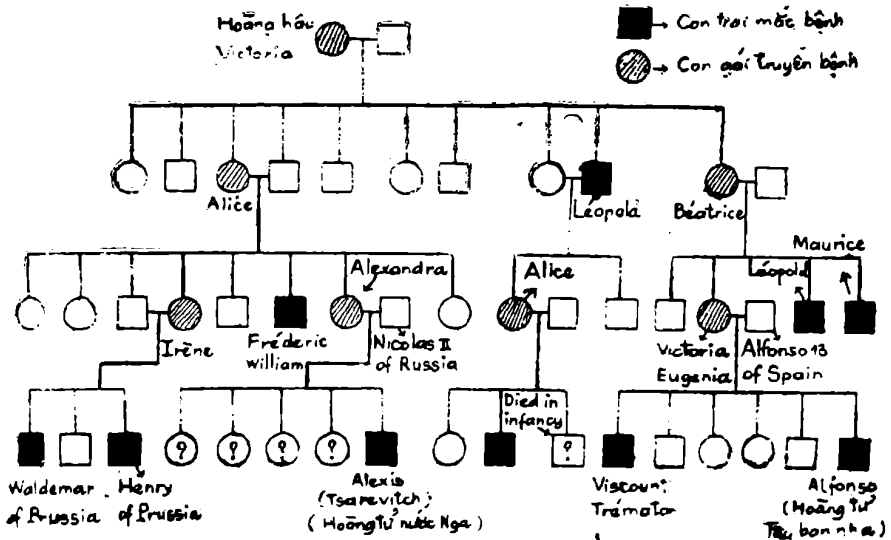
Đời nhà Lê có Thượng phụ thái sư Hưng quốc công Nguyễn kim, tức là vị tổ đứng đầu trong ngọc bảo Nguyễn Triều sau này. Và từ đó cho đến 1945 con cháu đã kế thế làm Vương làm Đế ở Việt Nam. (2)

Tại sao nhiều dòng họ kế thế được vinh hiển như vậy?

Có người cho rằng đó là vì mà phát, có người cho rằng vì làng được phong thủy tốt (như trường hợp làng Đông Ngạc). Người xưa khi bàn về thi cử đỗ đạt đã nói: «*Nhất phận, nhì duyên, tam phong thổ, tứ tích âm công, ngũ độc thư*» (1 là nhờ số mệnh, hai là nhờ ngoại duyên, ba là vì phong thổ,

bốn là vì âm đức, năm là vì học hành). Nhưng tôi cho rằng chúng ta cũng có thể cắt nghĩa được bằng di truyền. Thực vậy trong con người chúng ta, có những di thể (gènes) rất nhỏ. Tuy là nhỏ, nhưng chúng rất có ảnh hưởng đến tính nết, đến sự thông minh, đến sức khỏe chúng ta.

- (1) Dòng họ Nguyễn phát tích từ làng Gia Miêu Ngoại Trang, tổng Thượng Bạ, Huyện Tống Sơn, Phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
- (2) Đất mộ phần dòng họ Trương minh tại Gò Vấp, đến đây hỏi thăm nhiều người biết, Phủ thờ cũ kỹ, kèo trích mối leo cả dây. Đặc biệt là nơi đây còn giữ được trên trăm bài vị tiền nhân dòng họ. — (xem Vương Hồng Sển, *Saigon năm xưa*, trang 181)



Y học chứng minh có những dòng họ đã truyền cho con cháu những bệnh tật có hữu một cách rất là ly kỳ. Xin đan cử 1 chứng bệnh di truyền trong dòng họ của bà Hoàng hậu Victoria nước Anh.

Hoàng hậu Victoria tuy không mắc bệnh Huyết hữu (hémophilie, một bệnh, hễ chảy máu, là chảy không ngừng), nhưng có thể truyền bệnh ấy cho con trai. Con gái không mắc, nhưng di lấy chồng thì lại có thể truyền bệnh đó cho ít nhiều con trai của mình. Xem đồ bản trên đây ta sẽ rõ :

Đồ bản trên cho thấy trong vòng bốn đời liên tiếp nhau, nhiều hoàng tử, nhiều vua chúa nội ngoại của giòng họ, đã mắc bệnh huyết hữu.

Đặc biệt nhất là trường hợp hoàng tử nước Nga là Alexis (Tsarevitch) Hoàng tử đã mắc bệnh huyết hữu và nhiều lần đã thập tử nhất sinh, mỗi khi bị một vết xây xát nhỏ. Các lương y nhiều lần đã đành phải bó tay. Vua và hoàng hậu phải mời vị tu sĩ tên là Raspoutine tới chữa, Hoàng tử mới lành. Nhưng ý y được vua và hoàng hậu tin phục, Raspoutine đã lộng hành quá đáng, gây nhiều xáo trộn trong nước Nga, và như vậy đã một phần nào làm cho cuộc Cách mạng 1917 của Nga có cơ bùng nổ. Chính cuộc cách mạng này đã lật đổ Nga Hoàng và thiết lập chế độ Cộng Sản.

Thế tức là, nếu không có cái « di truyền » (gènes) quái ác mang bệnh huyết hữu của dòng họ Victoria đó, thì có lẽ

thế giới ngày nay chưa có Cộng Sản. Sự đời oái oăm là vậy !

Và gần đây, bệnh huyết hữu cũng lại đã cướp mạng sống của hoàng tử Alphonse nước Tây Ban Nha. Ông hoàng này đã lưu vong sang ở Miami, Floride, Hoa Kỳ. Một hôm ông lái xe, đụng vào 1 xe khác. Ông bị ít nhiều mảnh kính bẻ làm xây xát, chảy máu. Những vết thương ấy nếu ở nơi người khác thì rất nhẹ, nhưng ở nơi ông thì lại rất nặng. Ông bị chảy máu không ngừng, và vào đến bệnh viện thì chết. Ông là cháu của hoàng hậu Victoria. (1)

Nếu bệnh tật có thể truyền từ lưu tôn, thì dĩ nhiên sự thông minh cũng có thể di truyền nhiều đời, các đặc tính của mỗi giòng họ cũng có thể truyền được nhiều đời.

Thomas Huxley (1825-1895), một trong những ông tổ của thuyết tiến hóa cũng đã có chủ trương tương tự. Ông đã viết trong quyển *Evolution and Ethics* như sau:

« Kinh nghiệm hằng ngày đã làm cho chúng ta trở nên quen thuộc với những dữ kiện mà chúng ta gọi là di truyền. Mỗi người trong chúng ta đều mang trong mình những dấu tích rõ ràng của tiên tổ xa gần.

Đặc biệt là, cái mà chúng ta gọi

(1)— Xem *Genetic* (2d edition) A. M. Winchester Colorado State-Houghton Muffin Co Boston, The Riverside Press, Cambridge, 1958 p. p. 121 etes.

là tính nết-tức là tổng hợp các khuynh hướng khiến ta hoạt động theo 1 chiều hướng riêng biệt nào đó, thường có thể tìm thấy nơi các tông chi tiên tổ chúng ta.

Như vậy, chúng ta cũng có thể nói được rằng tính nết đó—cái đặc điểm tâm trí của mỗi một người đó—thực sự đã diễn tiến từ hình hài này sang hình hài khác, thực sự đã «luân hồi, chuyển kiếp» từ đời này sang đời khác....

Các triết gia Ấn Độ gọi những đặc tính ấy là duyên nghiệp... Trong thuyết tiến hóa, thì khuynh hướng làm cho 1 mầm mống trở thành một loài riêng biệt nào đó, ví dụ như là hạt biền đậu trở thành cây biền đậu, cái đó là duyên nghiệp... Đó là kẻ thừa hưởng cuối cùng và là kết quả cuối cùng của tất cả những điều kiện đã có tác dụng trên một tộc họ đã khai nguyên từ nhiều triệu năm nay từ khi sự sống mới xuất hiện trên mặt đất này.

Và ông trích dẫn lời của giáo sư T. W. Rhys Davids, đề kết luận : «Cỏ tuyết diêm hoa là diêm tuyết hoa chứ không phải là cây sến và chỉ là diêm tuyết hoa chứ không phải là cây sến và chỉ là hạt sương thuộc về một loại nào đó, chính là kết quả các duyên nghiệp của một chuỗi bất tận các kinh nghiệm quá khứ» (1). Thế là Thomas Huxley đã đồng hóa Di truyền với thuyết Duyên nghiệp (karma) của phật giáo, và đã muốn nối liền mỗi một sinh vật hiện hữu với muôn triệu tiên tổ đã sinh ra trên mặt địa cầu này trước nó...

GIA TỘC VỚI VĂN HÓA, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI.

Gia tộc, vì là một thể chế cổ xưa

nên đã ảnh hưởng sâu rộng đến các vấn đề văn hóa chính trị xã hội.

Dở ca dao, tục ngữ V N, ta thấy có rất nhiều câu liên quan đến gia tộc, họ hàng. Ví dụ như :

(1) — Every experience familiarizes us with the facts which are grouped under the name of heredity. Every one of us bears upon him obvious marks of his parentage, perhaps of remoter relationships. More particularly, the sum of tendencies to act in a certain way, which we call «character» is often to be traced through a long series of progenitors and collaterals. So we may justly say that this «character» this moral and intellectual essence of man—does veritably pass over from one fleshly tabernacle to another, and does really transmigrate from generation to generation....

The Indian philosophers called character as thus defined, «karma» ... In the theory of evolution, the tendency of a germ to develop according to a certain specific type, e.g. of the kidney bean seed to grow into a plant having all the characters of *phaseolus vulgaris* is its «karma». It is the last inheritor and the last result of all the conditions that have affected a line of ancestry which goes back for many millions of years, to the time when life first appeared on the earth. Then quoting professor T. W. Rhys

— Cha nó lú nhưng chú nó khôn.

— Yêu nhau yêu cả đường đi.

— Ghét nhau, ghét cả tông chi họ hàng.

— Một người làm quen cả họ được nhờ.

— Một giọt máu đào hơn ao nước lã.

— Xênh cha còn chú, xênh mẹ còn dì.

— Cậu chết mẹ ra người đứng.

— Chú tôi có chết, thím đừng lấy ai...v.v

Gia tộc Việt Nam và Trung Hoa còn có một mối liên quan rất là kỳ quái đến văn hóa : đó là niềm tin vào mồ mã đất cát.

Xem gia phả bất kỳ một dòng họ lớn nào, lúc đầu tiên cũng thấy đề cập đến mồ mã kết phát như là lý do chính yếu của sự phát vua, phát quan, phát phú, phát quý của giòng họ mình.

Ví dụ như dòng họ Vũ Hồn thì cả nghĩa rằng ngôi mộ của thủy tổ đã được táng treo vào một đại huyết gọi là :

David, Huxley ends : :... The snowdrop is a snowdrop and not an oak and just that kind of snowdrop, because it is the outcome of the karma of an endless series of past experiences. (Nancy Wilson Ross, *Three ways of Asian wisdom*, A Clarion Book published by Simon and Schuster, Rockefeller Center, 630 Fifth Avenue, N. Y., 1969. p. 118

«Cửu thập bát tú triều dương». Đó là kiểu đất «Tiến sĩ sào» (đông nghê). Ông Vũ Hồn sau sinh được hai người con sinh đôi, người anh ở lại VN, phát ra một dòng công khanh khoa bảng ở VN liên tiếp từ bao nhiêu đời. Người em được thầy địa lý đưa về Trung Hoa, cũng đã sinh ra không biết bao nhiêu là con cái cháu chắt khoa bảng công khanh.

Trần Đức Lai, trong truyện *Hoa khue các*, đăng trong nhật báo *Đông Phương*, nơi số 142 ra ngày 17-8-1974 đã viết về ngôi mộ của tổ phụ và tổ mẫu của Nguyễn Kim như sau : «Tổ phụ và tổ mẫu của Nguyễn Kim là người hiền lành cây ruộng và vào rừng làm sào».

Một buổi chiều ông vào rừng lấy măng tre măng nứa, khi trở về, trời dề giông gió, bèn chạy vào trong hang núi ẩn. Bỗng một tiếng sét nổ vang trời, đá trên núi dề xuống lấp chặt cửa hang, chôn sống người tiểu phụ họ Nguyễn trong hang đá đó. Chiều hôm sau, bà vợ đi tìm chồng thì bị cộp tha về gần hang núi, nơi ông chồng đã bị chôn sống, đặt trước cửa hang rồi phóng mình đi thì bỗng mỗi lần lên núi liền thấy người vợ. Trời lại dề mưa giông âm âm ; ngày sau, nơi chôn cất hai vợ chồng người họ Nguyễn ở thôn Gia Miêu Ngoại Trang, trở thành một khu rừng rậm, thân nhân không làm sao tìm được xác của ông bà họ Nguyễn dề chôn cất nữa. Theo thầy địa lý, thì đó là nhờ phúc đức nhà họ Nguyễn nên chồng được thiên táng vợ được hồ táng đúng ngôi

Đế Đế Vương sau này nhà Nguyễn mới thống nhất sơn hà lên ngôi Đế Vương» «Những chuyện tương tự như vậy đã bị lừa ra được khỏi ký ức người dân Việt.

Nhiều gia đình hợp lại thành một gia tộc, nhiều gia tộc hợp lại thành một nước. Bên Tàu cũng như bên ta xưa cho rằng toàn dân có khoảng chừng 100 họ vì thế nên toàn dân trong 1 nước cũng được gọi là Bách tính. Nhưng thực ra trong một nước có rất nhiều dòng họ.

Học giả Nguyễn bặt Tụy đã viết trong tập : «*Tên người Việt Nam*» nơi trang 49 như sau :

«Ông P. Gourou, trong quyển *Les paysans du Delta tonkinois* tr. 127 tính rằng có tới 202 ở vùng đồng bằng Bắc Việt. Nhưng theo sự tìm tòi của chúng tôi, con số ấy được tới 308, và có lẽ còn hơn nữa ở toàn cõi Việt Nam».

Giáo sĩ Paul Perny, trong tập *Appendice du Dictionnaire Français Latin, Chinois de la langue Mandarine parlée*, đã tìm ra được tất cả 450 họ ở bên Trung Hoa trong đó 420 họ đơn và 30 kép.

Đến như chuyện lấy vợ lấy chồng, thì người ta thường tránh lấy họ đồng tông, mà lấy người thuộc dòng họ khác.

Lấy nhau trong họ đồng tông, ngoài sự dâm tiểu của mọi người về phương diện luân lý, còn sợ có những ảnh hưởng tai họa về các bệnh di truyền của một dòng họ. Cho nên luật pháp Đông Tây thường cấm lấy nhau trong họ đồng tông.

Lấy người khác họ, cũng còn là một cách thêm vầy thêm cánh cho dòng họ mình.

Các nhà quý tộc xưa ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam quan niệm hôn nhân như một phương cách để :

1) — Sinh con, đẻ cái cho đông, cho dòng họ mình lớn mạnh, bền vững lâu dài.

2) — Tăng uy thế của dòng họ mình. Cưới xin tức là liên kết với một giòng họ khác.

3) — Vợ chồng cùng nhau lo việc tế tự tổ tiên.

Khảo thư tịch Trung Hoa, ta thấy xưa kia có một tục lệ rất ly kỳ như sau :

Khi mà nhà gái thuộc dòng quý tộc hỏi vợ, thì bên nhà gái, lúc cho con gái mình về vu quy, phải cho ít nhất là người em gái út theo chị, hay một người cháu gái theo cô để phù dâu và cũng là để làm hầu thiếp sau này.

Vợ cả thì gọi là Đích.

Các nàng hầu đi phù dâu thì gọi là Dã.

Các cô phù dâu gồm có ít là :

— Em gái út gọi là Đệ

— Cháu gái gọi là Diệt.

Tùy theo cấp bậc trong xã hội, số nàng hầu sẽ tăng :

— 1 người quý phái thường sẽ được cung cấp 1 vợ, 1 nàng hầu.

— Đại phu 1 vợ hai nàng hầu.

— Chư hầu 3 vợ 6 nàng hầu. (1)

— Thiên tử 4 vợ 9 nàng hầu.

Trần Thủ Độ xưa cũng đã biết dùng hôn nhân để củng cố dòng họ. Ví dụ tìm cách thông gia với các đại tướng quân, hoặc cho các vương tôn đi trấn nhậm các vùng biên cương hiểm trở, rồi lại khuyến khích họ chọn vợ trong những bộ lạc Mường Mán. Như vậy cốt là để dùng hôn nhân củng cố ngai vàng cho dòng họ. Sau này ta thấy Công Chúa Huyền Trân đã kết duyên cùng vua Chiêm Thành, để đổi lấy hai châu Ô, Lý...

— Và chính cũng là để tiêu diệt mầm mống phản nghịch, phục thù, nên vua chúa nước Tàu xưa đã lập ra hình phạt chu di tam tộc :

— Giết họ người phạm tội.

— Giết họ mẹ người phạm tội.

— Giết họ vợ người phạm tội.

Hình phạt này được Thương Ưởng sáng chế ra, nhưng đến đời nhà Đường thì Vũ Hậu truyền bỏ. Tuy nhiên ta thấy các triều đại vua chúa Trung Hoa vẫn thường áp dụng hình phạt này.

Ở nước ta, thì đời nhà Lê, triều đình đã chu di tam tộc nhà cụ Ước Trại Nguyễn Trãi, mặc dầu trong bộ luật Hồng Đức không thấy có ghi hình phạt đó (2).

Đến đời Nguyễn, hình luật Gia Long phỏng theo hình luật Mãn Thanh, nên còn nặng hơn cả hình phạt chu di tam tộc, vì ngoài việc chu di tam tộc còn giết hết mọi người ở chung 1 nhà với phạm nhân, mặc dầu là khác họ. (3)

Chính vì thế mà mỗi khi có người thân bị tội, nhiều người trong dòng họ đã phải thay tên đổi họ, để thoát tội tình, đương họ Trịnh đổi ra họ Nguyễn, đương họ Nguyễn đổi ra họ Lê v.v...

Tôi có gặp 1 người Trung Hoa có họ Vi. Tôi hỏi sao lại có họ Vi ? Ông cho biết cha ông trước kia là họ Hàn nhưng vì có tội với triều đình nên đã tách chữ Hàn làm đôi, bỏ đi nửa trái giữ lấy nửa phải, thành ra họ Vi.

Cũng như ở nước ta, nhiều người họ Mạc đã đổi thành họ Phạm vì Mạc và Phạm đều có *Thảo đầu* như nhau. Thế là « bỏ thì thương, vương thì tội » đành giữ lấy ít là một nửa vậy !

Nói đến gia đình, gia tộc, không thể nào bỏ qua được một vấn đề rất ư quan trọng đó là sự thờ cúng tổ tiên với các vấn đề phụ thuộc liên hệ như Từ đường, ruộng hương hỏa, đích tôn, đích tôn, trường tộc v.v... Lễ kỷ xưa đã qui định về nhà thờ tổ như sau :

Nhà thờ tổ to nhỏ tùy theo giai cấp và chức tước.

(1) Xin đọc Maxel Granet, *La Polygamie sororale et le sororat dans la Chine féodale* (Angers, Imprimerie F. Gaultier et A. Thébert, 4 Rue Garnier)

(2) Xem Vũ văn Mẫu, *Cổ luật Việt Nam lược khảo*, quyển thứ 2, Saigon 1970, tr. 428

(3) Ibid. tr. 429

Nhà thờ tổ của bậc Thiên tử có bảy miếu : ba miếu ở phía bắc gọi là Chiêu, ba miếu ở phía Nam gọi là Mục, và một miếu ở phía Tây, thờ vị Thái tổ đã sáng lập ra dòng họ.

Nhà thờ của các bậc chư hầu có năm miếu thờ : 2 miếu ở phía bắc gọi là Chiêu, hai miếu ở phía Nam gọi là Mục, và 1 miếu ở phía Tây thờ vị Thái tổ được vua phong hầu và ban cấp Thái ấp.

Nhà thờ của bậc đại phu có ba miếu : 1 miếu ở phía Bắc gọi là Chiêu, một miếu ở phía Nam gọi là Mục và một miếu ở phía Tây thờ vị Thái tổ.

Nhà thờ của các bậc quan sĩ, chỉ có 1 miếu.

Thứ dân (người dân thường) không có miếu thờ riêng và thờ tổ tiên ngay trong nhà. (1)

Sau đây là sơ đồ bảy miếu của Nhà Chu

(Tây)

Thái Tổ

(Hậu Tắc)

Mục (Nam)	{	Vũ vương	Văn vương	{	Chiêu (Bắc)
		Tăng tổ	Cao Tổ		
		(Cụ)	(Kỵ)		
		Phụ (cha)	Tổ (Ông)		

Đông (2)

Về đích tử, đích tôn, tức là về người có bốn phận thờ cúng tổ tiên, luật Hồng Đức đoạn 389, qui định :

1) Trước hết phải chọn con trưởng của người vợ cả.

2) Nếu người đích tử chết trước thì lập người cháu trưởng.

3) Nếu không có cháu trưởng mới lập con người vợ thứ.

4) Trong hàng con vợ thứ, không chọn lấy người nhiều tuổi, mà lại chọn lấy người con hiền của vợ lẽ.

5) Trong trường hợp không có con trai, thời được chỉ định các con gái hoặc người thân thuộc (điều 388 luật Hồng Đức). (1)

Về ruộng hương hỏa, thì luật Hồng Đức qui định có thể lấy 1/20 ruộng đất để làm ruộng hương hỏa.

Điều 400 luật Hồng Đức qui định thêm : Ruộng hương hỏa đủ con cháu

(1) *Lễ ký*, mục III Vương chế, Chương III, Thiên tử thất miếu : tam chiêu, tam mục, dư Thái tổ chi miếu nhị thất. Chư hầu ngũ miếu, nhị chiêu nhị mục, dư Thái tổ chi miếu nhị ngũ. Đại phu tam miếu, nhất chiêu nhất mục, dư Thái tổ chi miếu nhị tam. Sĩ nhất miếu. Thứ nhân tế tự tam.

(2) Xem Vũ văn Mẫu, *Cổ Luật Việt Nam lược khảo* quyển 2, tr 275—276

(1) Nơi đây, tôi chỉ nói đại cương, còn quý vị nào muốn đi vào chi tiết xin đọc Vũ văn Mẫu, *Cổ luật Việt Nam lược khảo*, q. 2, từ trang 264 đến 283.

nghèo khó cũng không được đem bán. Trái luật phải ghép vào tội bất hiếu.

Nói đến gia đình, gia tộc cũng phải nói đến người trưởng tộc. (2)

Người trưởng tộc chính là nòng cốt của một dòng họ. Tình thân ái giữa họ hàng, một phần cũng nhờ người trưởng tộc nên mới trở nên thâm thiết. Người trưởng tộc có thể là người lớn tuổi, nhưng cũng có thể là người trẻ cao, có địa vị lớn trong xã hội, chứ không nhất thiết phải theo nguyên tắc *đích trưởng* như ở ngoài Bắc. Các vị trưởng tộc có quyền triệu tập hội đồng gia tộc, hay thân thuộc họ hàng mỗi khi cần, nhân xử những tranh chấp ở trong họ, định đoạt, khuyên bảo khi họ hàng có việc hôn tang hoặc những việc quan hệ khác. Tôi đã thấy nhiều vị trưởng tộc đã chẳng ngại tốn ai triệu tập mọi người trong họ từ ở các tỉnh xa về, để phát gia phả cho họ hàng.

Nhiều dòng họ còn lập ra những hội tương tế. Ngoài sổ tiền nguyệt liêm, còn thu một khoản tiền nhỏ, gọi là tiền *trợ tang*. Sổ tiền này sẽ được dùng để giúp đỡ cấp thời, mỗi khi có một hội viên mệnh mất. Những dòng họ lớn, như dòng họ Nguyễn phước lại còn có bản Tin Tức để phổ biến trong dòng họ.

— Nói đến gia tộc, chúng ta cũng không nên quên cách đặt tên của ít nhiều dòng họ, để cứ thấy chữ đệm là biết được tên ti.

Điền hành nhất là họ Nguyễn Phước Năm Quý Vĩ 1823, tức là năm thứ 4 triều vua Minh Mạng, vua định phép

đặt tên cho tất cả Hoàng gia. Tên chia làm thành 11 bài thơ. Để hệ thì chạm vào Kim sách, 10 hệ khác thì chạm vào Ngân sách.

Bài thơ về chính thống để hệ như sau :

*Miền (1) Hường Ưng Bửu Vĩnh
Bảo Quý Định Long Trường.
Hiền Năng Kham Kế Thuật.
Thế Thoạt Quốc Gia Xương*

Như vậy thấy Tùng Thiện Vương chẳng hạn với tên là Mân (Miên) Thâm, ta sẽ biết ngài là con của vua Minh Mạng, và Cụ Ưng Hoát chẳng hạn sẽ là hàng chú Bửu Lộc, hàng ông Vĩnh Cần, hàng cụ Bảo Long v.v...

Cụ Dương Khuê vì có được Tùng Thiện Vương mời ngồi dạy học tại nhà cũng đã bắt chước thế thứ nhà Nguyễn mà làm 1 bài thơ đề đặt cho giòng họ mình như sau :

*Tự Thiệu Hồng Nghiệp.
Vĩ Bang Gia Kỳ (Cơ)
Thế Tế Kỳ Mỹ
Phúc Khánh Dự Chi.*

Và dĩ nhiên là con cháu cụ sẽ có những tên Dương tự, Dương thiệu, Dương hồng, Dương nghiệp v.v... (1)

— Ngày nay ở miền Nam Việt Nam đang có phong trào làm gia phả. Nhiều dòng họ đã quay Ronéo những

(2) Xem sách đã trích dẫn, tr. 285.

(1) hay Mân

quyền gia phả rất lớn để phát cho các gia đình trong chi tộc.

Tuy nhiên ở Việt Nam, công việc làm gia phả cũng khó, vì ít nhà có thói quen làm gia phả. Hơn nữa vì tình hình chiến tranh, vì nạn tàn cư, vì nạn hồ sơ lý lịch thất lạc, nên mỗi khi muốn truy tầm về gia phả thiệt là khó.

Ở Âu Châu trái lại, muốn lập gia phả, họ có thể lập dễ dàng, vì xứ đạo nào cũng có sổ rửa tội, sổ hôn, phôi, làng mạc quận huyện nào cũng có sổ bộ hộ tịch. Lại nữa các pho bản về hộ tịch trong I.ành đều được tập trung về thị xã, nên muốn tìm về tên tuổi, nghề nghiệp tổ tiên không có gì là khó,

Cuối cùng tưởng cũng nên nhắc lại một vấn đề lịch sử trong đó việc thờ cúng tổ tiên đã đóng vai chủ yếu. Đó là sự cãi vã nhau giữa các giáo sĩ Tây phương khi sang giảng đạo ở Trung Hoa về vấn đề thờ cúng tổ tiên. Các linh mục dòng tên thì cho rằng thờ cúng tổ tiên không gây trở ngại gì cho việc rao giảng phúc âm, và nên cứ để người công giáo tân tông được tiếp tục thờ cúng tổ tiên như cũ. Các linh mục các dòng khác như Thừa sai, Đa minh, Biển đức v.v., thì cho rằng phải cấm hẳn việc thờ cúng tổ tiên. Giáo hội La Mã cũng nhập cuộc. Ngày 19-3-1715, giáo hoàng Clément XI ra sắc chỉ Ex illa Die cấm người công giáo không được tôn kính tổ tiên theo lối Á đông. Tất cả những sự chia rẽ ấy đã dần dần đưa đến sự thất bại trong công cuộc truyền giáo ở Trung Hoa.

Nhưng dần dà, giáo hội La Mã

nhận thấy mình đã có quyết định sai lầm nên đã tìm cách sửa sai. Vì thế nên sau 200 năm cấm đoán, Thánh bộ truyền giáo dưới triều đại Pie XII với sắc lệnh ngày 8-12-1939, đã cho phép, giáo dân tỏ lòng tôn kính tổ tiên đã quá vãng như cúi đầu trước di ảnh, trước bài vị v.v... Tuy có sắc lệnh ấy, nhưng ở Việt Nam có một thời đã không chịu phở biến và thi hành, mãi sau này, khoảng năm 1960 mới cho áp dụng. Có lẽ là vì lần sống canh tân của Công đồng Vatican II đã bắt đầu dâng lên mạnh.

Gần đây, trong ít nhiều nhà Công giáo đã thấy có di ảnh cha mẹ quá vãng, phởa trước có đặt hương hoa. Đó là điều mà trước kia không thể nào có.

Hơn thế nữa, ngày 29-11-1970, ngày khai mạc đại phát thanh Veritas, giáo hoàng Paul VI có gửi một sứ điệp cho các dân tộc Á Châu. Trong một đoạn sứ điệp ấy, Ngài đặc biệt ca ngợi lòng hiếu thảo gắn bó với gia đình, và sự thờ kính tổ tiên của người Á Đông Nguyên văn như sau :

«Quả thực, thưa anh em, khi nhìn lại quá khứ của các dân tộc Á châu, chúng tôi đã phải xúc động trước tình thần biết trọng những giá trị tâm linh. Tình thần ấy đã nổi bật trong tư tưởng của các nhà hiền triết và trong đời sống của quần chúng Á châu. óc kỷ luật của các nhà tu hành, lòng đạo hạnh thâm sâu của dân chúng, lòng hiếu thảo gắn bó với gia đình, và thờ kính tổ tiên của anh em, tất cả những đức tính đó nhằm đưa tình thần lên hàng đầu. Tất cả những đức tính đó là những dấu

chúng tôi anh em không ngừng tìm kiếm. Chỉ tôn và khao khát siêu nhiên. Giá trị của những đặc điểm này không chỉ liên quan tới sự sống tinh thần anh em mà thôi. Nhìn chung, những đặc điểm này chẳng những không làm cản trở cho bước tiến kỹ thuật, kinh tế, xã hội như anh em khao khát một cách chính đáng, mà lại còn là nền tảng cho một cái gì vô giá khiến sự tiến bộ có thể thực hiện một cách trọn vẹn mà không phải hy sinh những giá trị thâm sâu và quý hóa nhất. Chính những giá trị này đã làm cho con người, một thực thể tràn ngập luồng khí tinh thần, vừa là hay có thể là chủ của vũ trụ, của các năng lực trong vũ trụ, mà là còn chủ của chính mình. Khoa học và kỹ thuật đều làm chứng cho cuộc chinh phục của trí óc con người trong lãnh vực vật chất. Nhưng óc duy vật đã núp ngay dưới bóng những cuộc chinh phục này. Và ở đâu kỹ thuật được áp dụng một cách rộng rãi, ở đó óc duy vật đã tìm cách len lỏi vào. Dầu vậy, với nhãn giới tinh thần anh em thừa hưởng được của truyền thống, tinh thần thượng luật, lòng đạo và sự bảo toàn đời sống gia đình của anh em, chắc chắn anh em có đủ sức chống lại óc duy vật kia và đi tới chỗ giúp nền văn minh Tây phương vượt được những nguy hiểm, trong đó nền văn minh này đang bị chính sự tiến bộ của mình nuốt chửng lại. (Xem *Sacerdos*, *Linh mục nguyệt san*, số 109-110, tháng 1-2-1971, tr. 50-57)

Giáo Hoàng Paul VI thực đã tỏ ra rất sáng suốt, khi đã đề cao nền tinh thần của Á đông, tinh nghĩa gia

đình bền chặt của người Á đông, lòng hiếu thảo và lòng kính nhớ tổ tiên của người Á đông. Và có lẽ ngài là vị Giáo hoàng đầu tiên đã yêu cầu Á châu với tất cả những truyền thống tâm linh tốt đẹp nên giúp cho Âu châu thoát được hiểm nguy băng dọa hiện thời.

TÓNG LUẬN

Bàn về gia đình gia tộc mà không đề cao được tình tương thân, tương trợ giữa các thành viên của giòng họ, mà không đề cao được vấn đề danh dự gia đình, mà không khuyến khích được mọi người theo gương tổ tiên hiền, nói rộng ra, thì an dân định quốc, phú quốc cường dân; nói hẹp lại, thì ăn ở cho xứng đáng với danh nghĩa con người, thì cũng là uổng công vô ích. Cho nên thâm ý của Linh Mục chủ nhiệm, khi đưa ra chủ đề Tương quan gia đình gia tộc, chính là muốn chấn hưng tại tinh thần gia đình, gia tộc ngày nay đang độ suy vi, và củng cố lại mối dây liên lạc thân ái, tương phù tương trợ giữa họ hàng mối dây mà ngày nay đã vắng mặt vật chất làm cho trở nên lỏng lẻo.

Và đề kết thúc bài này tôi muốn nhắc lại hai gương xưa tích cũ. Đó là hai câu truyện «Thiên hạ đệ nhất gia» đã ghi trong truyện Tàu.

Nếu quý vị đã đọc *Càn Long hạ Giang Nam*, ắt còn nhớ chuyện Cao Thiên Tứ (tức Càn Long vi hành) khi đến Cô Tô (Tô châu). Nơi đây vua thấy ngoài công nhà quan Thừa Tướng đương triều là Lưu Dung có treo một tấm biển đề: «Thiên hạ đệ nhất gia» Vua lấy làm

phật ý, quyết vào hỏi cho ra lẽ.

Vua vào lớp dinh cơ thứ nhất, thì được các cháu trai của Lưu Dung khoảng 20 tuổi ra tiếp. Vua hỏi đến 5 chữ «Thiên hạ đệ nhất gia». Các thanh niên này không biết dâng trả lời, nên mời vua vào lớp dinh cơ thứ 2, ở đây có anh Lưu Dung khoảng chừng hơn 40 ra tiếp. Vua lại hỏi như trên. Anh Lưu Dung cũng không biết trả lời, lại mời vua vào dinh cơ thứ 3. Nơi đây thân phụ Lưu Dung khoảng 60 chục tuổi ra tiếp, nhưng vẫn không chịu trả lời câu hỏi của nhà vua, mà lại mời vua vào lớp dinh cơ thứ 4. Nơi đây ông của Lưu Dung khoảng chừng hơn 80 ra tiếp. Vua lại đặt câu hỏi. Ông cụ này cũng không chịu trả lời, lại lại mời vua vào lớp dinh cơ thứ năm ở bên trong.

Càng vào sâu thêm vua càng thấy dinh cơ một ngày một thêm lộng lẫy, cảnh trí thêm thêm tân kỳ, đồ đạc bày biện càng ngày càng thêm sang trọng.

Vào tới dinh cơ thứ 5 vua được một cụ già hơn 100 tuổi ra đón tiếp. Vua lại hỏi ý nghĩa 5 chữ «Thiên hạ đệ nhất gia». Cụ già bèn trả lời: Khi già được 100 tuổi, thân bằng cố hữu chúc mừng cho già ba tấc khuôn biền. Tấc thứ nhất đề là «Thiên hạ đệ nhất gia», tấc thứ hai đề là «Bách tuế đường». Còn tấc thứ ba, Cao tiên sinh coi thì sẽ rõ biết công cuộc nhà Lưu gia này. Vua ngược mắt xem thấy tấc biền thứ ba tỏ ý khen ngợi nhà Lưu gia như vậy:

«Trời cũng không qua, đất cũng

không hơn, vua cũng khó tài, nhân gian đầu lẫn được. Như thế: Cha vị tể tướng, con vị tể tướng, cháu vị tể tướng. Dẫu ai giàu đâu qua đây quí, dẫu ai quí sao bằng cha con, con cháu nhà ta lên đồ khoa trường. Dẫu dòng ai lên đồ khoa trường cũng chẳng bằng kiến họ Lưu liên kết. Năm đời hiện tại sống được một trăm năm».

Vua xem rồi thì khen rằng: «Thiệt là nhà Lưu gia đệ nhất trong đời». (Xem *Cần Long hạ Giang Nam*, dịch giả Thanh Phong, tr. 215-220). Tích thứ 2, ta đọc thấy trong quyển *Đại Minh Hồng Võ*.

Vua Đại Minh Hồng Võ (Minh Thái tổ) nghe thấy ở Kim Huê có nhà họ Trịnh đề tám biền rằng: Thiên hạ đệ nhất gia, bèn giáng chiếu đòi vào châu,

Hồng Võ phán hỏi: «Người là người gì mà gọi là nhà người thứ nhất. Họ Trịnh tâu rằng: «Bởi anh em bà con chúng tôi ở chung tám đời, hòa thuận không tể chi hết, nên quan Thái thú tặng tám biền ấy mà làm gương cho bá tánh, chớ không phải của tôi làm». Hồng Võ hỏi: «Bà con bao nhiêu mà ở chung lâu vậy?» Họ Trịnh tâu rằng: «Nội nhà tôi hơn một ngàn miệng ăn.» Xảy nghe hoàng hậu ở sau bình phong tâu rằng: «Bệ hạ có một mình còn thấu dặng thiên hạ thay, nếu ngàn người đồng một lòng thì làm chi lại không nổi!» Họ Trịnh tâu: rằng «Không có phép chi lạ, phạm việc nào lớn nhỏ, cũng không nghe lời đàn bà.» Minh Hồng Võ cười ngất, xảy có sứ Hà Nam dâng

lê thơm. Hồng Võ ban cho họ Trịnh hai trái mà tha về. Họ Trịnh tạ ơn, rồi dẽ hai trái lê trên đầu mà đi ra. Vua sai quan Hiệu úy nom theo coi thử, thấy họ Trịnh đem hai trái lê về dâm nát, hòa với hai chậu nước dẽ trên bàn giữa nhà, mỗi người uống một chén nước rồi trở mặt về Bắc mà lạy tạ ơn. Hiệu úy về tâu lại... Vua thấy vậy tặng thêm một tấm biển ngoài cửa ngõ, dẽ rằng : «Trịnh nghĩa môn».... (Xem *Đại Minh Hồng Võ*, Thanh Phong dịch trang. 380)

Ở Việt Nam chúng ta bao giờ mới có được một nhà như Lưu gia và Trịnh gia ?

Sách tham khảo

(1)— Coupé, André, *Doctrines et cérémonies religieuses du pays d'Annam* (in Bulletin de la Société des E.I., Nouvelle Série, Tome VIII, No 3, Juillet Septembre, 1933)

(2)— Cẩn, Tôn Thất, *Constitution de la Famille Impériale d'Annam* (Imp. AJS, 1942

(3)— Cửu Long Giang, Toàn Ánh, *Người Việt đất Việt*, Nam Chi tùng thư, Saigon, 1967.

(4)— Granet, Marcel, *La Polygynte sororale et le Sororat dans la Chine Féodale*, Angers, Imprimerie F. Gaultier et A. Thebert, 4 Rue Garnier.

(5)— Mẫu, Vũ văn, *Cổ luật Việt Nam lược khảo*, quyển II, Saigon 1970

(6)— Ross, Nancy Wilson, *Three Ways of Asian Wisdom*, A Clarion Book published by Simon and Shuster, N.Y.

1969.

(7)— Schreiner, Alfred, *Les Institutions annamites en Ba-se-Cochinchine*, Saigon Claude et Cie Imprimeurs, éditeurs, 1901

(8)— Sền, Vương Hồng, *Saigon năm xưa*, Nhà sách Khai trí, 62 Lê Lợi Saigon 1969.

(9)— Tabuteau, Jacques, *Connaissez-vous votre famille*, c/o l'auteur, 29 de Beauvais à Clermont (Oise) et en dépôt aux éditions sociales françaises, 7 Rue Jadin Paris, XVII 1947.

(10)— Tavernier, M, Emile, *Le Culte des ancêtres*, (in Bulletin de la Société des Études Indochinoises. Nouvelle Série, Tome I, No 2, Juillet-Décembre, 1926.

(11)— Toàn, Nguyễn văn (Túy Lang) *Thọ Mai gia lễ*, Nhà sách Khai trí, 62 Lê Lợi Saigon, 1969.

(12)— Tuy, Nguyễn Bạt, *Tên người Việt Nam*, Saigon. Nhà in Maurice 24 Đường Đỗ đốc Courbet, 1954

(13)— Thanh Phong, dịch giả, *Cần Long hạ Giang Nam*, Tín Đức thư xã, 25-27 Tạ Thu Thâu, Saigon.

(14)— Thanh phong, dịch giả, *Đại Minh Hồng Võ*, Tín đức thư xã.

(15)— Thuyết, Di Thủy, Phạm Văn Đông Ngạc tập biên, Saigon 1963.

(16) Ung Trình, Nguyễn Phúc-Bửu Dương, Nguyễn Phúc, *Tùng Thiện Vương Nhà in Sao mai*, Châu Bình, Thủ đức, 1970

(17)— Winchester A.M., *Genetic* (2d Edition), Houghton Mifflin Co Boston The Riverside Press Cambridge, 1968.

TƯƠNG QUAN GIA ĐÌNH

trong viễn tượng biến hóa

✧ *Định ăn Trung*

Vì mỗi tập thể, lớn hay nhỏ, là một hệ thống chức vụ, nên nói đến tương giao trong một tập thể là nói đến những chức vụ được phân phối cho mỗi người với tư cách thành phần của tập thể. Trong các tập thể, gia đình là tập thể nền tảng, sơ yếu. Điều này không phải chỉ đúng cho riêng xã hội Việt Nam, mà còn, theo nhận xét của các nhà dân tộc học, đúng cho những xã hội của tất cả các nước trên thế giới.

Gia đình là một định chế xã hội, tức được xã hội công nhận là một giá trị. Ngày nay xã hội Việt Nam đang chuyển mình, và mọi người đều chứng kiến gia đình như một mẫu văn hóa cũng đang chuyển mình theo. Lý do của chuyển biến được tìm thấy nơi những quan niệm và những giá trị mới mà những hoàn cảnh bên ngoài gợi nên, như sự tiếp xúc với nền văn hóa khác, sự thay đổi những điều kiện chính trị, kinh tế...

Gia đình có thể được nhìn theo hai phương diện: phương diện tập thể và phương diện chức vụ của các phần tử trong tập thể. Ở đây tôi sẽ tự giới hạn vào phương diện thứ hai. Đáng khác, phạm vi bài này không cho phép đề cập hết các chức

vụ trong tương giao gia đình, vì những chức vụ này có nhiều: chức vụ vợ chồng, cha mẹ, con cái nói chung, con trai, con gái, con cả, anh em v. v. Bởi vậy tôi sẽ chỉ dừng lại ở một ít nét chính của mấy chức vụ chính mà hiện tượng chuyển mình xem ra đáng kể. Tôi sẽ tìm hiểu sơ lược những quan niệm về các chức vụ và những giá trị tiềm ẩn trong các mẫu cử chỉ thuộc chức vụ.

I — VỢ CHỒNG

Người vợ được coi như trở nên một với chồng. Sự hợp nhất này bao hàm sự bất bình đẳng, vì thế có thể nói rằng người vợ đồng hóa với người chồng, mà nguyên việc họ mang tên chồng cũng là một dấu hiệu cụ thể. Họ chính thức trở nên thành phần của phía gia đình người chồng. Bởi vậy có câu ca dao :

Con gái là con người ta

Con dâu chính thực mẹ cha mua về.

Câu hán-việt (phụ xướng phụ tùy) được coi như phương châm hoặc nguyên tắc quy định những tương giao về chức vụ vợ chồng như sẽ thấy sau đây.

I. I. Dạy vợ.

Ý tưởng người vợ lệ thuộc chồng được phổ biến trong hai tiếng bình dị *dạy vợ*. Nhiệm vụ dạy vợ, nhiệm vụ đồng thời bao hàm uy quyền của chồng, phải được thực hiện ngay từ khi hai người bắt đầu chung sống :

Dạy con từ thuở còn thơ,

Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về.

(Ca dao).

Người chồng sẽ tập cho vợ biết kính nể và phục tùng mình, sẽ sửa chữa những khuyết điểm của vợ nhất là trong cách xử sự với mọi người...

Hai tiếng *dạy vợ* gần gũi với những kiểu nói *dạy con, dạy trẻ*. Thực vậy, cũng như trường hợp cha mẹ dạy con và thầy giáo dạy trẻ, người chồng sẽ tùy nghi khuyến nhủ, trách mắng vợ. Nhưng điều đáng chú ý hơn cả là, cũng như cha mẹ và thầy giáo, người chồng còn dùng tới phương pháp giáo dục cổ điển là roi vọt, một thứ hình phạt biểu thị uy quyền trong chức vụ giáo dục. Việc thi hành biện pháp này không phải là điều họa hiem, đến nỗi đã có câu tục ngữ :

Trai khôn đòn quan,

Gái ngoan đòn chồng.

Một vài câu ca dao cũng nhắc tới như :

Anh đánh thì tôi chịu đòn,

*Tính tôi hoa nguyệt, mười con chẳng
chừa.*

Cái cò là cái cò quăm,

Mày hay đánh vợ, mày nằm với ai ?

Vậy người vợ ngoan là người phục tùng chồng, là người chấp nhận quyền *dạy vợ* của chồng với tất cả những gì được bao hàm trong đó.

I. 2. Mưu sinh và phân công.

Cả hai vợ chồng đồng lao cộng tác để mưu sinh. Có những câu ca dao ghi lại sự kiện đó, như :

Rủ nhau đi cấy đi cày,

Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu.

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

Em thời đi cấy lấy công,

Đề anh nhờ mợ, tiễn chung một lời...

Mặc dù thế, người chồng vẫn là người có nhiệm vụ bảo đảm đời sống vật chất của vợ. Nhiệm vụ này cho thấy tính cách vai trên của chồng và bao hàm ý tưởng người vợ sống lệ thuộc người chồng. Bởi vậy dễ hiểu tại sao có câu :

Trai tay không chẳng ai nhờ vợ,

*Gái trăm mẫu ruộng đợ cũng
tiếng nhà chồng.*

Với tư cách vai trên, người

chồng còn làm chủ của cái do cả hai vợ chồng kiếm được, và bởi đây những chỉ tiêu quan trọng đều do người chồng quyết định.

Trong sự đồng lao cộng tác, vấn đề phân công phần lớn căn cứ vào chức vụ phái tính mà tôi không có ý đề cập ở đây. Cậu (Nam ngoại nữ nội) là một trong những nguyên tắc của sự phân công này. Điều đáng ghi nhận, là sự phân công dựa vào nguyên tắc kia lại cũng cho thấy tính cách vai trên của người chồng, vì chỉ người chồng mới lo đến những công việc bên ngoài, tức những công việc làng nước mà nhờ đó có thể thực hiện được mộng chức tước, danh vọng.

I. 3. Chung thủy.

Vợ chồng là nghĩa già đời,

*Ai ơi, đừng nghĩ những lời
thiệt hơn. (Ca dao).*

Người ta quen nói vợ chồng là bạn trăm năm, là những người ăn đời ở kiếp với nhau. Tình nghĩa vợ chồng quả thực phải là tình nghĩa keo sơn. Tuy vậy, theo dư luận cũ, những đòi hỏi của lòng chung thủy không ở một mức độ như nhau giữa hai vợ chồng, và sự dễ dãi thuộc về phía người chồng. Một lần nữa chúng ta nhận thấy tính cách vai trên của người chồng. Thực vậy, trong khi người vợ chỉ được phép lấy một chồng, thì người chồng lại có quyền lấy vợ hai, vợ lẽ, nhất là khi họ không có con với người đã

cưới. Quyền ly dị cũng rộng rãi hơn về phía họ. Điều này được thấy rõ nếu chúng ta tham chiếu luật cổ Gia Long mà hiệu lực chỉ mới chấm dứt từ mấy chục năm nay. Theo luật này người chồng được rẫy vợ vì một trong bảy lý do (thất xuất) : vợ không con, dâm dật, không thờ cha mẹ chồng, lảm miệng, trộm cắp, ghen tuông, có ác tật. Việc ghi nhận bảy lý do này đủ là bật nổi sự bất bình đẳng giữa hai vợ chồng, mặc dù bộ luật có nêu ra ba trường hợp khả dĩ vô hiệu hóa quyền rẫy vợ (tam bất khả xuất), tức trường hợp người vợ đã đẻ tang cha mẹ chồng, đã làm giàu cho gia đình, không biết nương tựa vào ai ngoại trừ người chồng. Theo chiều hướng nói trên, dư luận mà chúng ta thấy phản ảnh trong ca dao, không dă động tới người chồng rẫy vợ, nhưng tỏ ra khắt khe với người đàn bà bị chồng rẫy :

Mèo lành ai nữ cắt tai ;

Gái kia chồng rẫy khoe tài chi em ?

Nửa trời sông chẳng giúp thì gầy

*Gái chồng rẫy chẳng chạng nọ thì
tật kia.*

Bởi vậy, trong thực tế, câu ca dao sau đây ghi nhận đúng thân phận người con gái lấy chồng :

Con gái có hai bến nước :

Bến đục thì chịu, bến trong thì nhờ.

Sau hết, khi chồng chết, người vợ thủ tiết hoặc ở vậy thờ chồng, còn được dư luận tán thưởng vì được coi là hết lòng chung thủy.

1. 4. Qua mẫu cử chỉ trình bày trên đây, chúng ta thấy tương giao vợ chồng dựa trên sự bất bình đẳng rất lớn. Sự bất bình đẳng này hợp với quan niệm tôn ty đẳng cấp mà xã hội Việt Nam cổ truyền coi trọng. Ở đây tôi không có ý đi xa là tìm hiểu lý do của sự bất bình đẳng này, nhưng tôi muốn nhấn mạnh rằng trong tương giao vợ chồng sự bất bình đẳng là một giá trị và, hơn nữa, là giá trị độc hữu, vì, trong xã hội Việt Nam cổ truyền, mọi người đều chấp nhận mẫu cử chỉ nói trên. Ngày nay, quan niệm dân chủ, bình đẳng đã trở nên quen thuộc, và chắc chắn có gây ảnh hưởng, tuy không rõ tới mức độ nào, vào tương giao vợ chồng ít là nơi một số gia đình. Một khi tương giao vợ chồng chịu ảnh hưởng của quan niệm mới kia, thì mẫu cử chỉ trên cũng sẽ không còn nguyên vẹn nữa. Bởi vậy có thể nói một cách đại cương rằng ngày nay bên cạnh mẫu cử chỉ cũ còn có thêm mẫu cử chỉ mới. Với người theo mẫu mới, thì chỉ những kiểu nói như *dạy vợ*, *phục tùng* cũng đủ khiến họ cảm thấy chói tai vì, theo họ, tương giao phải căn cứ vào sự bình đẳng. Dĩ nhiên ở đây không nói tới tình yêu hồ tương vẫn có cả hai trong mẫu cũ và mới. Nói cách khác, trong khi tình yêu và đẳng cấp là hai giá trị làm nền tảng cho

mẫu cũ, thì tình yêu và sự bình đẳng là giá trị làm nền tảng cho mẫu mới. Như vậy ngày nay có thể xảy ra trường hợp hai vợ chồng không đồng quan điểm về những giá trị trên, do đấy sự xung đột trong tương giao khá dễ làm rạn nứt hoặc đổ vỡ cuộc sống lứa đôi sẽ dễ phát sinh. Tuy nhiên, tưởng cũng nên mở đầu ngoặc đề phòng đoán rằng số những người vợ nhận quyền bình đẳng làm giá trị trong tương giao vợ chồng không đáng kể, so với số những người vợ vẫn chấp thuận sự bất bình đẳng ở một mức độ nào đó, tức sự bất bình đẳng không quá lớn như ở trong mẫu cử chỉ cũ. Đó là chưa nói thêm rằng, theo nhận xét của một số nhà tâm lý học và phân tâm học, thì thường người vợ vẫn thích phục tùng chồng.

II — CHA MẸ VÀ CON CÁI

Đề cập chức vụ cha mẹ, tôi sẽ chú ý đến hai điểm chính là việc giáo dục con cái và việc gây dựng gia đình cho chúng. Việc kết hôn là cái mốc đánh dấu sự chấm dứt chặng đời từ nhỏ tới lớn dài dọc theo đó người con được cha mẹ rèn luyện cho «nên thân nên người».

2. 1. Giáo dục.

Nhiệm vụ giáo dục là nhiệm vụ chung của hai cha mẹ. Tuy nhiên, người cha vẫn giữ vai chính với tư cách là chủ gia đình, và điều này hợp với quan niệm đẳng cấp trong gia đình. Trong công việc giáo dục,

cha và mẹ, mỗi người có một thái độ riêng đối với con cái : người cha giữ thái độ nghiêm khắc của một kẻ có uy quyền, điều được phản ánh trong những kiểu nói như *ng nghiêm đưòng, nghiêm gia, nghiêm phụ* đề chỉ người cha, và trong kiểu nói *ng nghiêm huấn* đề chỉ những lời giáo huấn của cha ; ngược lại, thái độ người mẹ là thái độ hiền từ của một kẻ tràn đầy tình thương, và do đấy có những kiểu nói như *hiền mẫu, từ mẫu, từ huấn*. Hai thái độ này thích hợp với sự dị biệt về phái tính và tương ứng phần nào sự khác nhau về cấp bậc giữa cha và mẹ. Khuyến nhủ, truyền lệnh, quở mắng, nhắc đe, sửa phạt, đó là những cử chỉ thuộc chức vụ trong việc giáo dục. Mục tiêu của những cử chỉ này phải được thống nhất dưới quyền tối thượng của người cha. Hơn nữa, có những cử chỉ thích hợp hơn cho một trong hai người, hoặc được một trong hai người có quyền ưu tiên dùng tới, thực vậy, người mẹ thường khuyến nhủ con bằng những lời lẽ dịu ngọt ; ít khi họ truyền khiển, và, trong thực tế, lắm khi những lệnh truyền của họ cũng hơn kém chỉ là một thứ lời khuyên. Họ nhường cho cha, khi người này có mặt, quyền đe nạt, quở mắng nặng lời hoặc sửa phạt. Nói đến sửa phạt là nói đến dùng roi vọt, theo đúng câu :

*Yêu con cho roi cho vọt,
Ghét con cho ngọt cho bùi.*

Đây là hình phạt cổ điển có

tính cách nghi thức mà thường những gia đình càng nề nếp thì càng tôn trọng.

2. 1. 1. Nếu cha mẹ có bốn phận dạy dỗ con cái, thì, đáp lại, con cái có bốn phận vâng lời cha mẹ để đón nhận sự giáo hóa. Cũng nói được cách khác rằng cha mẹ có quyền đòi con cái phục tùng. Trong xã hội cổ điển, đây là sự phục tùng tuyệt đối hay gần như thế, và điều đó cho thấy quyền bính cha mẹ thật là to lớn, mà hình phạt bằng roi vọt được cha mẹ dùng tới là biểu thị cụ thể. Thực vậy, ngọn roi không những là dụng cụ thông thường trong phương pháp giáo dục cổ điển, mà còn làm biểu tượng cho uy quyền. Bởi đấy dễ hiểu tại sao người con đã lớn, có khi đã có gia đình, cũng vui lòng đề cha mẹ đánh phạt. Đối với họ, chịu đòn đồng nghĩa với việc thực hiện một cử chỉ phục tùng và tôn kính.

2. 1. 2. Ngày nay nhiều người con khi bắt đầu khôn lớn, không còn chấp nhận sự phục tùng khát khe nữa, vì cho rằng thứ phục tùng này làm tổn thương tự do cá nhân hoặc đi ngược lại quan niệm về trách nhiệm bản thân. Chúng chỉ muốn vâng lời khi nhận thấy những mệnh lệnh cha mẹ hữu lý ; còn nếu chúng vẫn vâng lời, mặc dầu không hiểu hoặc không chấp nhận lý do của mệnh lệnh, và mặc dầu tình yêu không đủ mãnh liệt khả dĩ khiến chúng hành động với mục đích làm

hài lòng cha mẹ, thì đó chỉ là một thứ vâng lời hình thức, có khi là một thứ vâng lời miễn cưỡng để gây cảm tưởng bị áp bức. Bởi vậy ngày nay, trong cấu trúc vụ con cái, bên cạnh mẫu cũ cũ cỗi điển đặt nền trên cả tình yêu lẫn lòng tôn kính, xuất hiện một mẫu cũ chỉ mới đặt nền duy nhất trên tình yêu. Do đấy có thể nói rằng trước kia những cử chỉ bất phục tùng khó xảy ra hơn bây giờ, bởi lẽ có lòng tôn kính ngăn cản khi tình yêu không đủ mạnh. Có thể kể ra hai yếu tố làm suy giảm lòng tôn kính: sự chống đối quyền bính do quan niệm về quyền tự do cá nhân và quyền bình đẳng được phổ biến; sự dể dặt thần tượng cha mẹ do việc con cái ngày nay được may mắn có nhiều phương tiện và hoàn cảnh để học biết nhiều điều hơn cha mẹ.

Trong mẫu cũ chỉ mới, dĩ nhiên giá trị gán cho đòn vọt sẽ kém đi, vì mẫu cũ chỉ không còn lòng tôn kính làm động cơ quan yếu chi phối chung với tình yêu. Đối với người con theo mẫu cũ chỉ mới, có lẽ phản ứng dễ xảy ra nhất sẽ là sự ngạc nhiên khi đọc thấy trong lịch sử cận đại việc một ông vua (Tự Đức) tự ý dâng roi cho mẹ để xin chịu phạt vì đã mãi đi săn mà sao lãng chuần bị lễ giỗ tiên-hoàng. Đòn vọt sẽ trở nên lạc điệu, sẽ gây xáo trộn trong tương giao giữa cha mẹ và con cái lớn khôn, nếu hai bên không còn chấp nhận chung một mẫu cũ chỉ.

2.2. Hôn-nhân.

Khi con đã lớn khôn, đã «nên người», thì cha mẹ có nhiệm vụ gây dựng gia đình cho nó, nghĩa là lo đến tất cả những gì liên hệ đến việc hôn nhân, kể cả việc chọn bạn trăm năm cho nó. Nói tắt, chính người cha, với sự cộng tác của người mẹ, quyết định việc hôn nhân của con mình. Sự quyết định này được quan niệm như một cử chỉ thuộc chức vụ cha mẹ; nhưng nếu nhìn về phía chức vụ người con có bổn phận vâng lời, thì sự quyết định kia lại là một hành vi thi hành quyền cha mẹ đối với con cái. Hai trường hợp *phúc hôn* và *tảo hôn*, tức đưa con còn trong bụng mẹ hoặc còn nhỏ dại đã được cha mẹ hứa hôn, cả hai trường hợp là điển hình quyền quyết định đó.

Vì hôn nhân có mục đích chính yếu lưu truyền tôn thống, nên khi lấy vợ cho con, cha mẹ không mấy quan tâm đến sự đáp ứng tình yêu của con mình với người con gái được gả cho. Hình như người ta cho rằng trong khi chung sống, tình yêu giữa đôi vợ chồng nếu lúc đầu chưa có, thì rồi cũng sẽ phát sinh và triển nở dần. Đối với cha mẹ, tìm được cho con mình, trai hay gái, nơi xứng đáng để đính hôn, như vậy là đủ.

Ngày nay, trong tương giao với cha mẹ, như đã nói ở trên, nhiều người con từ chối sự phục tùng khắt khe vì không còn muốn biết đến mẫu cũ chỉ cũ. Bởi đấy chúng cũng

không chấp nhận cha mẹ có toàn quyền định đoạt việc hôn nhân của mình. Thêm vào đấy quan niệm mới về hôn nhân. Quan niệm này đặt trọng tâm vào tình yêu. Chính tình yêu giữa hai người trai gái sẽ mở đường đưa tới hôn nhân, và như vậy cá nhân có ưu tiên đối với gia đình và gia tộc. Với quan niệm mới này, người con coi cha mẹ như những vị cổ vấn quan trọng và như những người giúp đỡ cần thiết trong dự tính hôn nhân của mình. Những câu như «Thừa lệnh song thân» «Vâng lệnh song thân» trong giấy báo cưới, diễn tả đúng quan niệm cũ về quyền cha mẹ trong việc hôn nhân của con cái, nhưng đối với nhiều người chỉ còn là một công thức, một lối nói văn vẻ.

Trong thực tế, có lẽ ngày nay không còn mấy cha mẹ cương quyết dành cho mình quyền định đoạt việc hôn nhân của con cái. Về phía người con, cử chỉ đẹp cốt ở chỗ, nếu họ tìm được người yêu, họ «xin phép» cha mẹ kết hôn với ý trung nhân, nghĩa là, ít ra bề ngoài và ở một mức độ nào đó, vì sự «xin phép» ít ra cũng rất hữu ích cho việc thực hiện dự tính hôn nhân, đó là chưa nói thêm rằng trong tương giao, lời nói và cách nói cũng không kém phần quan trọng.

Tương giao giữa hai vợ chồng và tương giao giữa cha mẹ và con cái ngày nay trở nên phức tạp bởi một lẽ dễ hiểu, là vì mọi người

không còn công nhận các giá trị như nhau, và do đấy cũng không đồng ý về mặt nội của các giá trị, tức các mẫu cử chỉ về chức vụ trong những tương giao đó. Thêm vào đấy sự kiện một số người coi một ít cử chỉ là lỗi thời, tuy những cử chỉ này cũng biểu thị một giá trị mà họ công nhận như mọi người khác. Sự thiếu đồng ý về giá trị và về mẫu cử chỉ sẽ dễ dàng sinh hậu quả là làm xáo trộn tương giao gia đình. Tuy nhiên, thiết tưởng chúng ta được phép lạc quan đề nghị rằng sự xáo trộn này, nếu có, cũng chỉ là hiện tượng nhất thời. Thực vậy, chúng ta có lý phỏng đoán tương giao gia đình sẽ dần dần dễ thích nghi với những chuyển biến chung của xã hội do hoàn cảnh kinh tế, do nếp sinh hoạt và những luồng tư tưởng mới gây ra. Lúc này mẫu cử chỉ trong tương giao vợ chồng hoặc sẽ xây nên trên giá trị duy nhất là tình yêu hồ tương, hoặc sẽ đặt cơ sở trên cả hai giá trị tình yêu hồ tương và sự tôn kính của vợ đối với chồng, nhưng giá trị thứ nhất sẽ trội vượt giá trị thứ hai. Trong tương giao cha mẹ và con cái, mẫu cử chỉ sẽ được chi phối bởi cả hai giá trị là tình yêu hồ tương và sự phục tùng của con cái đối với cha mẹ, nhưng giá trị thứ nhất cũng sẽ trội vượt giá trị thứ hai, hiểu nghĩa là sự phục tùng — luôn luôn dính liền với lòng tôn kính — sẽ bớt khắt khe và không câu nệ vào hình thức.

Tóm lại, tương giao gia đình

sẽ đặt trọng tâm vào tình yêu, một thứ tình yêu đậm thắm, nó làm bật nổi hình ảnh tổ ấm của gia đình, ở đó mỗi phần tử đều thỏa mãn vì cảm thấy mình được mọi người hiểu, vì được mọi người công nhận mình là một giá trị độc lập và duy nhất, vì bản lĩnh được tự do nảy nở trong bầu khí thân ái và thông cảm. Đây là điều rất có thể, vì gia đình là một tập thể sơ yếu gồm đủ

các điều kiện vật chất, sinh lý và tình cảm để vun đắp tình yêu đó. Hơn nữa, tương giao đặt cơ sở chính yếu trên tình yêu còn đặc biệt đáp ứng nhu cầu tâm lý của rất nhiều người hiện nay — nhất là ở thành thị — vì sinh kế, phải sống như những con số trong những tập thể lớn, mà ở đó tương giao chỉ hời hợt ở mức độ pháp lý hoặc xã giao thông thường.



Vitac 50

TINH CHẤT VITAMINE C



cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH

GIA ĐÌNH NGƯỜI NHẬT

(Tiếp theo và hết)

✧ Phan kim Huế

XIII.— Văn Hóa Mỹ Beikoku no bunka 米国の文化

Biển cổ lịch sử do Perry dẫn đến chính sách Ansei-Kaikoku (An Chính Khai Quốc) mở cửa các Hải cảng cho thương thuyền các nước ào ạt tới.

Người Mỹ với bản tánh ồn ào, tình đem tất cả tinh hoa của văn hóa ngân ngủi mấy thế kỷ vào để dạy dân Nhật một đời sống khá hơn vì họ tin tưởng rằng dân Nhật còn hủ lậu lắm. Nhưng khi bước vào nội địa Nhật, người Mỹ mở to đôi mắt kinh ngạc nhìn những tiến bộ — tuy còn kém về kỹ thuật — vượt bậc không thua các dân tộc Âu Châu là mấy. Người Nhật một hai thế kỷ rưỡi bề quan tòa cảng đã âm thầm tiến bộ chẳng khác một học giả đóng cửa, mười năm chăm chú đọc sách, đến khi mở cửa bước ra đại gia đình xã hội thì họ đã có một kiến thức rộng rãi, một hiểu biết uyên thâm quảng bác vì không phải họ đóng cửa để ngủ.

Nhưng dù sao thì sự xâm nhập văn hóa Mỹ đã là một trong những yếu tố ảnh hưởng mạnh đến tinh thần dân Nhật và truyền thống gia đình. Ảnh hưởng tiêu biểu nhất là chính đảng, người Nhật gọi là seito, là trung gian của đời sống

gia đình người Nhật và chính phủ Nhật.

Gọi là đời sống gia đình chứ không phải chỉ đời sống chính trị cá nhân vì lẽ rằng người dân Nhật khi gia nhập vào chính đảng nào đó thì mọi hoạt động, mọi sinh hoạt, mọi lẽ lối hành động đều liên kết mạnh mẽ vào đảng, và chặt chẽ vào các phần tử đồng đảng.

Người Mỹ ở thế kỷ đó (hạ diệp thế kỷ XIX) đã đem đến cho người Nhật trên khắp Phù Tang Tam Đảo một luồng gió mới. Đó là luồng gió tự do theo nhân quyền và dân quyền. Người Nhật giới bình dân sống vô cùng khốn khổ dưới chế độ Mạc Phủ cấm đoán đủ điều, cấm di dân, cấm di trú...và thu thóc lúa như thu tiền thuế một cách nặng nề khiến dân chúng khó mà đủ ngày hai bữa ăn.

Thượng tầng xã hội là hoàng gia quý tộc, kể đến là vũ gia, vũ sĩ, tầng nọ rồi rồi cùng xã hội mới là quần chúng bình dân. Đây là một hạng nông nô khốn khổ mà tiếng Nhật gọi là nōdo, (nông nô), nghĩa còn nặng hơn chính nghĩa của Nho tự nhiều vì một khi người Nhật nói đến nōdo thì họ hiểu đó là con người lấy lặt thặng ngày với kiếp trâu ngựa cùng khổ.

Dẫu rằng trước đó tư tưởng mọi người đều con cái Thượng Đế tức bình đẳng trước tòa án lương tâm cũng như luật lệ xã hội đã được thấm nhuần trong quảng đại quần chúng do các linh mục thừa sai đem đến cùng với tín điều Gia Tô Giáo, nhưng bị đè nén thành một tâm tình u uất vì những chà đạp nhân phẩm của nhóm Mạc Phủ Vũ gia, Vũ sĩ. Mãi khi đến chế độ Mạc Phủ sụp đổ, người Âu châu theo Âu mỹ ò ạt vào Nhật, thì dân Nhật cảm thấy hăng hái như một chồi non xanh tươi bắt đầu hứa hẹn một tương lai huy hoàng.

Gia đình người Nhật như phần trên tôi đã trình bày qua nhiều yếu tố truyền thống là một kết hợp chặt chẽ mọi phần tử. Ở Nhật, xã hội bị ảnh hưởng gia đình chi phối mãnh liệt. Gia đình Nhật sống quá khốn khổ. Họ phải tranh đấu để sống còn, để tìm một chút tự do nào đó mà họ có quyền hưởng. Họ ý thức đến quyền tự do nhân quyền và dân quyền mà trước mặt họ, người Hoa Kỳ đến với bao nhiêu sách vở bằng bạc tư tưởng tự do như quyền sống.

Minh Trị thiên hoàng (Meiji). Tennô ngay năm 1869 đã ý thức được nỗi phần uất của quần chúng nên vội ra sắc lệnh quy định thành phần dân chúng thành bốn giai cấp gọi là Shimin, (Tứ Dân) khác hẳn với trước kia các giai cấp tùy thuộc vào các đại gia vọng tộc, tương tự

như ở Âu Châu thời Trung Cổ.

Thành phần mới ấy qui định như sau :

— Kòzoku (Hoàng tộc) thuộc hoàng gia.

— Kazoke (Hoa tộc) : gồm công hầu khanh tướng, quý tộc, quan liêu đại gia vũ gia, hòa thượng tăng thống các tông phái Phật giáo.

— Shizoku (sĩ tộc) gồm vũ sĩ, trí thức, tăng sư, sư thần đạo, trung lưu giai cấp, thương nhân,

— Heimin (Binh dân) các giai cấp bé nhỏ ngoài ba giai cấp kia như nông, công, thương (hạng nghèo ít tiền không điền địa, chẳng gì nghiệp lớn).

Bốn giai cấp mới ấy chỉ tượng trưng chứ thật ra gia đình người Nhật chưa có gì lấy làm dễ thở trong không khí phôi thai cho tự do và dân quyền (dẫu giới hạn) này.

Và việc đòi hỏi tự do này phát xuất từ mọi gia đình người Nhật đứng sau lưng những lãnh tụ hoặc đảng phái nên gây một áp lực lớn đối với hoàng gia và giai cấp thống trị. Địa vị xã hội không được dành cho toàn dân như tân chánh phủ của Minh Trị thiên hoàng công bố trong Gokashô-Goseimon. Ngũ Cú Điều Ngự Thệ Vãn) ngày 14 tháng 3 năm Minh Trị nguyên niên 1868.

Ai đã từng sống ở Nhật đều nhận xét rõ ràng — nếu họ đã tìm

hiếu tướng tận — không có một yêu sách do cá nhân riêng rẽ mà luôn sau họ có mọi phần tử (trong gia đình đoàn kết lại. Mọi gia đình người Nhật đều biết họ không thể đứng im, khoanh tay nhìn mà đời sống họ khá hơn, nên tiếp tục đòi quyền sống cho từng cá nhân cũng như quyền tự do hợp pháp cho mỗi gia đình sinh nhai với nghề nghiệp mình. Mà muốn được vậy thì không có gì bằng dân quyền.

— Đòi hỏi dân quyền đối với người Nhật không có nghĩa là đảo chính thế quân chủ mà họ coi người cầm đầu như tượng trưng uy quyền tuyệt đối là Thiên Hoàng, song họ chỉ đòi hỏi mọi người dân đều có cơ hội bước vào chính quyền để họ nói lên được tiếng nói của chính gia đình họ, chính giai cấp họ, hầu đòi hỏi quyền sống cho cá nhân trong tập thể xã hội.

Nhất định không có gì có thể đổi thay toàn diện nên chế độ độc tài của chính thế quân chủ còn trong tay thiểu số quý tộc và quan liêu, dân không xen vào được dù rằng Thiên Hoàng và Triều đình đưa ra chiếu bài cải tổ xã hội. Mà cải tổ ấy thì thứ dân chẳng thể lọt vào. Trước tề trạng binh mới rục rục này, nhiều người trong chính phủ Nhật đã sớm giác ngộ và đứng lên phản đối như Itagaki-Taisuke (Bàn Viên Thoái Trợ), Eito-Yoshihara (Giang Đàng Tân Bình) Gotô-Shôjirô (Hậu Đàng Trương Nhị Lang), Miya-Zima-Seiichirô (Cung

Đạo Thành Nhất Lang...

Chính phủ Nhật đầu sao cũng dần dần đi theo tiếng nói của dân và chịu cải tổ. Cũng nên nhắc đến Yto-hirobumi mà nhà viết sử Việt Nam gọi là Y Đương Bác Văn, ca tụng hết lời, lại là một quân phiệt hạng nặng chống lại trào lưu tiến bộ của dân tộc Nhật, chống lại mọi chủ trương dân quyền, dùng mọi cách để gây tạo ảnh hưởng của tư tưởng nắm quyền tuyệt đối về cho thiểu số quý tộc thống trị. Y Đương Bác Văn không phải cứu tinh hay vĩ nhân Nhật như nhiều sử gia Việt Nam chẳng biết tìm tài liệu ở đâu mà viết như vậy. Y Đương Bác Văn cũng là tên thực dân khét tiếng bạo tàn đối với dân tộc Triều Tiên (bị Nhật nô lệ) và bị giết chết ở Cáp Nhĩ Tân năm 1909 do phe cách mạng Triều Tiên.

— Những chính đảng Nhật lúc bấy giờ hoạt động mạnh mẽ vì sau lưng họ có gia đình quân chúng ủng hộ như :

— Aikoku-kôtô (Ái Quốc Cộng Đàng).

— Aikoku-sha (Ái Quốc Xã)

— Ritshi-sha (Lập Chí Xã)

Và những đảng này đã thành công khá nhiều khiến từ đó về sau gia đình Nhật bình như gắn liền vào các chính đảng, cũng như họ cảm thấy sống còn đều do ở tự do trong đời sống cá nhân và gia đình.

Thế nên ở Nhựt người ta không lạ gì khi có những vụ thanh trừng đẫm máu trong nội bộ chính đảng cũng như có những vụ tranh chấp lưu huyết giữa các đảng phái. Đảng phái bảo vệ đời sống gia đình và gia đình hậu thuẫn cho các chính đảng, tìm ở đó một phương tiện để sống còn, vì con người làm sao khỏi nô lệ khi mất tự do, và gia đình làm sao tránh được đôi khi khi không có tự do sinh nhai.

Xuôi dòng lịch sử, tư tưởng cũng như văn hóa, tôn giáo lẫn cả chính trị, từ nguyên nhân quốc nội cũng như ảnh hưởng du nhập từ ngoại bang, chúng ta tìm thấy ở gia đình người Nhựt những yếu tố uyên nguyên làm nên truyền thống. Có thể thêm một việc, cũng như, bớt đi đôi ba, nhưng những yếu tố truyền thống ấy trở nên bất di bất dịch.



Phụ nữ là xương sống gia đình

Người Nhựt yêu gia đình, tìm ở đó như lẽ sống đời họ. Còn gì ấm êm hơn sau một ngày mệt nhọc sinh nhai, trở về ăn bữa cơm ngon lành do người vợ hiền dọn lên. Đôi tay của vợ hiền có thể nhào nèo cần cỗi, có thể sờn sùi chai cứng, có thể đầy vết tích lao động song đẹp để vô ngần vì đó là đôi tay đã đem an ủi hòa hợp đến mọi người trong gia đình.

Đôi tay người vợ hiền trong gia đình không thể đẹp bằng đôi tay nhạc sĩ lướt nhanh trên phím dương cầm, hoặc nắn nốt tiếng tơ đồng cung điệu tỷ bà, hoặc búp măng trắng nuốt dài trang thanh nhã vén rèm trúc một khuê phòng chốn quyền quý song đôi tay đó là đôi tay lý tưởng vì trong vòng tay thân yêu này người chồng tìm thấy nỗi ấm êm len nhẹ vào lòng. Còn gì sung sướng hơn nữa lúc mỗi một vì những giao động từ cuộc sống nhiều tranh đấu cam go, trở về mái ấm nhìn nụ cười rạng rỡ của vợ hiền tượng trưng hạnh phúc vô ngần. Niềm vui đó chẳng khác như một thanh niên lang bạt nếm nhiều chát chua từ cuộc đời lắm cay đắng tình cờ ghé lại nơi nào đó, một quán sách chẳng hạn, gặp nụ cười e ấp một thiếu nữ xinh tươi trắng ngà vừa độ đôi mươi, nhìn được qua lớp phong trần một mẫu người cao thượng, ân cần tâm sự... Niềm vui nào to lớn bằng! Khi đối với người đàn ông Nhựt cũng vậy, họ nhìn nụ cười, nhìn ánh mắt thân

yêu của vợ hiền đón nơi cửa, bao nhiêu bức nhọc, bao nhiêu tức tối bao nhiêu lao khổ, bao nhiêu mệt nhọc đều tan biến. Phụ nữ dù là mẹ là vợ... đều là giềng mối của gia đình hòa hợp và hạnh phúc.

Có thể người đàn ông Nhật vui chơi nơi các lễ diêm, nô đùa cùng geisha son phấn sực nức hương thơm, nhưng đó chỉ là niềm vui thoáng qua. Có bao giờ người ta yêu được một áng mây lơ lửng bỗng bành trên nền trời xanh sắc thiên thanh một sớm thu về ; có bao giờ người ta quyến luyến được một cánh chim vút qua trời cao rộng rồi mất hút ở phương trời vô định nào đó ; có bao giờ người ta nhớ thương tha thiết một làn gió xa về lướt qua mặt, ve vuốt má rồi hun hút về nẻo không gian vô tận ; có bao giờ người ta đứng ngồi trông đợi một cánh bướm trắng xa tít mù chấp chờn trên sóng nước trùng dương mà bến bờ nơi nào đó chẳng tên chẳng tuổi, không hẹn ngày tái ngộ ; có bao giờ người ta thao thức lắng nghe tiếng hạc kêu sương đang lẫn khuất trong trời đêm giá buốt không lời cánh vỗ đề an ủi người nghe vài lời rồi rạc... đó chỉ là những hình ảnh đẹp, lắm khi tuyệt vời song thật thoáng qua, thật mong manh, thật diêm ảo chẳng khác bong bóng xà phòng lung linh phản chiếu vạn vật muôn màu song khi vỡ tan lại rơi xuống vài giọt nước nhơ bẩn. Người đàn ông Nhật đôi khi nhàn hạ tìm vui một đêm ăn ào ào nhiệt

với thú ăn hoa cợt gió, nhưng tất cả là niềm vui thoáng qua. Hoa có khó hái mới là hoa quý, người Nhật có câu châm ngôn như vậy.

Dù geisha xinh như mộng như mơ, như thơ như nhạc, dù geisha có tinh tứ quyến rũ còn hơn gái nước S ở lưng ong, dù geisha có nồng nàn ân ái còn hơn những nữ lang liễu trai đùa tình, cợt ái với mấy học trò xa nhà đêm khuya tầm tối, dù geisha có đủ đòn phép mê hoặc tán kỳ cũng không giữ chân được những người cha của gia đình vì nơi nhà đang chờ sẵn người vợ hiền oản mình dưới gánh gia cang nhưng không bao giờ có một lời than trách.

Người đàn ông Nhật cũng như bao nhiêu đàn ông khác muốn nơi muốn thuở thường có những phút vui say bên một phụ nữ bán phấn buồn hương nào đó, hoặc tìm quên trong men rượu cay nồng dễ vào mộng, quên thực tại mờ hồ nước mắt chan hòa từng và cơm, từng sợi mì, từng miếng ăn từng manh áo, nhưng đặc biệt là hiếm hoi lắm mới có người đàn ông bỏ phở gia cang.

Điều đó chẳng chi lạ khi chúng ta biết rằng người phụ nữ rất hiền thực lo lắng gia cang. Nếu chẳng ta từng nghe những phụ nữ chanh chua vợ chửi chồng rùm beng đầu ngõ, hoặc gẫu ó thiêu điều trợn... mytox vào cơm nguội cho chồng ăn để tiện việc đi theo mèo, hoặc nhiều sự từ

Hà Đông không ngại dùng dao can-níp thăm hỏi thùng nước lèo đắng lang quân, hay mượn dao thái phở tiện mắt nợ đời của anh hồng trắng hoa thì trái lại ở đất Phù Tang Tam Đảo những việc ấy không xảy ra hoặc đúng ra thì ngàn năm mới một chuyện oái oăm làm trò cười cho bàn dân thiên hạ. Không phải tôi có ý khen phụ nữ Nhựt, đề cao họ mà hạ thấp phụ nữ ta, song đó là một sự thật. Dĩ nhiên ở nước ta có những bậc hiền phụ, hiền mẫu nhưng cô con gái xinh tươi hiền dịu, đài trang thanh nhã, đức hạnh hơn người, song ngược lại có những ... hiền phụ khác hiểu ý nghĩa vợ hiền một cách lệch lạc.

Nhưng phụ nữ Nhựt kính trọng chồng, phục dịch hết lòng không phải vì phụ nữ đó nô lệ chồng. Chẳng qua họ kính yêu chồng họ hết lòng với một tình yêu tuyệt đối. Họ tìm ở chồng họ một hình bóng một con người siêu việt, hơn bất cứ mọi người đàn ông khác trên cõi đời này. Khi yêu tình yêu đối với phụ nữ Nhựt thật mãnh liệt và bất diệt. Trong đôi mắt họ, người chồng phải là và chỉ là người tài hoa nhứt trên trần thế này. Hình bóng kiếm hiệp vũ sĩ đã ăn sâu vào tâm hồn họ nên họ thi vị hóa chồng họ, dù người chồng ấy chỉ là một lao công nghèo khổ.

Có nhìn cảnh người vợ quí đón chồng, cởi giày cho chồng... mới thấy chỉ có phụ nữ Nhựt mới nhìn thấy

nơi chồng họ một hình bóng lý tưởng với một mối tình mãnh liệt và bất diệt được.

Người đàn bà đóng vai trò quan trọng trong hạnh phúc gối chăn cũng như êm ấm gia đình. Một phụ nữ không biết bồn chồn mình, không tìm thấy gia đình là nơi nương thân, không thấy vòng tay chồng là bóng dáng che chở đề gởi phận liễu bồ thì gia đình chắc chắn phải rã rời.

Phụ nữ Nhựt sau chiến tranh 39—45, với đau khổ cùng tột vì chiến tranh, họ đã giúp chồng niềm tin, sự an ủi gây dựng lại tất cả. Người ta ca tụng đàn ông Nhựt bóp kèn xe gọi nhau đi làm một cách hăng hái đề tái thiết nước Nhật tàn lụn hoang phế vì bom đạn và chết chóc sau chiến tranh, ca tụng



Đôi vầng phụ nữ như đêm không trăng sao

lòng kiên nhẫn, đức tính cần cù của người Nhựt song họ đã quên rằng nguyên nhân của bao nhiêu sinh lực dồn cả vào việc canh tân, tái thiết xứ sở đều từ gia đình, trong tay hiền妒 phụ nữ đóng vai hiền thê, hiền mẫu.

Theo trào lưu sau này, có những thiếu nữ Nhựt sa đọa, tự do luyến ái rồi phá thai, song đó chỉ là một thiểu số rất giới hạn. Phụ nữ Nhựt yêu gia đình, ham săn sóc chồng, thích lo lắng cho con, nên tình phu phụ, lòng mẫu tử lúc nào cũng vậy chặt và ve vuốt tâm hồn cùng nỗi hãnh diện làm mẹ, làm vợ của họ.

Gia đình là một tiếng gọi thiêng liêng đối với mọi người Nhựt, bất cứ giai cấp nào vì nơi đó người ta tìm thấy vòng tay êm ấm, lời an ủi, cõi lòng rộng mở của người bạn đời, vừa là người tình bất diệt của mình.

Khoan dung, tha thứ, yêu nồng nhiệt, cùng nắm tay nhau đề bảo vệ gia đình, lo lắng tương lai là những yếu tố trường tồn trong gia đình người Nhựt do những ảnh hưởng văn hóa, tôn giáo, chính trị theo dòng thời gian thành truyền thống. Truyền thống này khiến khách phương xa đến dừng chân một ngày, một tháng, một năm hay lâu hơn nữa, lúc ra đi đều cảm thấy lưu luyến, như có một cái gì kè ở níu kéo người đi.

Một mái nhà, một đàn con... đó là hạnh phúc đối với người Nhựt. Họ yêu con, họ không cảm thấy sự nuôi con là bận bịu dù họ rất bận rộn trong sinh hoạt hiện tại. Vài tiêu thuyết gia Nhựt ca tụng thú vui vật chất, coi việc phá thai thật tầm thường, chẳng ý thức đến hành động sát nhân vùi chôn vĩnh viễn một hài nhi vào bóng tối trần thế. Song đó chỉ là ý kiến, là nhân sinh quan lẻ tẻ từng cá nhân, không thể xem như tượng trưng cho người Nhựt với quang đại quần chúng xem con cái như cứu cánh cuộc sống lứa đôi.

Gia đình, một tiếng nói, một bài thơ, một âm hưởng vang vang trong lòng người Nhựt. Họ không thể tìm được bất cứ nơi nào trên cõi đời này một nơi êm ấm hơn mái nhà khiêm tốn của họ. Họ không bao giờ hưởng hạnh phúc nếu không song sâu đậm bất cứ nơi mỹ nhân sắc nước hương trời nào ngoài vòng tay vợ hiền họ. Vì vậy họ bảo vệ gia đình bằng mọi giá. Họ có thể mất tất cả, miễn còn gia đình.

Đối với người Nhựt, mãi đến sau này, nghe ai hủy hoại một bào thai, thì họ vô cùng kinh tởm, cũng như mỗi lần đọc sách thấy cảnh ép duyên, thấy việc gả con như bán một con vật, người Nhựt khó hình dung ra được một chuyện quái gở như thế. Họ cho việc bán con gái họ với giá cao là điều man rợ của lũ di dịch nên không bao giờ họ

làm thế. Người Nhật yêu nhau, tạo ra gia đình cùng nhau chung sống lưu truyền miêu duệ, không có việc ép duyên của cha mẹ hai bên. Thế nên khi sống chung nhau thì họ xem gia đình như nơi chứa chan hạnh phúc.

Gia đình là nguồn gốc hạnh phúc và căn bản của cuộc sống thế nên mọi phần tử của gia đình lo bảo vệ đã đành mà chính phủ Nhật cũng bằng đủ mọi cách nâng đỡ và bảo trợ. Chính phủ Nhật nghĩ rằng nếu gia đình Nhật ngày nào không còn là thiên đàng tại thế nữa thì dân Nhật sẽ không thể chung lưng đấu cật nhau kiến thiết đất nước được. Gia đình Nhật vì vậy trở thành một tổ ấm lý tưởng của mọi người, không riêng người Nhật.

Gia đình là một niềm vui, gia

đình là một nơi an ủi vì đó là tổ ấm để con tìm khách trần thế trú ngụ hầu qua kiếp nhân sinh nhiều buồn hơn vui nhiều đón đau hơn hạnh phúc. Tuy nhiên, cũng vì vậy bất cứ những gì đem đến niềm vui, đem đến nỗi hân hoan đều quý báu vô ngần. Người Nhật hiểu vậy, nên họ yêu gia đình, bảo vệ gia đình cũng như yêu thương và giữ gìn chính thân xác họ



Đề kết luận, tôi xin mượn câu hát của người Anh mà tình cờ học được lúc bé thơ đề nói về gia đình, không phải riêng người Nhật, mà với bất cứ ai yêu mến gia đình, tìm ở vòng tay bạn đời một hạnh phúc tuyệt vời «gia đình, gia đình gia đình êm ấm... Không nơi nào ấm êm hơn gia đình — home, home, sweet home... there's no where sweeter than home».

HEPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

✱ THƠM NGON NGỌT

✱ BÒ HUYẾT, BÒ GAN

✱ DA DÈ HỒNG HẢO

TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Mua ở : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty — 601 — Lê-văn-Duyệt Saigon

TRÀM TƯ về GIA ĐÌNH và GIA TỘC

✱ HỒ HỮU TƯỜNG

Cọp cha sanh cọp con, chó cha sanh chó con, luật tự nhiên đã được khoa học ngày nay, phần nói về thuyết truyền thống, chứng minh đầy đủ và không còn chối cãi được. Ông bà chúng ta, mặc dầu không học được học thuyết của Galton, vẫn từ xa xưa, dạy với nhau câu *«Mưu heo chọn nái, cưới gái chọn dòng»* ! Nhưng những người chịu ảnh hưởng «ba rọi» của ngoại lai, cuồng điên xía chi đến túi khôn ngàn đời của cha ông, cũng chẳng cần ngó ngang đến những khám phá mới của khoa học Tây phương, phủ nhận vai trò trọng yếu của GIA TỘC.

Kho tàng kinh nghiệm mấy ngàn năm của dân tộc Trung Hoa còn lưu lại một thành ngữ : *«Thiệu cợ cầu»*. Ý nói rằng đứa con của người thợ đan giỏ, vì dầu có dốt nát đến đâu, cũng thường ngày thấy cha uốn vành thúng, rổ, cũng bắt chước được mà làm được cây cung ; còn đứa con của người thợ ráp da con chồn mà may chiếc áo hồ cừu, thì cũng bắt chước được mà làm được thợ hàn. Như vậy cái giáo dục của gia đình bao giờ cũng là môi trường tốt hơn cả đề đào tạo đám trẻ.

Thật vậy. Trong giáo dục, chẳng phải chỉ có phần giảng huấn. Vị giáo sư, theo quan niệm mới, du nhập từ Tây phương, là một người, ôm cặp da, bước vào lớp, ấy là làm tròn phận sự. Một phận sự được thù lao xứng đáng với đồng lương. Đồng lương trả không đủ nuôi sống, thì vị giáo sư có quyền đi xe ô-mô, để kiếm thêm tiền mua gạo nuôi bầy con đông, hay làm một nghề thứ hai nào khác, đẹp hay không đẹp, mà Bộ Học không có quyền xía mất vào. Gần đây đã xảy ra lắm vụ, mà tình thầy trò bị thương tổn nặng nề. «Nói như vậy, ấy là lấy mắt người xưa mà nói việc ngày nay». Ngày nay đâu còn cái «tình thầy trò nói chi đến cái nghĩa. ?

Ngày nay, giữa thầy và trò, quan niệm giáo dục của Tây phương đã giết chết cái tình và cái nghĩa. Bởi vì Giáo dục đã bị thu hẹp tối đa vào việc **GIẢNG HUẤN**. Giảng huấn nhằm vào phần **TRÍ**. Nó hoàn toàn vô trách nhiệm đối với trái **TIM**, và **Ý CHÍ**.

Giáo dục quả **TIM** và **Ý CHÍ**, ngày xưa còn là phận sự của ông đồ. Cha mẹ có thể tin cậy vào ông đồ, giao hết cả cái **GIÁO DỤC TOÀN DIỆN** của con mình cho **THẦY**. Vì vậy mà cái thang giá trị đặt theo trật tự : quân, **SU**, phụ. Thầy đứng trước cha, điều đó không còn ai chối

cãi. Nhưng giữa vua và thần, ngôi thứ chưa ổn lắm đâu. Trong những đình đám, các cụ thời xưa vẫn đem vấn đề này mà đặt ra, trong hình thức bình dân của câu hỏi : Ví như anh chèo thuyền chở ba người là vua thầy và cha, rủi thuyền đắm, mà anh chỉ vớt được có một người thì anh vớt ai ? Nếu đem câu hỏi ấy mà hỏi giới trẻ thụ hưởng giáo dục Tây phương ngày nay, ắt nghe ta sẽ nghe được lắm câu trả lời kỳ thú. Nhưng đó là việc khác. Việc mà tôi muốn nói đây, là ông thầy ngày nay đã phi nhân hóa, nói cho đúng hơn, đã đa nhân hóa. Ở tiểu học, mỗi năm các trẻ đổi một thầy, cô. Lên trung học, mỗi giờ đổi một giáo sư. Một đứa trẻ, từ lớp 1 đến lớp 12, chắc đếm ít lắm năm chục thầy, thì ai là THẦY của nó ? Tôi nói một ông Thầy đầy đủ, chăm lo cái giáo dục toàn diện của nó ?

Thầy, cô, giáo sư ngày nay không còn là THẦY nữa. Họ đã bị Tây phương biến thành những « công nhân trí thức » bán óc mà tìm sanh kế. Chúng ta không có quyền đòi hỏi họ ôm đồm quá đồng lương của họ. Vì làm như vậy, là ta bóc lột họ. Nhất là khi mà họ còn phải « bán cháo phôi » để đủ sống.

Nhà trường ngày nay chỉ lo việc GIẢNG HUẤN. Ngoài ra, việc dạy LỄ dạy ĐỨC, rèn luyện Ý CHÍ, nhà trường chẳng có trách nhiệm nào cả. Những cha mẹ nào mong mỗi nhà trường đào tạo quả tim và ý chí của con mình thuộc về hạng người « Lấy mắt người xưa nhìn việc đời nay » Nghĩa là LỖI THỜI. Nếu gia đình không lo lắng việc ấy cho con mình, thì trông cậy vào ai bây giờ ? Ở Bắc Việt, mấy năm trước đây, việc đó còn tựa vào « bác và đảng » Ngày nay, bác đã ra đi, thì hãy còn đảng. Nhưng mà chuyện ấy là chuyện của Bắc Việt. Chẳng lẽ « ăn cơm quốc gia mà thờ ma cộng sản ». Thì hãy nói chuyện của miền Nam chúng ta.

Ở miền Nam chúng ta, nhà trường chỉ lo việc giảng huấn mà thôi. Còn việc dạy LỄ, dạy ĐỨC, rèn luyện Ý CHÍ, chúng ta chỉ còn sở cậy vào GIA ĐÌNH. Không sở cậy vào gia đình, việc giáo dục trẻ con chỉ mới làm được một góc nhỏ. Gia tộc và Gia đình là vấn đề lớn vậy.



Không phải là Tây phương không biết những vấn đề sơ đẳng ấy. Ở Pháp, họ Bernouilli liên tiếp sản xuất những nhà toán học, họ Langevin, Becquerel, Curie, chung nhau sản xuất những nhà Vật lý học trứ danh. Và trong lắm họ còn giữ kỷ cương, việc giáo dục cũng châu đáo chẳng kém gì phương Đông ta những năm chưa bị văn hóa ngoại lai.

Nhưng mà, tại làm sao có cái hiện trạng bỏ hay chọn dở?

Cho hay, việc bỏ hay chọn dở không tùy nơi người muốn, mà do ngoại cảnh chi phối. Mà cái ngoại cảnh chi phối này, xin nói thẳng nơi đây, là do nơi «lệch đường» của Tây phương, bắt đầu từ đầu thế kỷ XIX,

Trước đó, Đồng cũng như Tây, chế độ thanh hành vốn là cái xã hội NÔNG NGHIỆP. Mà cái xã hội nông nghiệp xây dựng trên nền KINH TẾ GIA ĐÌNH, Khi thành thời, thì cùng thành thời. Khi hữu sự, thì tất thấy cùng đau tất mất tối. Gặp cảnh «tăm ăn lên», thì ai cũng phải «ăn cơm đứng», kéo cả mùa kén bị hư. Công việc đồng áng xong xuôi, thì cả làng đều tụ hội dưới ánh trăng, hay trong các hội hè, cho hợp với tinh thần «Tháng Giêng là tháng ăn chơi». Học thuyết của Khổng Mạnh rất phù hợp với cái văn minh nông nghiệp. Cái văn minh nông nghiệp dường như trường tồn với loài người, nên thiên hạ chấp nhận không cái cái danh xưng «vạn thế sư biểu» tặng cho Khổng Khâu.

Vì như Tây phương vẫn còn duy trì cái văn hoá nông nghiệp, mà rồi Đông Tây gặp gỡ nhau, ắt là Khổng Khâu cũng được Tây phương chấp nhận, và tại Ba Lê, ắt có đền thờ cụ Khổng, như Văn Miếu ở Hà Nội. Nhưng mà cuộc cách mạng nông nghiệp đã làm cho xã hội Tây phương đi lệch đường từ đó.

Đáng lẽ cuộc cách mạng nông nghiệp phải cung cấp phương tiện để cho nông nghiệp biến chuyển từ nghề nông bằng tay chơn của nông dân với sự viện trợ của trâu bò, đến một nông nghiệp nhờ sự yểm trợ của máy móc và khoa học. Nếu được vậy, thì GIA ĐÌNH sẽ không tan rã như chúng ta đã thấy. Đảng này, khoa học và kỹ thuật chỉ giúp cho kẻ giàu có ở thành thị kết hợp thành một giai tầng mới. Họ góp vốn, sắm máy móc, mua nguyên liệu, thuê nhơn công và biến thành thị của họ thành những nhà máy khổng lồ, sản xuất hàng hoá bán cho thôn quê, và các xứ kém công nghệ. Một xã hội KỸ NGHỆ xuất hiện. Xã hội kỹ nghệ này, đầu là tổ chức theo qui mô «tự do», đầu là tổ chức theo công thức «xã hội», vẫn là một xã hội kỹ nghệ. Cái xã hội kỹ nghệ này đánh tan rã nền kinh tế nông nghiệp ở thôn quê. Các nhà kinh tế học của thế kỷ XIX đã miêu tả việc nước Anh bãi bỏ việc trồng trọt, để có thực phẩm, mà sang qua việc trồng cỏ nuôi cừu, vì nuôi cừu có lợi hơn. Và từ đó nước Anh phải nhập cảng thực phẩm.... Và cái xã hội kỹ nghệ này cũng biến các xứ nông nghiệp thành một nơi, mà nông nghiệp tan rã, nhưng chẳng có diêm phúc biến thành xứ kỹ nghệ. (Bởi vì, các nước «tiền tiến» sợ cạnh tranh, nên cố tình chèn ép). Tình trạng của các xứ chậm tiến trở nên vô cùng bi đát. Cái văn minh nông nghiệp tan rã như cục nước đá bị quăng vào đồng lửa.

Nhưng mà việc «kỹ nghệ hoá» vẫn là một cái mộng xa xăm. Có người thuật ại cho tôi nghe một cuộc «thời thảo» vừa xảy ra tại một địa phương. Đứng trước nạn khan hiếm phân bón, có một nhóm sưu tầm ra được một công thức sản xuất được phân bón toàn với nguyên liệu trong xứ, có khả năng cung cấp quá thặng nhu cầu nội địa, mà còn đem nhiều ngoại tệ về cho quốc gia... Nhưng «người ta» khuyên khéo là nên dẹp đi cái «ảo mộng ấy», để dành thị trường cho nhà máy ở tận đâu đâu....

Đứng trước sự tấn công ồ ạt ấy, chớ vội trách sao lại chứng kiến cái hiện tượng «gia đình tan rã». Không tan rã sao được ? Khi mà đất đai và nghề nông cũ kỹ không nuôi nổi thanh niên, chúng phải lao mình vào thành thị để tìm sanh kế bằng việc bán sức lao động. Hạng nghèo đã chắc là như thế, mà những ai có nhiều tiền của, lại dễ mắc vào cái việc «rời tỉnh lên thành». Ở thôn quê buồn ngấy, đêm đêm chỉ nghe được tiếng nhạc của ảnh trương, vật sành, hòa tấu với đế, nên các cô tiểu thư, các cậu công tử đi tìm «kịch động» trong những buổi nhạc ở đô thành. Tôi chứng kiến một cảnh nhà giàu, có vườn trái cây hoa lợi mỗi tháng năm bảy trăm ngàn bạc, nhưng bây con không ai chịu nối nghề của cha, đi tìm sanh kế ở thị thành. Và gia đình tan rã, vườn bán đi chia ra thành những món tiền hoặc đầu tư vào những cuộc kinh doanh đắc lợi, hoặc đem nướng vào những cuộc đỏ đen, những trận cười thâu đêm.

Hiện tượng ấy đã là hiện tượng chung cho những nước chậm tiến và đương ở trên cái đà gọi là phát triển. Tôi chưa biết quan niệm của người sáng tạo danh từ này ra thế nào. Tôi chỉ được nghe họ giải thích rằng trước kia, các nước tiền tiến gọi những nước ở Á châu và Phi châu là những xứ HẬU LẠC. Quả thật là đúng với cái thực trạng «pays arriérés». Nhưng rồi, họ thấy rằng nói như vậy, tuy là hợp với thuyết chánh danh của Khổng Khâu, nhưng lại chạm tự ái các dân tộc ở các vùng này. Họ bèn sửa lại lần thứ nhất ra làm những xứ phát triển còn kém cỏi (pays sous-développés). Nhưng mà nghĩ rằng nói như vậy chưa vượt vẻ được những dân tộc xấu số, họ bèn chữa lại lần thứ ba là những xứ đương trên con đường phát triển (pays en voie de développement). Dường như là các xứ của họ đương trên cái đà thoái hoá vậy ! Có người hỏi cảm tưởng của tôi, để xem coi danh từ nào Phù hợp hơn. Tôi đáp rằng tôi thích danh từ HẬU LẠC hơn. Mà lòng nghĩ rằng bị Tây phương gọi như vậy, thì chúng ta chẳng khác chi Ngô Phù Sai lúc còn nhỏ, ra lệnh cho bề tôi mỗi ngày kêu réo chửi bới sao chẳng lo trả thù cho ông nội của mình,

Riêng xứ Việt Nam ta, vốn dĩ là một xứ HẬU LẠC, lại mắc phải ba mươi năm binh cách. Đã chẳng được phát triển chút nào, mà lại còn bị tàn phá, nhất là ở thôn quê. Trong cái khối dờ, ta lại còn mang thêm

cái TẬP. Thì việc PHÁT TRIỂN nếu được có điểm phúc mà người ta cho phát triển, thì phát triển theo đường lối nào đây ?



Quả tim mà còn chưa được phép nghiêng qua, nói chỉ là đường lối phát triển. Như vậy, cái viễn đồ XÃ HỘI KỸ NGHỆ SẼ LÀ CẤM KỴ CHO VIỆT NAM. Như vậy, dân tộc Việt Nam sẽ đi về đâu ?

Câu hỏi này, tôi đặt ra không phải trên bình diện quân sự hay chính trị. Tôi đặt ra trên bình diện KINH TẾ. Đáp được câu hỏi này, chúng ta sẽ hé thấy tương lai của GIA TỘC và GIA ĐÌNH Việt Nam sẽ ra thế nào.

Ngày xưa, ông già ở đất tái mất ngựa, chẳng biết chuyện mất ngựa là chuyện may hay chuyện rủi. Nhưng mà ngày nay, khi mà hai nẻo đường phát triển nẻo bên tả hướng về xã hội chủ nghĩa, nẻo bên hữu hướng về tư bản chủ nghĩa, cả hai nẻo đều bít lối đối với dân tộc Việt Nam, mà ngoáy nhìn lại phía sau, trận hoả hoạn khổng lồ đương đốt cháy rụi cái văn minh nông nghiệp cũ kỹ, đương sát bên dất ta, chẳng khác chi ngọn đuốc của họ Điền đương đốt dất trâu vậy, thì chúng ta bắt buộc phải nhảy tới.

Nhảy về đâu bây giờ ?

Theo thiên kiến của tôi, chỉ còn một lối nhỏ đề mà thoát. Đó là lối NÔNG NGHIỆP KỸ THUẬT HOÁ VÀ KHOA HỌC HOÁ. Chúng ta không thể thành lập một cái nhà máy khổng lồ sản xuất phân bón cho toàn xứ, thì ta «hoá chỉnh vi linh» cái kỹ thuật sản chế phân bón ấy thành vô số «tiểu công nghệ» nằm trong khuôn khổ của một đồn điền gia đình. Chúng ta không được phép mở một nhà máy khổng lồ sản xuất bột giấy cung cấp hàng hoá ấy cho thị trường thế giới đang khan hiếm, thì ta «hoá chỉnh vi linh» cái kỹ thuật ấy, đề cho muôn ức nông dân tham gia. Chúng ta không được ai đỡ đầu, còn thêm bị chèn ép, trong việc mở nhà máy sản xuất thuốc sát trùng, thì ta cũng «hoá chỉnh vi linh» việc chế thuốc này, đề cho ai ai cũng có thể làm được... ..

Nhưng mà, đi theo con đường đó, cơ sở nông nghiệp bắt buộc phải mở rộng hơn. Cái TIÊU GIA ĐÌNH của xã hội nông nghiệp xưa sẽ biến thành cái THÁI GIA ĐÌNH (xin đề ý nơi điểm tôi đã nhảy qua đầu chữ ĐẠI) phù hợp với cái đơn vị kinh tế mới. Đơn vị kinh tế này sẽ là một tổ chức kinh tế tự túc (autarchie) một hợp sinh (syndicose) giữa nông nghiệp và công nghệ. Ngày xưa, việc nông tang giản dị, nhơn công của một tiêu gia đình thế là tạm đủ rồi. Mai sau, nền kinh tế mới ấy sẽ đòi hỏi một thái gia đình, với ít nũa năm chục người sống chung tuy không phải là một mái, nhưng quanh một từ đường của họ.

GIA ĐÌNH sẽ hồi sinh, sẽ mở rộng, sẽ vươn lên, sẽ thêm sắc thái mới. Mà những liên hệ gia đình sẽ thắt chặt thêm vô cùng. Những thanh niên đi học, không phải đi tìm công ăn việc làm trái ngược với nếp sống của ông cha, mà đi trở về đơn vị gia đình, dọn sẵn chỗ để đón rước con em. Nền giáo dục, chừng ấy mới đích thực là CỘNG ĐỒNG. Và cái cộng đồng này sẽ không có gì khác hơn là cái cộng đồng gia tộc. Chừng ấy, nền giáo dục sẽ không còn khiếm khuyết nữa. Thanh niên sẽ được giới mài về trí, về đức, về ý chí. Giáo dục, chừng ấy sẽ tìm lại được cái tính chất toàn diện, nhưng mà vươn lên, mở rộng ra.

Học thuyết Khổng Mạnh sẽ lỗi thời, cũng như hiện nay nó đã lỗi thời. Nhưng mà một TÂN NHO GIÁO, rồi đây, sẽ xuất hiện, để đáp ứng nhu cầu ý thức hệ của một nền văn minh sẽ được ngàn năm. Hai ngàn năm trăm năm trước đây, họ Khổng đã san định nho giáo, rồi được môn đệ tặng cho cái danh là «vạn tuế sư biểu». Một thế là ba mươi năm. Tính ra, từ đó đến đây, chỉ vừa hơn tám mươi thế, trong giai đoạn đó, Khổng Tử được kè THẦY. Nhưng mà mấy mươi năm nay, ngay trên nước Trung Hoa, người đã bị hạ bệ. Cái việc suy tôn đến «vạn thế» thật là quá mức.

Năm 1945, khi thảo quyền tiêu thuyết PHI LẠC SANG TÀU, tôi chỉ ước mong cho thằng Xích Tử, (sau thành vị tân thánh nhơn), chỉ làm được một việc NGÀN NĂM MỘT THUỞ mà thôi. Ngay thuở này, mà làm cho cái THÁI GIA ĐÌNH mọc lên trên đống tro tàn của cái TIÊU GIA ĐÌNH, và cái THÁI GIA ĐÌNH bền vững được ngàn năm, cái TÂN NHO GIÁO được dõi theo ngàn năm, kè cũng là khá lắm,

Nhưng mà được ngàn năm, được năm trăm năm, hay chỉ vài trăm năm, cái THÁI GIA ĐÌNH vẫn có cái hay. Là nó giúp cho những xứ hậu lạc chọn được cái đường lối thứ ba, không thiên bên này, chẳng ngã bên kia, lên lối mà sống giữa hai lần súng của hai cái XÃ HỘI KỸ NGHỆ.

Đó là cái SỰ MẠNG LỊCH SỬ của cái thái gia đình vậy.

TAM TÔNG TỬ ĐỨC

✧ TOÀN ANH

Khi nói về bốn phận của người vợ, trong Việt Nam phong tục, ông Phan-kế-Bính viết :

«Người vợ trên phải phụng dưỡng cha mẹ chồng, có khi phải nuôi cả chồng ; giữa thì giúp chồng lo lắng công kia việc khác, gánh vác giang-sơn cho nhà chồng, dưới thì săn sóc nuôi con» (1)

Ông Phan-kế-Bính, chỉ nhắc tới bốn phận của người vợ, nên không nói đủ trong một câu tất cả nghĩa vụ của người đàn bà.

Trong nếp sống cổ truyền, riêng trong gia-đình, người đàn bà có nghĩa-vụ và bốn phận rất nặng nề. Đề lo tròn nghĩa vụ này, và làm xong bốn phận của mình, người phụ nữ xưa phải theo con đường đã được vạch sẵn, và phải có những đức tính cần thiết, những đức tính này giúp cho phụ nữ gánh vác được giang sơn nhà chồng, và sống được hạnh phúc với gia đình.

Con đường vạch sẵn đó là đạo tam tông ; tại gia tông phụ, xuất gia tông phu, phu tử tông tử, nghĩa là ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng và chồng chết theo con.

Và những đức tính cần thiết là Tử đức : Công, dung, (1) ngôn, hạnh. Về Tử đức, ông Phan Kế Bính, trong

sách đã dẫn, viết :

«Lại phải đủ tứ đức mới gọi là hiền. Tứ đức là phụ dung, phụ công, phụ ngôn, phụ hạnh. Phụ dung là đáng người đàn bà, đáng phải chính đính hòa nhã, nhưng cũng phải chắt chuốt cho gọn gàng sạch sẽ. Phụ công là nghề khéo của người đàn bà, nghề khéo thì chẳng qua trong việc vá may thêu dệt và biết buôn bán mà thôi, ai giỏi nữa thì biết đủ các việc cầm kỳ thi họa là cùng. Phụ ngôn là lời ăn tiếng nói của người đàn bà, ăn nói phải khoan hoà dịu dàng, đừng cẩu cấu mà cũng đừng the thẻ, qui hồ mêm mông cho ai cũng dễ nghe. Phụ hạnh là nết na người đàn bà, nết na thì đến trên kính dưới nhường, ở trong nhà chiều chồng thương con và lấy nết hiền hậu mà ở với anh em họ hàng nhà chồng. Ra ngoài thì nhu mì chín chắn, không hờn hĩnh và cũng không cay nghiệt với ai. Ấy là tứ đức, có đủ chừng ấy mới là người đáng khen.»

Chúng ta nhận thấy, ông Phan Kế Bính đã nói rõ về tứ đức của phụ nữ tuy trong đức công, ông không nhắc tới cái khéo léo của người đàn bà

(1) Việt Nam Phong-tục, Chương XIV, Vợ chồng. Đông Dương Tạp chí 1914.

(1) Còn gọi là dung.

trong việc bếp núc bánh trái, cũng như trong việc nuôi nấng và săn sóc con cái.

Tứ đức rất cần cho phụ nữ, xưa cũng như nay, vì tứ đức chính là then chốt của hạnh phúc gia đình.

Địa vị phụ nữ trước đây tuy không được ngang hàng bình đẳng với nam giới, trong gia đình cũng như ngoài xã hội, nhưng luôn luôn người đàn bà đã giữ một vai trò rất quan trọng trong các tập thể, nhỏ là gia đình lớn là xã hội, là quốc gia.

Mọi sự bất bình đẳng giữa nam giới và nữ giới là do ảnh hưởng của Khổng giáo, Khổng giáo chủ trương Nam tôn Nữ ty, nghĩa là trọng nam khinh nữ, và ảnh hưởng này đã đi rất sâu vào phong tục tập quán của dân ta đến nỗi chính giới phụ nữ đã công nhận, và cho rằng đàn bà phải chịu thấp kém, ngoại trừ những trường hợp ngoại lệ.

Phong tục tuy vậy, nhưng pháp luật, nhất là luật Gia Long đã bênh vực đàn bà rất nhiều để giảm bớt sự bất công nhiều khi đến tàn nhẫn tạo nên bởi đạo đức Khổng giáo. *Pháp luật lại nhận cho người vợ có địa vị tương đương với người chồng ở trong gia đình* (1). Chính trong pháp luật đã có ghi *Thê giả tề giả*, nghĩa là vợ ngang hàng với chồng vậy.

Xét từ căn bản, ta thấy xã hội được tốt đẹp bắt đầu từ gia đình, và trong gia đình vai trò của người vợ rất quan trọng, nhất là đối với

việc giáo dục con cái, bắt đầu từ thai giáo, qua giáo dục thơ nhi cho đến khi đứa trẻ hiểu biết, trong thời gian này ảnh hưởng của người mẹ rất sâu đậm đối với con cái, và đứa trẻ lớn lên hay hoặc dở đều bắt đầu từ sự giáo dục trong thời gian căn bản này.

Đành rằng không phải chỉ riêng người mẹ tạo ảnh hưởng trên con cái nhưng cha nghiêm mẹ cũng phải nghiêm, cha mẹ đều là gốc rễ sinh con cái là cành và ngọn. Thái Công xưa có nói.

Nghiêm phụ xuất hiếu tử, nghiêm mẫu xuất xảo nữ. Tang điều tòng tiều nhự, trưởng đại nhự bất khuất. Nhân giai ái châu ngọc, ngã ái tử tôn hiền.

(Cha nghiêm sinh trai hiếu, mẹ nghiêm sinh gái khéo. Cành dâu phải uốn từ thửa nhỏ để lớn lên uốn chẳng cong. Người ta đều yêu quý ngọc châu, ta yêu quý con cháu hiền).

Muốn cành và ngọn tốt, gốc phải tốt trước, và trong gia đình Việt Nam nói riêng và phương đông nói chung, sự phân phối trách nhiệm giữa nam nữ rất rõ ràng, nam ngoại nữ nội, đàn ông lo việc bên ngoài, đàn bà lo việc bên trong, do đó vai trò của người phụ nữ trong gia đình lại càng quan trọng.

Tư mã Ôn công nói rằng: «*Phụ giá*

(1) Đào-Duy-Anh. Việt-Nam Văn Hóa sử cương. Bốn Phương, Saigon 1961, trang 110.

gia chi sở do thịnh suy đã, nghĩa là người đàn bà là nguyên do sự thịnh suy trong nhà.

Vai trò của phụ nữ trong nhà, qua những điều trình bày, thật hết sức quan trọng, do đó người xưa phải có hướng lối đề con gái theo, và hướng lối này quy vào bốn chữ Tam tông, tứ đức.

Ngay đến các vua chúa trong các triều đại ban hành dạy dỗ dân chúng, cũng không bao giờ quên những điểm riêng dành cho phụ nữ. Vua Lê Thánh Tông trong một đạo dụ về việc sửa đổi phong tục có 24 điều đã dành đến sáu điều nhắc tới bổn phận và cách ăn ở của phụ nữ. Sáu điều đó là:

Điều thứ 6. — *Đàn bà có lỗi mà cha mẹ và chồng đã trừng trị thì nên phải sửa mình đổi lỗi, không được tự tiện trốn đi làm hư mất nét đàn bà.*

Điều thứ 7. — *Người đàn bà góa không được chứa những đứa trai trẻ ở trong nhà, nói dối là con nuôi để làm hành những việc gian dâm.*

Điều thứ 8. — *Người đàn bà góa chồng, đối với các con vợ cả hoặc vợ lẽ, nàng hầu, nên có lòng thương xót, không được mưu mô để chiếm đoạt gia tài làm của riêng mình.*

Điều thứ 9. — *Đàn bà góa chồng, chưa có con cái, phải ở nhà chông đẽ giũ đủ tang lễ, không được chuyên vận của cải mang về nhà mình.*

Điều thứ 10. — *Làm đàn bà thì phải theo chồng, không được cậy cha mẹ mình phú quý mà khinh nhà chồng, nếu không như thế thì bất tội đến cha mẹ.*

Điều thứ 16. — *Chỗ dân gian có mở trường du hí hoặc cúng lễ thì con trai con gái đến xem, không được đứng lẫn lộn để khỏi thói dâm (1)*

Ngoài sáu điều trên nhằm hãm vào phụ nữ, có hững điều nói chung cũng liên quan tới cách ăn ở của con gái như trong điều 1 nhắc rằng «*Cha mẹ dạy con phải có phép tắc, trai gái đều có nghề-nghiệp, không được rượu chè cờ bạc tập nghề hát xướng để hại phong tục*» hoặc như trong điều 3 nhắc tới đạo nghĩa vợ chồng.

Tóm lại người xưa rất chú trọng tới vấn đề giáo dục phụ nữ để mọi người đàn bà con gái đều là những hiểu nữ hiền phụ, lo giúp đỡ cho cha anh chôn con về mọi việc trong nhà. Chính vì coi lãnh vực quan trọng của người đàn bà là ở trong nhà, nên con gái rất ít được đi học, học-hành tại học đường là để trở nên người ở bên ngoài, tôi trung, tướng giỏi, quan liêm, chức sắc hiền mà tiền nhân chúng ta không trông đợi ở đàn bà những tài năng để khả dĩ trở thành những bậc lương đồng này hoặc để đảm đương những vai trò khác trong xã hội: lãnh đạo làng mạc,

(1) Bản dịch của Trần Trọng Kim trong Việt Nam Sử lược, Tân Việt Saigon, in lần thứ Năm, trang 244-246

điều khiển các cộng đồng sinh hoạt hoặc các hiệp hội như hàng phe hàng giáp, hội tư vấn, hội hiếu bỹ v...v... Các cụ quan niệm đàn bà phải ở trong nhà và phải lo sao cho tròn bốn chữ Tam tông, Tứ đức.

Chúng ta thử xét kỹ xem qua tam tông tứ đức, các cụ đã muốn các bà mà chúng ta ra sao.

TAM TÔNG

Tam tông là ba điều người đàn bà phải theo như trên đã trình bày : theo cha, theo chồng và theo con, nghĩa là suốt đời người đàn bà phải phụ thuộc vào đàn ông. Phải chăng đây là một sự bất công, và phải chăng chính vì sự bất công này mà phụ nữ luôn luôn đòi giải phóng được bình đẳng bình quyền với đàn ông.

Chúng tôi không dám quan-niệm đúng theo như đạo Khổng coi là quan trọng và bất khả luận nguyên lý : *Bất định đẳng là bản chất của vật*, nhưng chúng tôi nghĩ rằng sống trong hoàn cảnh Đông phương, người xưa khi chấp nhận như đã ghi trong *Dịch hệ từ thượng truyện* : *Thiên tôn địa ti, Càn khôn định hỹ, tị cao dĩ trăn, quý tiện vị hỹ*, nghĩa là : *Trời là quý, đất là hèn, địa vị càn khôn đã định, thấp cao đã bày, quý tiện đã yên*, ắt hẳn các cụ đã có lý lẽ của các cụ. Tại sao đàn ông đàn bà không giống nhau, từ hình thức đến tinh thần, đàn ông vẻ người bạo dạn, đàn bà đáng điệu ôn nhu, và người ta lại phân biệt nam tính và nữ tính. Sự khác biệt giữa đàn ông và đàn bà cũng giống

như sự khác biệt giữa vật này và vật khác. Khôn : thế kẻ lượng đề coi đàn ông cũng như đàn bà chỉ là một người, cũng như vật này hay vật khác cũng chỉ là một vật. Về điểm này, Mạnh tử trong thiên *Đẳng Văn công* thượng đã nói đề trả lời Trần Tương người bên vực thuyết của Hứa Hành chống sự phân chia giai cấp :

«Vật không đều nhau là lẽ tự nhiên của vật. Có cái hơn gấp đôi, gấp năm, có cái hơn gấp mười gấp trăm, có cái hơn gấp ngàn gấp vạn, ông cho bằng nhau cả tức là làm loạn thiên hạ. Nếu dẹp lớn dẹp nhỏ bán cùng giá thì còn ai làm dẹp lớn nữa. Vậy thì theo cái đạo của Hứa Hành tức là bảo nhau làm điều giả-dối. Như vậy trị-quốc sao được».

Vật như vậy thì người cũng như vậy. Mạnh Tử cũng đã bảo Trần Tương :

«Có việc của người lớn, có việc người nhỏ. Người thì lao tâm, người thì lao lực. Người lao tâm thì trị người, người lao lực thì đề người và trị mình... Nghĩa thông thường trong thiên hạ là thế».

Giữa đàn ông và đàn bà, so với giữa người lớn và người nhỏ chẳng khác gì, đàn bà phải phụ thuộc vào đàn ông, không có đàn ông để đàn bà làm nên trò trống gì,— ngoài trừ những trường hợp đặc biệt—. Phụ thuộc vào đàn ông, lẽ tất nhiên đàn bà phải theo đàn ông, và ở đây con đường tam tông đã được vạch rõ.

Tại gia tông phụ

Xuất giá tông phụ

Phu tử tông tử.

Tại gia tông phụ

Tại gia tông phụ nghĩa là ở nhà thì theo cha. Con sống trong gia-đình phải theo cha là lẽ tự nhiên, nếu không muốn theo cha, dù trai hay gái, người con phải vượt khỏi phạm vi gia-đình xưa hay nay cũng vậy.

Nói là theo cha, nhưng chính đây phải hiểu là theo cha mẹ, theo sự dạy dỗ của cha mẹ.

Cá không ăn muối cáươn.

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Con theo cha, là theo sự giáo dục gia đình. Ở đời thiếu gì những đứa trẻ kém may mắn không được sống dưới mái ấm gia-đình, phải lang thang nơi cầu sương điểm cỏ, phải sống vất vưởng không ai nuôi nấng; những đứa trẻ ấy mo g mỗi có cha mẹ đẻ theo cũng không được. Chúng sống bơ vơ trong cuộc đời không, ai hướng dẫn như thuyền không lái, như nhà không nóc, như nòng nọc không đuôi.

Con có cha như nhà có nóc,

Con không cha như nòng nọc không đuôi

Không những con phải theo cha mẹ, chính cha mẹ cũng có bổn phận giữ gìn con cái ở trong nhà để dạy bảo và theo dõi chúng, chúng làm gì cha mẹ phải hiểu, chúng đi đâu cha

mẹ phải biết. Để cha mẹ hiểu biết việc con làm, nơi con đến, trong thiên Khúc Lễ, người xưa có dạy những kẻ làm con : *Phàm vi nhân tử giả, xuất tất cáo, phản tất diện. Sở du tất hữu thường, sở tập tất hữu nghiệp.* nghĩa là *Người làm con, đi ra phải xin phép cha mẹ, khi trở về phải trình diện với cha mẹ. Nơi giao-du phải có chỗ thường, nơi học tập phải có chuyên nghiệp*

Cha mẹ dạy dỗ con, theo dõi con từng ly từng tí, ngay từ khi con còn nhỏ, và việc dạy con cũng bắt đầu ngay từ thuở còn thơ, như dạy vợ từ khi mới cưới : *Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài* (Tư mã Ôn Công)

Dạy con từ thuở còn thơ,

Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về
(Ca dao)

Cha mẹ sinh ra con, nuôi nấng con, dạy dỗ con, người con hiểu phải biết nghĩ tới cha mẹ, phải nghe lời cha mẹ khi còn sống dưới mái gia-đình, Cha mẹ mong cho con hay, muốn giữ vững cho con thiện căn trời sinh, vậy thì tại gia tông phụ chỉ là cái lẽ đương nhiên, không phải riêng của đàn bà con gái, mà của cả đàn ông con trai nữa.

Theo lời cha mẹ tức là chịu sự giáo dục gia-đình, cái giáo dục căn bản nó tạo cho con người thành con người tiến mọi phương diện từ vật chất, tinh thần cho đến cả tâm linh nữa.

Chịu sự giáo dục gia-đình, người con được trang bị đầy đủ những điều cần thiết về đạo đức để trở nên người hay, người tốt hữu dụng cho quốc gia xã hội, do đó hữu ích ngay cho chính bản thân mình.

Mạnh tử đã nói:

Nhờ cha mẹ mới có thân thể tồn tại nên không dám đề hủy thương, đó là bắt đầu giữ đạo hiếu vậy. Lập thân ở đời làm theo đạo lý, đề nổi tiếng với đời sau làm về vang cha mẹ, đó là trọn vẹn đạo hiếu vậy

Người con hiếu phụng thờ cha mẹ: khi ở chung thì rất cung kính, khi nuôi nấng thì rất vui vẻ, khi bệnh hoạn thì rất lo lắng, khi tang sự thì rất thương xót, khi tế lễ thì rất trang-nghiêm. Cho nên người nào chẳng yêu cha mẹ mà yêu người khác, đó là trái đức, chẳng kính cha mẹ mà kính người khác, đó là trái lễ

Người quân-tử thờ cha mẹ hết đạo hiếu, nên người chủ cũng hết lòng trung; kính yêu anh nên cũng thuận với người lớn hơn mình. Ở nhà sửa sang được mọi việc, nên khi ra làm việc công cũng giỏi về hành chính. Bởi thế tự trong mình đã có đức tốt, mới lập nên tiếng tốt ở đời sau vậy. (1)

Không phải chỉ riêng nam nhi mới có sự hữu ích cho chính bản thân mình khi hiếu với cha mẹ, mới lập nên tiếng tốt đời sau này, khi tự trong mình đã có đức tốt, mà nữ nhi cũng vậy. Người con gái ở nhà hết đạo hiếu với cha mẹ, khi lấy chồng sẽ cùng chồng giữ trọn đạo.

Hiếu với cha mẹ chồng, sẽ được chồng yêu, cha mẹ chồng nể vì. Ở nhà biết vâng lời cha mẹ, lấy chồng sẽ vâng lời cha mẹ chồng, nhất là khi cha mẹ chồng không ở chung, sẽ vâng theo lời phả của chồng, vợ chồng sẽ hòa thuận, sẽ được hưởng hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, người con gái khi ở nhà kính mến anh chị em mình, bước chân vào nhà chồng, sẽ giữ được sự hòa thuận với anh chị em bên chồng. Như vậy, tự mình có cái tốt nên được cái tốt.

Cái tốt của người con gái được tạo qua nền giáo dục của gia-đình, qua sự dạy dỗ của cha mẹ, qua sự tập giữ tính thành ngay ở nhà. Bởi vậy, người xưa bắt buộc phụ nữ

(1) Thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, hiếu chi thủy giả. Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung giả.

Hiếu tử chi sự thân: cư tắc trí kỳ kính, duong tắc trí kỳ lạc, bệnh tắc trí kỳ ưu, tang tắc trí kỳ ai, tế tắc trí kỳ nghiêm. Cổ bất ái kỳ thân, nhi ái tha nhân giả, vị chi bội đức, bất kính kỳ thân, nhi kính tha nhân giả, vị chi bội lễ. Quân tử chi sự thân hiếu, cố trung khả dĩ ư quân, sự huynh đệ, cố thuận khả dĩ ư trường. Cư gia lý, cố trị khả dĩ ư quan. Thị dĩ hạnh thành ư nội, nhi danh lập ư hậu thế hĩ.

(Mạnh Tử)

phải tại gia tông phụ chính là muốn người con gái sau này trở nên bậc hiền phụ hiền mẫu, người đàn bà đảm đang lo gánh giang sơn nhà chồng, và do đó được hưởng tất cả những niềm vui của hạnh phúc gia-dinh.

Tiền nhân đặt ra quy lệ tại gia tông phụ, không phải vì mình, chính vì ngay bản thân con cái.

Ngày nay bao nhiêu thiếu nữ không nghe lời cha mẹ bỏ nhà đi bụi đời, bao nhiêu cô gái, con cái các ông to bà lớn đã hư hỏng chỉ vì thiếu cái giáo dục căn bản của gia đình, chỉ vì không muốn chịu sự giáo huấn của cha mẹ, hoặc chỉ vì cha mẹ không chịu dạy dỗ con. Các cô đã không chồng mà chửa, các cô đã tiền dâm với tha nhân rồi rồi hậu thú với ông chồng trong một đám cưới vì lý trí (*Mariage de raison*).

Vậy, chúng ta có nên chấp nhận nguyên tắc ở nhà theo cha đối với các thiếu nữ chăng?

Tại gia tông phụ còn được hiểu bởi một số người là ở nhà phải theo họ cha. Đây là một điều không cần bàn, con cái ắt phải theo họ cha, chứ chẳng lẽ lấy họ của ông hàng xóm sao? Có thể có một đôi trường hợp người con theo họ mẹ với sự chấp thuận của người cha, chỉ vì họ nhà mẹ hoặc không có con trai, hoặc người mẹ muốn sau này nhờ đứa con lo việc khói hương cho họ nhà mình. Lấy họ mẹ trong trường hợp

này cũng chỉ là một điều thuận với lẽ hiếu.

Xuất giá tông phụ

Theo ngay nghĩa hai chữ giá thú, việc lấy chồng đã bắt buộc người đàn bà phải theo chồng vì *giá thú là một cái lễ mà người đàn bà rời bỏ nhà mình để về nhà chồng (1)*. Về nhà chồng tức là theo chồng, không lẽ lấy chồng lại theo một đệ tam nhân nào khác.

Tục lệ xưa bắt buộc người đàn bà đã chồng lấy phải luôn luôn ở bên chồng không được về nhà mình. Khi cha mẹ còn sống, có thể được về thăm một đôi lần, nhưng khi cha mẹ đã khuất núi, người con gái đã lấy chồng không được về ở nhà với anh em trai mình.

Và chẳng nhiệm vụ của người đàn bà khi lấy chồng là *gánh vác giang sơn nhà chồng* và trong việc gánh vác này gồm cả vấn đề tế-tự.

Trong Kinh Lễ, thiên Hôn lễ đã định nghĩa *Giá thú là một cái lễ nhân đó người đàn ông lo nối dòng họ nhà mình, gây dựng con cháu*.

Lo nối dòng họ nhà chồng, gây dựng cho con cháu chồng chính là nhiệm vụ tế-tự của người vợ, nhưng dòng họ nhà chồng lại chính là dòng họ mình kể từ ngày mình rời bỏ nhà mình để về nhà chồng, và con

(1) Thân trọng Huê.- Học Luật lệ An Nam, Đông Dương tạp chí 1913-14

cháu chồng chính là con cháu mình, do khí huyết của mình và chồng tạo nên, —những con cháu này, về sau khi lo việc khói hương, chúng sẽ cúng lễ mình cùng với những người thuộc họ nhà chồng.

Muốn có con cháu, người đàn bà phải lấy chồng, và chỉ người đàn bà có chồng, con cái mới được công nhận có cha mẹ, còn nếu vi *trên bậc trong dẫu* mà sinh con, theo Kinh Thi đó chỉ là *trèo tường dòm vách*, và đứa con hoang thai chỉ là đứa con không cha.

Lấy chồng người đàn bà phải ở với chồng; người đàn bà bỏ nhà ra đi không xin phép chồng, không có nơi có chốn, dù chỉ một ngày, người xưa cũng coi là đàn bà hư.

Ngoài ra, xuất giá tông phụ chính là để tạo hạnh phúc cho cuộc sống lứa đôi. Không chung sống với chồng sao gọi là vợ, và đã chung sống với chồng, lại không theo chồng, không chiều chuộng làm sao sự *thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn*, và như vậy thiếu sự hoà hợp, làm sao còn có được sự sung sướng trong nếp sống lứa đôi.

Theo luật Gia Long, người vợ đã theo chồng, của cải của vợ cũng thuộc về chồng và *chồng có quyền dùng của cải của vợ mà vợ không bao giờ được kiện chồng* (1). Tuy nhiên theo phong tục, chồng chỉ được quản lý những của cải đó thôi, còn nếu bán nhượng, cần phải được sự thuận tình của vợ.

Người vợ theo chồng, phải chăm lo gia đình, vì đây chính là gia đình của mình. Luân lý xưa đặt người vợ dưới người chồng, nhưng luật pháp lại coi vợ tương đương với chồng, và trong thực tế, tại xã hội Việt Nam, từ xưa người vợ được coi là *nội tướng trong gia đình*, không những đã giúp chồng trong công việc quản lý tài sản, giáo dục con cái, răn dạy người nhà, mà việc quản lý thường do chính người vợ đảm đương, cũng như việc giáo dục thơ nhi, người vợ nắm phần quan trọng hơn người chồng.

Trong vấn đề đức hạnh con cái trách nhiệm thường quy cho người vợ, và tự ngữ đã có câu *con hư tại mẹ*. Để tránh con cái khỏi hư hỏng người cha phải lấy con, nhưng người mẹ cũng phải giúp người chồng đề uốn nắn con trẻ ngay từ thuở anh hài.

Con trai một dạy, lớn lên thành trai ngu độn ngoan cổ, con gái mất dạy lớn lên thành gái lỗ lã g. Phép nuôi con trai, đừng nhe nói dối, phép nuôi con gái đừng cho lìa xa mẹ. Bọn trai lớn đừng tập cho đánh bạc uống rượu. Con gái lớn đừng cho rong chơi. (1)

(1) Đào-Duy-Anh, *Việt Nam Văn Hoá Sử Cương* đã dẫn, trang 110

(1) N. m tử thất giáo, trường đại ngu ngoan, nữ tử thất giáo, trường đại thô sơ. Dương nam chi pháp, mạc thính cuồng ngữ, dục nữ chi pháp, mạc giáo ly mẫu. Nam niên

Nhiệm vụ của người vợ rất nặng nề trong việc tạo hạnh phúc gia đình. Người xưa định chiều hướng *xuất giá tông phụ* không phải để người chồng dễ áp bức người vợ mà để người vợ phụ giúp người chồng cùng tạo hạnh phúc gia đình cùng gây dựng con cái.

Vợ chồng lấy nhau để chung sống với nhau, để giúp đỡ lẫn nhau, khuyến khích nhau trong đường đời, an ủi nhau trong những khi đau khổ hoặc thất bại, khích lệ nhau trong những khi thành công. Xuất giá tông phụ, nghe tưởng như người vợ bị chèn ép, nhưng thực ra đây phải là một sự tự nguyện, có tự nguyện vợ chồng mới là hoà hợp và mới tạo được hạnh phúc chung cho cả vợ lẫn chồng.

Không có tự nguyện, người vợ sẽ bỏ nhà ra đi, và người đàn bà đã ra đi, đâu còn phải là một người vợ nữa, ngay đối với con cái do chính người đàn bà sinh ra, chúng cũng sẽ chỉ gọi là *xuất mẫu*, nghĩa là người mẹ đã ra đi, và khi chết chúng chỉ để tang một năm thay vì để đại tang ba năm.

Cũng như *Tại gia tông phụ* đã được hiểu là theo họ cha khi ở nhà, thì *xuất giá tông phụ* cũng có người hiểu lấy chồng phải theo họ nhà chồng. Thực ra, khi người đàn bà

lấy chồng, không những họ mình chẳng còn, ngay đến tên mình cũng không còn nữa, người ta trong khi xưng hô, thường gọi người đàn bà theo họ nhà chồng, theo tên chồng.

Phu tử tông tử.

Vợ chồng lấy nhau ai cũng muốn ăn đời ở kiếp với nhau, sống với nhau tới khi đầu bạc răng long. Chính vì sự ước muốn này mà trong đám cưới bạn bè thường chúc nhau bách niên giai lão, trăm năm cùng già.

Nếu chẳng may giữa đường đứt gánh, thật là một sự bất hạnh cho cả kẻ sống lẫn người chết.

Dù sống với nhau tới già, rồi ra đôi bên cũng sẽ phải đi vào lòng đất mẹ, kẻ trước người sau,

Nếu người chồng chết trước, người vợ sẽ sống với các con, và sự chung sống này chính là *phu tử tông tử*. Đây cũng không phải là một sự ép buộc của người xưa chỉ đòi hỏi người vợ phải ở vậy cho tới mãn tang chồng, và sau thời gian đó người vợ có quyền tái giá, không ai ngăn cấm được, kể ngay cả các con.

Nếu người vợ ở vậy nuôi con, sự ở vậy này phải do tinh thần tự nguyện.

Đành rằng người xưa không ai khen gì kẻ bỏ con đi lấy chồng, nhưng không luật pháp nào bắt tội một quả phụ bước đi bước nữa.

trưởng đại, mặc tập đồ tửu ; nữ
niên trưởng đại, mặc giáo du ầu.

(Thái Công)

Con đường *phu tử tông tử* có được vạch ra chính là vì gia đình quả phụ vì lũ con thơ của quả phụ và cả vì quả phụ nữa.

Nếu lấy chồng, thiếu nữ rời bỏ họ nhà mình để đi về họ nhà chồng, biến thành người của họ nhà chồng thì tái giá, quả phụ rời bỏ họ nhà chồng cũ để đi về họ nhà chồng mới, biến thành người của họ nhà chồng mới, như vậy bao nhiêu quyền lợi đang có tại họ nhà chồng cũ sẽ mất hết, ngay cả đến quyền làm mẹ của lũ con cũng bị giảm sút, và kể từ ngày người mẹ bước đi bước nữa, lũ con sẽ gọi bà ta là *giá mẫu* và khi bà *giá mẫu* chết, con cái chỉ phải để tang một năm, thay vì để tang ba năm cũng như *xuất mẫu*, nghĩa là người mẹ đã ra khỏi nhà chồng, khi chồng còn đang sống con cái cũng chỉ để tang một năm.

Người đàn bà chồng chết ở lại *phối* con, theo con trong việc thờ chồng và thờ tổ tiên nhà chồng, sẽ thay chồng trong mọi công việc tại gia đình : quản lý tài sản, giám đốc con cái, coi sóc tất cả kẻ ăn người ở trong nhà. Ngoài ra, nếu người chồng là tộc trưởng, khi chồng chết đứa con trai trưởng còn nhỏ, người vợ sẽ đảm nhận ngay cả quyền tế tự tổ tiên, tuy trong thực tế những *khi hành lễ thường có một người đàn ông trong họ (ông chú) giúp đỡ* (1). Sự giúp đỡ này rất cần thiết vì hai lẽ.

— Có những trường hợp, người

đàn bà không tiện hành lễ, vì trong người không được sạch sẽ.

— Thường đàn bà không hiểu nghi lễ, và khi tế lễ cúng bái, người đàn bà thường ít học lại không thuộc văn-khẩn. Về trường này, người xưa trước đây có đặt ra những bài văn khấn nôm bằng thơ lục bát dễ nhớ, dùng khi giỗ ngày tết để phụ nữ tiện học thuộc lòng.

Thay quyền chồng trong việc tế tự, người đàn bà còn phải thay chồng trong việc giáo huấn con cái rất nặng nhọc. Khi còn chồng, người vợ chỉ lo giáo dục những đứa trẻ trong tuổi thơ nhi, nay chồng đã chết, việc giáo dục con cái trong mọi lứa tuổi hoàn toàn thuộc trách nhiệm người mẹ. Người mẹ phải cho chúng đi học, theo dõi việc học của chúng.

Nếu người chinh-phụ trong Chinh phụ ngâm đã

Vì chàng thiếp đã hiểu nam

Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân

Thì nàng cũng chỉ làm *phụ thân* trong thời gian vắng chồng, rồi đến khi chiến tranh hết, chồng trở về, nàng sẽ lại bình thường sống đời làm vợ.

Trái lại, một quả phụ có bốn phận phải *dạy con đèn sách và làm phụ thân* cho đến chết.

(1) Đào Duy Anh. — Sách đã dẫn, trang 110

Dạy dỗ con cái, quả phụ còn phải lo gây dựng cho chúng, trai lớn dựng vợ, gái lớn gả chồng, và việc hôn nhân của con cái, người xưa phải dự phần rất nhiều, và ý kiến của cha mẹ bao giờ cũng thắng—không như ngày nay, bố mẹ chỉ là cố vấn cho các con trong việc lựa chọn lứa đôi, còn quyết định xây dựng với ai đó là quyền của các con

Việc dựng vợ gả chồng trước đây, kể cả dưới thời Pháp thuộc, và ngày nay ở một vài vùng nông thôn thường thực hiện ở lứa tuổi nhỏ hơn bây giờ, do đó ý kiến của cha mẹ rất cần thiết. Con cái còn ít tuổi thiếu kinh nghiệm tránh sao được sự lầm lẫn nhất là trong những đám cưới tào hôn. Đối với các cụ tuổi thành hôn của con gái là 13 và của con trai là 16, nữ thập tam, nam thập lục.

Ở lứa tuổi này thử hỏi trai gái đã hiểu gì về tự kén chọn bạn trăm năm, do đó ý kiến của cha mẹ, cha chết thì còn mẹ, là ý kiến chính. Gia dĩ, trong việc hôn nhân, người xưa không nhằm tiền tài và nhan sắc, tiêu chuẩn chính là tiêu chuẩn đạo đức :

Phàm nghị hôn nhân, tiên đương sát kỳ tế dữ phụ chi tính hạnh, cập gia pháp hà như ? Vật cầu mộ kỳ phú quý. Tế cầu hiền hỹ, kim tuy bản tiện, an tri dị thời bất phú quý hồ ? Cầu vi bất tiểu, kim tuy phú thịnh, an tri dị thời bất bản tiền hồ ? Phụ giả gia chi sở do thịnh suy giả. Cầu mộ nhất thời chi phú quý nhi thất chi, bi hiệp

kỳ phú quý, tiền hữu bất khinh kỳ phụ nhi ngạo kỳ cửu cô, dư ứng thành kiều đồ chi tính, dị nhật vi hoạn, dụng hữu cực hồ. (Tư mã Ôn Công) (1)

Nuôi nấng con cái, gây dựng cho con cái, người quả phụ lại phải bảo tồn tài sản chồng để lại cho mình và các con. Nếu bỏ đi lấy chồng khác, tài sản không người săn sóc có thể bị chiếm đoạt bởi một vài người trong họ gian tham, hoặc có khi vì sự săn sóc thiếu kinh nghiệm của con cái, tài sản có thể hao mòn và hết sạch được, như vậy con cái bị thiệt thòi và chính người giá mướn, phu tử bất tòng tử đã chắc sung sướng gì

Đặt ra điều phu tử tòng tử, hay đúng hơn chấp nhận diêm này của

-
- (1) Hễ bàn đến việc hôn nhân, trước phải xét tính hạnh con rề nàng dâu, kịp đến phép tắc trong nhà như thế nào ? Chớ nên cầu thả ham chuộng giàu sang. Ví dù như con rề hiền, nay tuy nghèo hèn, biết đâu lúc khác lại chẳng giàu sang. Ví dù người con rề hư xấu, nay tuy giàu thịnh, biết đâu lúc khác lại chẳng nghèo hèn ? Người đàn bà là nguyên do của sự thịnh suy trong nhà, ví dù miễn chuồng một lúc phú quý mà lấy vợ giàu, vợ sẽ cậy phú quý, ít khi chẳng khinh chồng, lại kiêu ngạo với cha mẹ chồng nuôi thành tính kiêu xa ghen ghét, ngày sau làm nên họa hoạn có khi đến rất mực vậy,

Nho giáo, người Việt-Nam chúng ta xưa không chắc đã có ý muốn bắt buộc người đàn bà khi chồng chết phải ở với con, nhưng người xưa đã nghĩ tới quyền lợi của lũ con và của cả chính người mẹ nữa. Ở lại theo con, góa phụ có đủ quyền hành trên ba mặt:

—Tế tự.

—Giám đốc con cái.

—Quản lý tài sản.

Và đề khuyến khích các quả phụ trong việc *phu tử tông tử*, lịch triều xưa có lệ phong tặng các người này với bốn chữ **TIẾT HẠNH KHẢ PHONG**.

Tóm lại, quan niệm tam tông của người xưa không phải là một quan niệm ích kỷ, mà chính là vì hạnh phúc của người con gái, người đàn bà và người mẹ cũng như hạnh phúc chung của gia đình nên đạo tam tông được đặt ra và được tồn tại. Chúng ta theo Khổng giáo, nhưng chúng ta không khe khắt quá đến độ bắt một quả phụ trẻ tuổi phải ở vậy nuôi con, nhưng sự ở vậy được khuyến khích đối với những người đã có con cái. Đúng với thời xưa, điều này vẫn đúng với thời nay, nếu quả phụ nghĩ đến đàn con và nghĩ đến gia đình chính mình đã gây dựng nên.

Bé ở với cha mẹ, vâng lời cha mẹ, lớn lên lấy chồng tất nhiên phải theo chồng nếu không muốn bỏ chồng đi lấy chồng khác, và khi chồng chết,

người đàn bà nếu nghĩ tới đàn con thì chẳng gì hơn là ở vậy theo con,

Giữ tròn đạo tam tông, người phụ nữ không những được coi là hiếu nữ, hiền phụ, hiền mẫu mà chính đã tự tạo lấy cho mình hạnh phúc trong suốt đời,

Tròn đạo tam tông, nhưng muốn củng cố cái hạnh phúc mình xây dựng nên, người đàn bà cần có thêm Tứ đức, chúng tôi sẽ trình bày kỹ lưỡng hơn sau đây

Đề kết luận riêng cho đạo tam tông, chúng tôi thấy rằng gần đây có nhiều sự hiểu lầm do một số phụ nữ tranh đấu đòi bình đẳng bình quyền, cho rằng đây là những điều áp bức của đàn ông đối với đàn bà. Theo chúng tôi nghĩ, đây chỉ là một đường hướng người xưa vạch ra (une ligne de conduite), áp dụng được hay không còn do tình thần tự nguyện của chính các đương nhân, không ai bắt buộc phải theo,

Chúng tôi nghĩ, xưa hay nay thì.

1) Con cái cũng phải theo cha mẹ, dù con trai hay con gái, khi còn nhỏ tuổi sống với cha mẹ, cần đến sự săn sóc của cha mẹ.

2) Vợ phải theo chồng, không thể chồng một nơi vợ một nẻo và cũng không thể *chồng chẳng vợ chuộc*, vợ chồng phải hoà thuận đề cùng đồng ý trong các vấn đề chung mới tạo dựng được hạnh phúc gia-đình.

3) Khi bố chết, mẹ phải trông nom con cái. (còn nữa)

Đi tìm gia đình của nhà văn

PHỒ TRẠNG

✧ *Dã Lan* NGUYỄN ĐỨC DỤ

Trong bài «Nhà văn với gia đình», chúng tôi có đề cập tới sự liên quan mật thiết giữa nhà văn và gia đình. Tiếp theo bài này, chúng tôi xin được thảo luận thêm cùng bạn đọc một vấn đề khá quan trọng trong việc biên chép về thân thế của các nhà văn, tức là vấn đề PHỒ-TRẠNG.

Đúng ra thì ý nghĩa của 2 chữ gia đình không hẳn là chỉ bao gồm một ít người thân thuộc liên quan đến nhà văn như cha mẹ vợ con..., mà ở trên hết tất cả những người đó còn có những người khác nữa là TÒ TIÊN, CỤ KỶ và ÔNG BÀ của nhà văn, nghĩa là những người đã khuất bóng từ lâu đời nhưng lại thật sự có ảnh hưởng đến môi trường sáng tác của nhà văn đó. Nói như vậy là vô hình chung chúng ta đã di sang địa hạt của sự di truyền, một địa hạt mà trong đó dòng máu của tổ tiên luôn luôn được tiềm tàng ẩn hiện trong cơ thể của đứa con cháu thừa kế, và qua bao đời sự di truyền cách thế đó vẫn tồn tại và vẫn luân lưu tiếp nối không ngừng trong huyết quản của con cháu họ. Vậy thì, ghi chép hết thảy những gì liên quan tới nhà văn, từ các đời ở bên trên đi lẫn xuống cho tới nhà văn—hiểu theo ý nghĩa của gia phả—đó chính là sự kỷ chú tường tận «PHỒ TRẠNG» của nhà văn vậy,

Việc ghi chép phồ trạng của các nhà văn cũng không phải là một câu chuyện mới lạ. Thật ra, việc ghi chép này, mà người Tây phương gọi là chép «Tiểu sử» (Biographie), đã có từ nhiều thế kỷ trong lịch sử văn học của các quốc gia văn minh. Chúng ta hơn một lần đã được đọc những tác phẩm của Anh, Pháp, Đức..., viết về thân thế của các danh nhân. Tuy nhiên, đi sâu vào chi tiết thì lối chép tiểu sử của Tây phương nó có nhiều điểm khác biệt với lối chép phồ trạng sẽ được chúng tôi nói rõ dưới đây.

Như chúng tôi đã có dịp trình bày trong cuốn «GIA-PHẢ KHẢO LUẬN VÀ THỰC-HÀNH» (1) thì Tây phương, với phương pháp cực kỳ mới mẻ, đã đặt nặng vấn đề «Khoa học» cùng sự di truyền trong việc chép tiểu sử các danh nhân. Lối chép tiểu sử này khác hẳn với lối chép tiểu sử các văn thi gia của chúng ta hiện tại và nó càng khác xa với lối chép phồ trạng của chúng tôi nói trong bài, nghĩa là, cùng một mục đích khảo sát «Con người», Tây phương đã tận dụng hết thảy các ngành các môn học thuật như khoa di truyền,

(1) Gia-Phả Khảo-Luận và thực hành của Dã-Lan Nguyễn-đức-Dụ.- tái bản kỳ II, 1973.-

khoa bút tướng (tức là khoa nhân dạng và triết tự), khoa phân tâm học, dân số học, y học, sử học, nhân chủng học, xã hội học (1) mà họ cho là liên quan nhiều đến «NGUỒN-GỐC CON NGƯỜI» của danh nhân đó.

Chúng tôi xin đan cử một ví dụ nhỏ : trong khi sưu tầm khảo cứu về nguồn gốc con người (2), Tây phương tìm tòi tỉ mỉ từ hoàn cảnh xã hội tới sự di truyền của tổ tiên, những cá tính và lịch sử gia đình, bối cảnh thời gian, không gian v.v... Do đó, trong lúc nghiên cứu môn di truyền học, người Tây phương đã ra công khảo sát rất kỹ «con người» đó qua lý lịch và tình trạng cá nhân như : di truyền, loại máu, chủng tộc, tật bệnh, sức khỏe, hôn phối, nghề nghiệp, học lực... đồng thời họ còn nghiên cứu xem «con người» ấy được di truyền cách thế từ ông tổ nào đến ông tổ nào cùng giống ông tổ đời thứ mấy ở những đặc điểm nào và máu huyết của đứa con cháu thuộc máu nào, máu O hay máu B v.v...

Trở lại vấn đề phồ trạng. Tại sao lại gọi là «PHỒ-TRẠNG»? Phồ trạng của nhà văn liên quan tới gia đình, quốc gia, xã hội ra sao?

Phồ trạng cũng gần giống như một tờ lược giải cá nhân (Curriculum) hoặc bản khai lý lịch (Etat signalétique), hay nói cho rõ hơn thì nó chính là một hình thức của tấm thẻ căn cước. Phồ trạng của các nhà văn được nói tới trong bài gồm có TÔNG-TÍCH, LAI-LỊCH, QUÊ-QUÁN, THÂN-THỂ, GIA-CẢNH, VỢ CON, v.v...

Trước khi bàn rộng về phồ trạng,

ta thử lướt qua xem phồ trạng đó có những lợi ích thiết thực gì đối với nhà văn, đối với quốc gia xã hội? Trước hết, về phía nhà văn, phồ trạng có lợi trực tiếp đến con cháu họ. Nếu chúng tôi đoán không sai trật mấy thì trong 100 nhà văn có có thể có tới 99 nhà văn không hề bao giờ nghĩ đến chếp gia phả cho con cháu, vì vậy có nhiều nhà văn lúc chết đi, ngoài bản thân họ ra thì không còn ai, kể cả vợ con họ, biết gì hơn về tổ tiên cụ kỵ của họ. Còn một vài nhà văn, thường thường là thuộc vào lớp người trọng tuổi và ở vào vị thế của những gia đình có sẵn gia phả của tiền nhân thì còn có đôi chút tông tích của tổ tiên. Nhưng qua kinh nghiệm máu của những biến cố Bình Xuyên (1955), Tết Mậu thân 68 (Huế), và gần đây nhất là chiến cuộc Bình Long, Kontum, An lộc v.v... thì chắc gì còn ai giữ được gia phả (ví dụ như họ có gia phả).

Còn đối với quốc gia xã hội thì phồ trạng của các nhà văn còn có tầm mức quan trọng và hữu ích hơn thế nữa. Ta đã được đọc một vài tác phẩm biên khảo về các văn thi gia đương thời.

(1) Xem : *Quan niệm về gia phả của Tây phương*, sách đã dẫn Chương IV, trang 131.

(2) «Con người» của Tây phương, ở đây là nói chung mọi giới ở trong xã hội Âu châu : vua chúa, danh nhân, văn thi sĩ, luật sư, bác sĩ, công kỹ nghệ gia, thợ thuyền, dân chúng v.v...

Không ai lại không nhận thấy rằng trong hầu hết các sách viết về tác giả và tác phẩm, tên tuổi quê quán của tác giả chỉ được ghi chép sơ sài, chẳng hạn như : «*Doãn-Quốc-Sỹ, tên thật Doãn-Quốc-Sỹ* sinh ngày 3 tháng 2 năm 1923 tại Hà Nội», «*Trùng-Dương, tên thật Nguyễn-Thị-Thất*, sinh ngày 15-4-1944 tại Sơn-Tây-Bắc-Việt», hoặc lại vẫn tắt hơn : «*Nguyễn-Mạnh-Côn tên thật Nguyễn-Mạnh-Côn*, sinh năm 1920» v.v... (1). Điều này cũng không có gì đáng trách. Thật ra thì người viết chỉ cần đề ý đến văn chương và sự nghiệp, còn thân thế, tiền sử của tác giả, nếu có thì chẳng qua cũng chỉ coi như là một «*Chú thích*» nhỏ của soạn giả mà thôi. Nói tóm lại là trong các sách viết về tác giả và tác phẩm, tông tích lai lịch của tác giả gần như không bao giờ được đề cập tới. Đó chính là một thiệt thòi rất lớn đối với dòng họ cũng như đối với con cháu của tác giả, ấy là ta chưa nói tới nó sẽ gây ra nhiều khó khăn, nghi vấn cho lớp người sau muốn tìm hiểu về tông tích, thân thế của tác giả. Cũng vì phổ trạng của nhà văn bị coi nhẹ như thế cho nên có nhiều nhà văn, ngày nay khi muốn khảo cứu về lai lịch và thân thế họ thì ta đành chịu thúc thủ, không còn biết truy cứu gốc gác họ vào đâu nữa, điển hình nhất là trường hợp của sử sĩ Hồ-Xuân-Hương. (Trường hợp này người ta gặp nhan nhản trong cuốn «*Giai-thoại làng nho*» của Phùng quân (2).

Đành rằng khi viết về một tác giả hay một tác phẩm, dù muốn dù không thì phần văn chương vẫn phải được coi là phần chủ chốt của cuốn sách,

nhưng nếu suy nghĩ kỹ thì ta lại thấy trong văn đề còn có cả một sự thiếu sót quan trọng, một sự thiếu sót thật quá «*bất công*» khi mà người đời chỉ biết thưởng thức lời hay ý đẹp của một tác phẩm mà vô tình quên bẵng không biết từ đâu và do đâu mà có những áng văn bất hủ như thế. Hơn nữa, đọc một bài thơ hay một áng văn tuyệt tác thì ai chẳng thích thú thấy trong lòng sáng khoái, nhưng nếu lại được biết thêm một chút về lai lịch của tác giả thì chắc hẳn sự thích thú ấy còn tăng lên gấp bội.

Cho nên việc chép tiền sử của các nhà văn hiện nay phải được canh tân sửa đổi, cũng không phải là canh tân tới mức phải «*Khoa học hóa*» như Tây phương đề ý từng chi tiết nhỏ mọn xoay quanh thể xác của nhà văn mà là, theo chúng tôi trộm nghĩ, qua địa hạt sáng tác của nhà văn đó, ta nên bỏ khuyết những gì có liên quan mật thiết tới một dòng họ từ bao đời đã có công vun quén cho khu vườn văn học Việt-Nam một giống cây quý ; Không những thế, sự bỏ khuyết đó còn tránh cho các nhà khảo cứu, sử gia mọi nỗi tìm kiếm khó khăn. Hơn nữa, khi ta được thưởng thức một bông hoa quý thì ít ra chúng ta cũng cần nên tìm hiểu cho biết giống cây nào đã sống hiển cho đời bông hoa quý đó.

- (1) Xem : *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta* — Nhà Xuất bản Sáng, 1973 — Các trang 51, 653 và 225.
- (2) «*Giai-thoại làng nho*» của Lăng - Nhân — Nam chí từng thư, 1964 —

Bởi vậy, việc chép thân thế của các văn thi gia phải được coi là trọng, nó phải được bỏ khuyết những gì từ trước tới nay còn thiếu sót, nghĩa là tiêu sử của các nhà văn chỉ được coi là đầy đủ hoàn toàn nếu có thêm **PHẦN TỔNG-TÍCH, LAI-LỊCH, GIA-CẢNH, VỢ CON**. Đọc đến đây chắc có nhiều đọc giả sẽ có thành kiến với kẻ viết bài này, cho là tác giả mua chuyện, thích sự rườm rà lời thôi. Vì chép tiêu sử nhà văn can chi phải nhắc cả đến tổ tiên, vợ con của người ta. Chúng tôi xin nói là những điều bỏ khuyết kể trên không phải là vô ích, nhất là trong tình thế hiện tại nó lại càng phải được coi như điều bắt buộc khi mà tất cả mọi gia đình dòng họ phải xa quê hương vì thời cuộc đều nghĩ rằng không có cuộc chiến nào bất tận và cũng không có tình máu mủ ruột thịt nào bị chia cắt mãi. Do đó, những chi tiết như tông tích, gia cảnh, vợ con sẽ giúp cho con cháu của các nhà văn ở hai miền Nam-Bắc mai sau gặp lại được nhau dễ dàng và chính những cái ta tưởng là không quan trọng đó sẽ là nhịp cầu để đám con cháu liên hệ xa gần của các nhà văn dễ liên lạc được với nhau hơn (†).

Nhưng thế thức lập phở trạng như thế nào? Nó có giống như chép tông phả tộc phả không? Đúng ra thì phở trạng của các nhà văn khác xa với lối chép gia phả. Vì trong phở trạng tuy có nói đến tổ tiên dòng họ song chỉ là ghi tóm tắt (chúng tôi xin nhấn mạnh: ghi thật vắn tắt), đại khái chỉ cần cho biết qua loa nguồn gốc lai lịch mà thôi, nó

không đi sâu vào chi tiết như chép gia phả. Tuy nhiên, trong tiêu sử các nhà văn thì phần phở trạng được coi là phần quan trọng nhất. Dưới đây là cách ghi phở trạng :

1) Tông tích ông thủy tổ : tên họ, tên tự, miếu hiệu, chức tước (nếu có)

2) Nơi ông thủy tổ bắt đầu sinh cơ lập nghiệp : quê quán, làng, phủ, huyện, tỉnh.

3) Ông thủy tổ ở đâu đến (Trung ? Nam ? Bắc ?), đến từ thời nào (Lê ? Trịnh ? Nguyễn ?).

4) Ông thủy tổ sanh được mấy ngành (mấy con trai) ? Tên tuổi ?.

5) Ông nội của tác giả thuộc con cháu của ngành nào (ngành trưởng hay ngành thứ).

Chú thích : Trong hơn 5 chục bản phở trạng của các văn thi hữu từ các nơi gửi về cho tác giả, trừ một vài vị, còn phần lớn đều hiểu rõ mục đích chúng tôi soạn cuốn « Văn thi gia cận đại phở trạng lược khảo » nên phở trạng được ghi chép rất đầy đủ. Chúng tôi cũng xin được ghi đậm mỗi thịnh tình của Quý vị văn thi hữu nơi đây.

(†) — Chúng tôi được phép nghĩ thêm rằng thiếu những điều căn bản trên đây thì con cháu của các nhà văn ở 2 miền sau này có lẽ phải đánh nhau đến vỡ đầu mới nhận được Họ.—

Trên đây là đối với những nhà văn may mắn còn mang theo được gia phả ; còn một phần thuộc các gia đình đơn độc rời xứ đã lâu hoặc thất lạc gia phả qua nhiều biến cố (1945-1968). Với các vị này, chỉ còn nhớ mang máng được vài ba ông tổ ở gần đời mình nhất, như tổ tứ đại (cụ), tổ tam đại (ông nội), cũng có người thì chỉ biết được từ cha mẹ giờ xuống hoặc chỉ biết có bản thân hay quê quán của bên nội (cha), bên ngoại (mẹ)...

Về phần thân thế của các nhà văn (tức là tiểu sử) thì chúng tôi trộm nghĩ trong bất cứ một cuốn sách nào viết về cuộc đời của tác giả, ta có thể chia nó ra làm 2 giai đoạn :

Giai đoạn I : cuộc đời của tác giả, từ thừa nhỏ tới lúc khôn lớn (học hành, đỗ đạt...)

Giai đoạn II hoạt động của tác giả, từ lúc trưởng thành trở về sau (sinh hoạt, làm ăn...)

Trong cuộc đời của tác giả, tưởng cũng cần kê thêm vài sở thích, sở hiếu (yêu, ghét cái gì), đời sống bình thường hay thăng trầm, kèm với một vài mẫu giai thoại nhỏ về thơ văn, cuộc sống v.v...

Riêng đối với những nhà văn chẳng may đã mệnh một (chết) thì điều cần yếu là nên ghi thêm ngày tháng năm mất, mộ phần (nơi an táng) cùng trường hợp mệnh một của tác giả : chết bệnh chết già, chết vì tai nạn, biến cố...

Về phần gia cảnh của các nhà văn, như chúng tôi đã trình bày căn cứ ở trên, là tên tuổi, quê quán của vị hôn

phối (chồng hay vợ) hay của cha mẹ vị hôn phối, số con cái (mấy trai mấy gái với tên tuổi)..., cần được ghi đầy đủ.

Ngoài ra, có một chi tiết tuy nhỏ nhưng cũng quan hệ không kém. Đó là ghi về tác phẩm của các nhà văn. Trong những cuốn nói về tiểu sử, sự nghiệp của các văn thi gia (hay các chính khách) như cuốn «Nhân vật 73», cuốn «Niên giám văn nghệ sĩ» v.v..., có một điểm thiết tưởng lúc biên soạn ta cũng nên lược bớt đi. Ấy là những «TÁC PHẨM DỰ ĐỊNH XUẤT-BẢN». Trong một cuốn sách, nhất lại là cuốn khảo cứu về các nhà văn mà đời sau sẽ dùng nó làm tài liệu căn bản để nghiên cứu thì mỗi một chi tiết, dù nhỏ nhất tới đâu, cũng cần được thận trọng cân nhắc để tránh những sự việc hàm hồ, thiếu chính xác. Về tác phẩm, ta chỉ nên đề cập tới những tác phẩm «ĐÃ XUẤT-BẢN», còn những tác phẩm chưa xuất bản, nếu cần ghi thêm thì nên có dấu chứng và giới hạn số lượng đề đời sau khỏi nghi ngờ là việc làm thiếu vô tư, thận trọng.

Phở trạng của các nhà văn, với những bổ khuyết trên đây, tạm gọi là đầy đủ, có thể giúp các nhà chép văn học sử bớt được phần nào khó khăn trong công cuộc sưu tầm khảo cứu. Nhưng trên hết mọi việc, điều quan trọng nhất đề thu lượm được kết quả tốt đẹp vẫn là do nơi cá nhân nhà văn có nhận thức được việc làm khó khăn và nặng nề của người di nhất «Phở trạng» cho con cháu họ mà vui vẻ tiếp tay hay không.....

Bạn đọc góp ý :

NGHỀ LÀM CHA MẸ

✻ Hoàng văn Bình

Trong tất cả các nghề trên trái đất có lẽ không có nghề nào cao quý và nặng nhọc bằng nghề làm cha mẹ. Cao quý vì nghề đó tạo ra con người và rèn luyện con người thành một sinh vật hữu dụng ; nặng nhọc vì đó là một nghề vừa khó khăn vừa lâu dài không phải trong một sớm một chiều mà xong được. Ngày xưa, ở nước ta, các bậc làm cha mẹ được Nho giáo dành cho một địa vị hết sức cao quý. Đức Hiếu đứng đầu trong mọi nét tốt của con người.

Chữ Hiếu niệm cho tròn một tiết,

Thì suy ra trăm nét đều nên.

(Nhị thập tứ hiếu)

Cha mẹ có toàn quyền sinh sát đối với con cái : «*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung ; phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu.*» Bất hiếu ngày xưa là một trọng tội, có thể bị xử tử hình. Trong tam cương : Quân thần, phụ tử, phu phụ, người cha đứng ở hàng thứ hai, chỉ ở sau vua mà thôi. Ca dao ta có câu :

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng thờ mẹ kính cha,

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Ta có thể nói sơ dĩ các bậc làm

cha mẹ có được địa vị như thế chính là vì cái sứ mạng cao quý mà các Người đã nhận lãnh.

Ngày nay, xã hội đổi thay, Nho giáo suy tàn, cha mẹ không còn được con cái coi trọng như trước, không những thế, hơn mười năm trở về đây, nạn thiếu niên hư hỏng càng ngày càng nhiều. Phải chăng đó là cái triện chứng báo hiệu tổ chức gia đình đã đến kỳ suy sụp ? Ai chịu trách nhiệm về tình trạng đó ? Trước khi đổ lỗi cho người khác ta hãy xét lại chính mình. Bởi vậy, đề trả lời câu hỏi trên ta, không gì hơn, thử tìm hiểu xem cha mẹ có những bổn phận gì đối với con cái và chúng ta nên chu toàn những bổn phận đó như thế nào ?

Trước hết ta hãy tìm hiểu ý nghĩa của hai chữ giáo dục. Kant cho rằng : «*Mục đích của giáo dục là làm cho mỗi người được thật hoàn toàn.*» W. James, S. Mill và H. Spencer cùng phát biểu : «*Giáo dục có mục đích làm cho một người được sung sướng — cho người ấy và cho đồng loại.*» Durkheim lại nói : «*Giáo dục là ảnh hưởng của thể hệ người lớn đối với những thể hệ còn chưa chín chắn để tham dự vào cuộc đời trong xã hội.*» Giáo dục còn mục đích là làm phát triển ở đứa trẻ những điều vật chất, trí thức và tinh thần, là những

điều mà toàn thể xã hội, chánh trị đang mong mỏi, đến cả hoàn cảnh riêng của đứa trẻ cũng mong mỏi nữa.»

Định nghĩa của Durkheim tuy dài dòng nhưng rõ ràng nhất. Tuy vậy ta vẫn có thể tóm tắt các ý kiến trên lại như sau : «Giáo dục một người là làm thế nào để mọi khả năng lãnh vực trong con người ấy được phát triển một cách tốt đẹp để người ấy sau đó có thể tạo được một cuộc sống xứng đáng cho mình và hữu ích cho người khác». Đó chính là mục đích của công việc giáo dục và đó cũng là thiên chức của bậc làm cha mẹ vậy.

Đề chu toàn thiên chức đó, lúc có một đứa con ra đời, cha mẹ phải làm những công việc như sau :

1.—Nuôi nấng :

Sinh con ra thì phải nuôi, đó là điều tự nhiên. Việc nuôi nấng này bao gồm cả sự săn sóc về sức khỏe nữa, nghĩa là ngoài việc cho ăn uống, bú mớm đầy đủ, cha mẹ còn phải lo cho con được mặc ấm, ngủ yên và thuốc men lúc đau ốm. Thức ăn tốt nhất cho trẻ sơ sinh chính là sữa mẹ vì như thế đứa trẻ được nuôi dưỡng một cách quen thuộc như lúc ở trong bào thai. Việc muốn vú nuôi hay cho trẻ bú sữa hộp chỉ nên coi là việc bất đắc dĩ.

Khi đứa trẻ đã lớn, sự trông nom của cha mẹ vẫn là điều cần thiết. Bữa cơm ngon lành vẫn là bữa cơm do bà mẹ hiền nấu lấy chứ không phải là những bữa cơm thúng ở nhà hàng xóm. Trong tuổi thiếu niên trẻ phải được ăn uống

đầy đủ và tránh sự làm việc quá sức để cơ thể có thể phát triển dễ dàng. Ta đừng quên rằng chỉ một sai lầm nhỏ của cha mẹ có thể tạo ra một khuyết điểm trên cơ thể đứa trẻ và ảnh hưởng đến nó suốt đời. Trong bao nhiêu gia tài mà cha mẹ để lại cho con cái, sức khỏe là thứ cần thiết và quý báu hơn cả.

2— Yêu thương

Cha mẹ nuôi con không giống nuôi gà nuôi vịt vì bên cạnh sự nuôi nấng còn có tình thương. Các nhà tâm lý học nhi đồng đều đồng ý rằng «Trẻ con không những sống bằng sữa mà còn sống bằng tình yêu». Nói khác đi cách nuôi con cũng quan hệ như vật dùng để nuôi vậy. Tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái thật là một tình yêu bao la và vô vị lợi, không gì có thể so sánh được. Vì tình yêu, cha mẹ có thể hy sinh hạnh phúc của mình để đòi lấy hạnh phúc cho con và cũng vì tình yêu đó, nhiều đứa con đã dưng lại được trước hố sâu tội lỗi vì không muốn cha mẹ phải phiền lòng. Nhưng cha mẹ chỉ có thể yêu thương con cái khi bằng lòng với số phận mình, chấp nhận những đứa con mà mình đã sinh ra và con cái cũng chỉ yêu thương cha mẹ khi thấy cha mẹ yêu thương mình chỉ vì mình là con chứ không phải là vì một lý do nào khác. Chính sự thương yêu hòa đồng đó sẽ là sợi dây bền chặt nối kết các phần tử lại với nhau để cùng giúp nhau tiến lên. Gia đình lúc đó sẽ là bếp lửa để sưởi ấm những tâm hồn giá lạnh, sẽ là hòn đảo an toàn để mọi phần tử trong đó lấy làm chỗ ẩn núp trước đại dương sóng gió của cuộc đời.

3 — Dạy dỗ

Nhưng yêu thương và nuôi nấng vẫn chưa phải đầy đủ, vì nếu chỉ có thế thì cha mẹ đã lãng quên phần quan trọng nhất trong trách nhiệm của mình. Đó là việc dạy dỗ con cái. Đó là việc tập cho chúng những đức tính tốt và truyền cho chúng những kiến thức để một ngày kia chúng có thể sống tự lập được. Nuôi nấng mà không thương yêu thì đó không phải là sự cư xử của cha mẹ đối với con. Nhưng chỉ thương yêu mà không dạy dỗ thì đứa con cũng không thể nào nên người được. Phải gồm cả ba công việc cùng một lúc thì mọi tài năng mới nảy nở, mọi lãnh vực mới phát triển nơi đứa trẻ, công việc sau cùng này lại là công việc khó khăn hơn cả vì nó vừa lâu dài vừa nặng nề. Lâu dài vì phải tiếp tục luôn luôn, không bao giờ ngừng nghỉ, nặng nề vì kiến thức con người càng ngày càng bao la, cha mẹ không thể một mình chu toàn hết được. Chính vì vậy mà việc dạy dỗ con cái phải được bắt đầu rất sớm—Ở Đông phương, đó là lúc đứa trẻ còn ở trong bụng mẹ: Thai giáo—và lúc đứa trẻ lớn lên người ta phải nhờ đến các thầy học đường và tôn giáo tiếp tay. Tuy nhiên kẻ chịu trách nhiệm chính trong công việc này vẫn là cha mẹ. «Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà», đó là điều hiển nhiên, không ai chối cãi được.

Con người trước khi bước chân đến nhà trường đã sống trong gia đình, sau khi rời trường, con người cũng quay về với gia đình; hình thức gia đình có trước học đường và luôn luôn ảnh hưởng đến đứa trẻ, do đó, việc giáo dục nó

phải bắt đầu trong gia đình và bằng gia đình. Cha mẹ tiếp xúc hằng ngày với con nên biết rõ cá tính, khả năng của từng đứa, lại có một tình thương bao la đối với con nên không còn ai thích hợp hơn để làm công việc dạy dỗ nữa. Những ai vì một lý do nào mà từ chối trách nhiệm này, họ là những người ích kỷ không xứng đáng được con cái gọi bằng hai tiếng thiêng liêng là cha mẹ. Thường thường, họ trốn trách nhiệm để dành thì giờ kiếm thật nhiều tiền. Họ không biết rằng số tiền đó dù nhiều đến đâu cũng sẽ bị những đứa con hư hỏng sau này phá tán hết cả. Đó là chưa kể đến những điều phiền phức mà chúng có thể gây ra cho gia đình nữa. Thật ra số tiền đầu tư vào việc học cho con chính là số tiền sẽ sinh lợi nhiều nhất. Cờ ngữ Trung Hoa có câu: «Đề lại vàng đầy rương không bằng dạy con đọc sách». Còn người bình dân Việt Nam thì xác định:

Để con chẳng dạy chẳng răn

Thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy lòng!

Con đường đi của các bậc cha mẹ được vạch ra như thế thật là rõ ràng. Nhưng đề đi trọn con đường đó người ta còn phải cố gắng để vượt qua bao nhiêu dèo, bao nhiêu tuổi nữa.

1 — Chuẩn bị

Vì nghề làm cha mẹ là một nghề đầy gian lao nên thanh niên, thiếu nữ cần chuẩn bị thật kỹ lưỡng trước khi muốn bước chân vào nghề. Sự chuẩn bị gồm cả hai mặt vật chất và tinh thần. Về vật chất, họ phải biết đến một tuổ

nào đó, với một sức khoẻ nào đó, một loại máu nào đó — đối với người kia — người ta mới nên sinh con đẻ cái. Hai người cũng phải có một nghề nghiệp vững chắc hoặc một lợi tức nào đó để có thể sống tự lập được mà không cần đến sự giúp đỡ của người thứ ba nữa. Về tinh thần, quan trọng hơn, khi hai người quyết định chung sống với nhau, họ phải biết cách làm vừa lòng nhau để gia đình được êm ấm, biết cách nuôi con để chúng được khoẻ mạnh và nhất là phải biết cách dạy con để chúng thành người. Ở những nước tân tiến, người ta có mở những lớp Dự Bị Hôn Nhân, Dưỡng Nhi, những trường dạy Nghề làm cha mẹ. Sự hiểu biết trong những địa hạt này thật là hữu ích cho tất cả mọi người, nhất là cho những ai sắp lập gia đình.

Đáng trách biết bao khi người ta coi hôn nhân là một trò chơi và khi chán nhau người ta lìa nhau không luyến tiếc. Và tội nghiệp biết bao cho những đứa trẻ được sinh ra mà không được thừa nhận. Chúng không biết cha là ai còn mẹ thì mỗi lần nhìn đến con lại thấy sôi lên trong lòng một niềm thù hận, căm tức! Hỡi ôi, tuổi trẻ đã làm gì nên tội? Lớp người lớn ở trên là một hạng người tâm hồn què quặt, trí óc ngu dần vì họ đã tự phá hủy những gì quý báu nhất trong đời mình. Lớp người trẻ ở dưới vì tuổi thơ đã bị bắt bủi, lớn lên chúng sẽ chán ghét cuộc đời và không thể không nghĩ đến việc tìm cách trả thù xã hội. Cha mẹ lúc đó hối hận thì đã muộn rồi còn những kẻ dù có xót xa cũng không thể nào làm

cho chúng sung sướng được nữa.

Lúc đã sống chung với nhau sẽ con cái sinh ra cũng là điều mà cha mẹ phải để ý đến. Họ phải thận trọng xét xem mình có thể nuôi thêm một đứa nữa không trước khi quyết định cho thêm một đứa con ra đời. Vì nếu quá túng thiếu thì việc sinh thêm chỉ làm khổ mình và khổ đứa trẻ một cách vô ích. Sau này lớn lên biết đâu nó lại chẳng oán trách cha mẹ đã không lo lắng cho mình chu đáo để mình được bằng chị bằng em? Hơn nữa, khi không được nuôi nấng chu đáo, cuộc đời của nó sẽ không ra gì và xã hội lại phải chịu mang sự tai hại càng lớn hơn nữa.

2 — Cảm thông :

Sự thương yêu của cha mẹ đối với con cái sẽ tạo ra bầu không khí yên vui trong gia đình. Sự thương yêu đó cần phải công bằng, không được thiên vị ai. Còn thiên vị là tâm hồn còn kém cõi chưa xứng đáng làm cha mẹ. Nhưng thương yêu cũng không phải là nuông chiều để thoả mãn mọi ý muốn của trẻ. Khắt khe quá dễ làm con cái xa cách, sợ hãi, nhưng dễ dãi quá chúng lại không kính trọng vì thấy cha mẹ mình là người nhu nhược. Trẻ con vốn mâu thuẫn. Chúng đòi hỏi thật nhiều lúc không được vừa ý thì không giận dữ nhưng trong thâm tâm chúng lại bằng lòng khi thấy có một quyền lực ngăn cản những ý muốn của chúng. Đó chính là cái thắng an toàn giúp chúng vững lòng tiến bước hơn trong cuộc đời. Tuy nhiên, nếu cha mẹ cần cương quyết trong những quyết định cấp thời thì lại

phải mềm mỏng với con trong những việc quan trọng, lâu dài, có quan hệ trực tiếp đến chính nó và chỉ nó mà thôi. Chẳng hạn như cái việc chọn nghề, lập gia đình, quan niệm về tôn giáo... Ép buộc, trong những trường hợp này đã không có lợi gì lại còn dễ tạo ra sự bất hòa, chống đối nữa. Đây chính là lúc bậc làm cha mẹ cần đến kinh nghiệm và tài khéo léo của mình để đối thoại với con. Quý vị hãy trình bày thế nào để con cái thấy rõ các điều lợi hại rồi để mặc chúng quyết định 'ấy. Trao cho chúng quyền tự do đó, chúng sẽ thấy mình trưởng thành và mỗi ngày sẽ mỗi chín chắn hơn trong các hành động.

Sự yên vui trong gia đình chỉ duy trì được lúc trong nhà có một kỷ luật, trật tự mà con cái dựa vào cũng phải tuân theo. Căn cứ vào đó chúng biết mình được phép làm những gì và không được phép làm những gì. Cái kỷ luật, trật tự này càng lâu đời lại càng vững chắc và nó tạo thành cái nề nếp cho một gia đình—gia phong—hoặc hơn nữa, cả một họ mà ảnh hưởng của nó sẽ chi phối mọi sinh hoạt của người con suốt đời.

Cha mẹ dù yêu con đến đâu cũng cần phải biết rõ tâm lý con cái để đối xử cho được dễ dàng. Một trong những điều sai lầm của người lớn là hay xem trẻ em là một người lớn thu nhỏ lại. Thật ra, trẻ con có một cá tính không ngừng đổi thay và một cơ thể không ngừng phát triển để đạt đến mức trưởng thành. Tuổi trẻ và tuổi già như vậy có những điều hoàn toàn trái ngược nhau. Tuổi trẻ hiếu động, ham vui và đang

dò dẫm trên con đường đi tìm tương lai nên không thể nào tránh được sự lầm lỡ. Tuổi già chín chắn, trầm tĩnh, sống nhiều với quá khứ và thường tự hào về kinh nghiệm của chính mình. Tuổi già như vậy cần bao dung và tuổi trẻ cần phục thiện. Đã bao dung, cha mẹ cũng không nên lấy làm khó chịu khi thấy con cái có những ý nghĩ, quan niệm khác với mình (xã hội, phong tục mỗi nơi mỗi khác, mỗi thời mỗi khác, đâu có bao giờ giống nhau !). Chính cái tinh thần phóng khoáng đó sẽ là môi trường tốt đẹp nhất giúp cho cá tính và tài năng riêng của từng đứa trẻ này nở một cách tốt đẹp.

Thương con, cha mẹ phải theo dõi con luôn luôn để giúp đỡ chúng lúc cần thiết, vì đôi khi sự mất an toàn nguyên nhân không phải từ bên trong gia đình gây ra mà từ bên ngoài đưa tới. Một người cha hay một người mẹ khôn ngoan sẽ làm thế nào để con cái có thể bày tỏ tâm sự của mình một cách dễ dàng khi chúng muốn mà không phải e ngại một điều gì cả. Cha mẹ có quyền hành đối với con cái nhưng con cái cũng có nhân cách của nó và nhân cách đó phải được tôn trọng dù nó còn nhỏ đến đâu. Sự thân mật không bao giờ ta đồng nghĩa với sự thô lỗ. Và khi cha mẹ đối xử bất lịch sự với con thì sự tai hại xảy ra cũng trầm trọng ngang hàng như khi họ xử bất lịch sự với bạn bè vậy. Với những người không hẳn là ruột thịt như con nuôi, cháu, rể... cha mẹ lại càng phải tế nhị hơn nữa. Đừng bao giờ đem so sánh đứa này với đứa khác cả. Làm như vậy chắc chắn ta chỉ đạt được một điều là tạo ra sự bất hòa trong gia đình và

làm sao mà bắt đứa này phải giống đứa kia được khi mỗi người có một cá tính riêng và sống theo một hoàn cảnh riêng ?

Nói tóm lại, sự yên vui trong gia đình không phải được tạo ra bằng uy quyền của cha mẹ mà bằng sự thông cảm của cả hai bên. Cha mẹ, theo nhà Văn Nhất Hạnh là những vị giáo sư dạy phân khoa tình yêu cho con cái trong trường đại học của cuộc đời. Muốn học trò mình tiến bộ thì chính họ phải là những vị giáo sư xuất sắc, nghĩa là trước khi dạy dỗ con cái thương yêu, chính họ hãy thương yêu nhau thật lòng để cái bếp lửa gia đình mà họ nhóm nhún lên lúc còn thanh xuân vẫn còn nóng ấm lúc răng long đầu bạc. Được sống trong một tình yêu nồng nàn như thế con cái sẽ vững niềm tin khi phải đối phó với những bất trắc của cuộc đời.

c— Kiến thức

Việc dạy dỗ con cái đòi hỏi cha mẹ phải có một số vốn kiến thức nào đó. Đứa con càng lớn, càng khôn ngoan thì kiến thức của cha mẹ lại càng cần thiết, bởi vì bao giờ con cái cũng coi cha mẹ là những vị cổ vấn tối cao, có thẩm quyền đưa đường chỉ lối cho chúng. Lúc dạy dỗ, cha mẹ có thể dùng lời lẽ để giảng giải, dùng thí dụ để chứng minh nhưng bài học sống động và có kết quả nhiều nhất chính là cuộc đời của quý vị. Quý vị hãy làm đúng những gì quý vị đã nói vì trẻ chỉ tin tưởng những gì chúng thấy. Chính sự tin tưởng đó đã tạo ra nơi chúng lòng kính trọng cha mẹ, những cơ

người mẫu mà chúng cố gắng bắt chước. Mạnh Tử trở thành một bậc đại hiền phải chăng vì bà mẹ của ông cũng là một bà mẹ đại hiền ? Bà đã hết lòng dạy dỗ lo lắng cho con, nào dời nhà ba lần để tìm chỗ thích hợp cho con ở, nào xé khung vải đang dệt để cho con thấy rõ cái hại của tánh lười biếng. Nhưng quan trọng nhất có lẽ là việc làm gương của bà : vì một câu nói đùa bà đã mua thịt heo cho con ăn thật vì không muốn tập cho con tánh nói dối.

Về kiến thức, tất nhiên một người không thể nào biết hết mọi thứ nhưng ông bà không thể không biết đến những phát minh khoa học vừa xuất hiện, những biến cố chính trị vừa xảy ra trên thế giới cũng như tình hình quân sự, kinh tế... và những đòi thay của xã hội trong nước. Đó là những điều phổ thông mà một người phải biết để tránh cho mình khỏi lạc hậu. Nhưng không phải cha mẹ chỉ biết cái tin ấy khi nghe nói một cách mơ hồ rồi lại lập đúng theo lời khai là đủ. Chữ «biết» ở đây bao hàm nghĩa tìm hiểu cặn kẽ những gì mình thu nhận và biết phê bình chính xác những điều ấy để định giá trị cho chúng. Muốn được vậy, cha mẹ phải theo dõi thời cuộc qua sách báo và phải suy nghĩ luôn. Đã khuyên con chăm lo học hành thì chính mình cũng phải chịu khó trau dồi kiến thức. Và nếu cha mẹ có thêm một tài năng riêng nào đó thì lại càng hay ; nó sẽ khiến con cái kính trọng hơn vì họ có thể hành diện với bạn bè và nó cũng có thể là một phương tiện để cha mẹ kiếm tiền trong lúc tuổi già xế bóng mà không làm phiền đến con

cái:

Biết bao gia đình đã xảy ra sự xung đột vì cha mẹ và con cái không hiểu nhau. Mà không hiểu nhau chỉ vì sự chênh lệch về kiến thức giữa hai lớp tuổi. Thường thường khi con cái đã lớn thì cha mẹ đều đến tuổi về hưu và ở cái tuổi này người ta thường lười biếng không muốn cố gắng làm thêm một việc gì nữa. Đó là một điều tai hại vì trong khi đứa con mỗi ngày một nhận thêm nhiều kiến thức mới do khoa học đem lại thì trí khôn của cha mẹ như một đóm lửa cứ mỗi lúc một tàn lụi dần. Và sẽ đến lúc đứa con bực bội vì không thể đối thoại được nữa — vì nói gì cha mẹ cũng không biết — thì các vị ấy lại than thở rằng mình vô phúc, hy sinh suốt đời cho con để bây giờ công thành danh toại nó trở lại khinh mình ! Thật sự con cái có bao giờ muốn thế đâu !

Có nhiều người tin tưởng rằng với số tài sản to lớn họ sẽ chia cho con cái, họ nói gì chúng cũng phải nghe. Tin tưởng như vậy là lầm. Giá trị của tiền bạc không bao giờ được đặt ngang hàng với giá trị của sự khôn ngoan và tư cách. Cha mẹ giàu quá mà ngu dốt con cái chỉ có thể tội nghiệp, cũng lắm là thương yêu chứ không thể nào kính trọng được.

Nói tóm lại, để dạy dỗ con cái,

cha mẹ phải học hỏi suốt đời để làm tròn nhiệm vụ cố vấn của mình. Học hỏi để con cái gần gũi hỏi han, để trau dồi tài năng nghề nghiệp và cũng là để tạo một niềm vui trong quãng đời xế bóng của mình. Montaigne : « Tâm trí phải nở hoa trong tuổi già cũng như nhánh tầm gửi tươi tốt trên cây cổ thụ khô héo. » Còn André Maurois thì cho rằng : « ... không có gì đẹp hơn trong lúc về già là một ngày kia (tôi) về ở nhà quê, đừng quá xa thành thị, đọc lại vài cuốn sách mà tôi đã hết lòng yêu quý... »

Đến đây, các bậc làm cha mẹ đã đi gần hết con đường mà trên kia chúng ta đã vạch sẵn. Ôi, cái nghề làm cha mẹ, một cái nghề mà đa số con người trong kiếp nhân sinh đều phải bước chân vào, nó gian lao bao nhiêu và cũng cao quý biết chừng nào ! Cũng như với mọi nghề khác, những ai có lương tâm trong nghề làm cha mẹ đều được đền bù xứng đáng. Đó là lòng kính yêu của những đứa con đã lớn khôn mà họ đã hết lòng nuôi dưỡng. Và đến ngày chấm dứt nghề này họ có thể xoa hai tay vào nhau mà tự hào rằng mình đã sống một cuộc đời không uổng và sau khi mình chết đi, cuộc đời mình vẫn còn được tiếp tục trên trần thế một cách tốt đẹp.

Còn đối với chúng ta, câu hỏi nêu lên ở đầu bài bây giờ đã trả lời xong rồi vậy.

Đọc và cổ động cho : PHƯƠNG ĐÔNG



Những ngày thơ ấu

✧ Trần thị Tuyết Mai

Xuôi Nam, thăm Nội hôm nay
bên Cha lúc nhóc mới bầy con thơ
theo xe có đám bụi mù
đọc đường cây cối vụt vù chạy lui.

Xe ngừng, vào quán nghỉ ngơi
cô hàng rót nước chè tươi xanh ngần
hình như cô cũng quen thân
thấy Cha vui chuyện xa gần hồi lâu.

Đường làng, giải đất nâu nâu
chờ con thùng thẳng dắt nhau về Bà
nương mình gầy trúc lắc lư
Nội ra ngõ đón, hiền từ đáng quý.

Lê già chợt ướm vành mi :
« Từ ngày Mẹ Cả mất đi, thực là !... »
ngần ngơ lũ cháu nhìn Bà
thì ra Mẹ chết : cả nhà mất vui.

Các cô, chú, thăm tôi nơi
nghe nhắc Mẹ, cũng bùi ngùi lệ sa :
« Chị vui tính lại hiền hòa
« làm dâu mà suốt làng ta khen hoà ».

Biết tin Cha mới về chơi
bà con làng nước người người đến thăm
năm gian nhà gỗ từng bừng
hơi trà, khói thuốc không ngừng toả bay.

Chắp tay chào mỗi cả tay
Nội khen : « Nó bé thế này mà ngoan !
« ở đây với bà, nghe con
« một mai ta gả chồng làng cho vui ».

Cỏ thôn

✻ Hoàng Vũ và Kiến Dân dịch

Biến thành phiến hoang địa
Vô lưu nhất ngân tích
Thảo mộc loạn hành sinh
Tự do khu oanh kích

●
Sinh vật tự do vong
Nhân dĩ từ biệt chi
Nã hoàng hôn tĩnh mịch
Tước điều cự bất hồi

●
Phiến thanh lục hoang thảo
Thôn dân kim hoạt nã
Nhị tam chi quả tử
Dĩ hạ ấu trưởng nhiên

Nguyễn tác tiếng Việt của
TÚ-KẾU, người coi in sở
xuất xin đăng ký sau.

古村

變成片荒地
無留一痕跡
草木亂行生
自由區莽擊
生物自由亡
人已辭別之
那黃昏靜寞
雀鳥懼不回
片青綠荒草
村民今泣那
二三枝果子
遺下愁悵然

秀鶴

黃武建民譯

Vài ý nghĩ về :

Thánh lễ Việt Hóa tại Tân-chí-Linh

Sáng Chúa nhật 8-9 vừa qua, đường vô giáo-đường Tân Chí Linh, Thọại-ngọc, Hậu Gia-dị-h, chật cứng những người, Công giáo cũng có mà không Công giáo cũng có. Người ta đến «xem thử» một cố gắng Việt Hóa Thánh lễ. Kể từ thí nghiệm ở đan viện Thiên-an Huế cách đây chín mươi năm, đây là cuộc thí nghiệm công khai và lớn lao thứ hai mà người ta dám làm. Rút kinh nghiệm ở thánh lễ Thiên an, đã bị giết chết ngay sau khi sinh do những ngọn trào chống đối ghê gớm, thánh lễ Tân Chí Linh đã không dám có nhiều thay đổi. Chính vì thế mà trông nó còn lại càng thế nào ấy. Nhưng cũng chính vì thế mà nó đã được chấp nhận, và ở điểm này người ta đã thành công.

Nếu nói về cơ cấu, thì không có một cách mạng nào hết : vẫn y nguyên những phần cũ, từ xám hồi qua lời Chúa, đân tiến lễ, lễ nghi Thánh Thể và Hiệp lễ ; và vẫn y nguyên các chi tiết cũng như thứ tự trong các phần nói trên.

Thêm vào, chỉ có vài ba nghi thức hay cử điệu phương Đông tùy phụ, như phủ phục và niệm hương. Thay đổi, chỉ có bộ lễ phục : là một kiểu áo tề hơi biến đổi để lấy thêm các nét đẹp của lễ phục gothique¹. Điều thay đổi đáng kể nhất, đó là việc dùng khay chén bình bằng đồ sơn mài thay vì chén đĩa vàng xưa nay.

Phục lấy, đáng lẽ phải có «đứ» trước theo kiểu V.N., người ta đã phủ : xuống ngay theo kiểu thông thường của đan viện Tây phương — Bái hương thì lại xấu quá vì chưa quen với cử điệu bái hương người ngoài Công giáo vẫn làm. Còn nến, ban tổ chức vẫn dùng nến vàng và trắng, trong khi theo phong tục ta, thường người ta chỉ dùng nến trắng trong tang lễ mà thôi, còn thì phải nến đỏ. Đáng lẽ về các nghi thức như trên, cần phải đến chùa và lắng Lễ văn Duyệt để xem và tập cho quen. Nói tóm lại, ban nghi lễ của L.M. An Sơn Vị đã có công tập duyệt công phu, nhưng không có người chuyên môn về tế lễ để chỉ bảo cho như thánh lễ Thiên an trước đây.

(1) Đây là kiểu áo của Gia đình Nhập thờ (thuộc Phong trào H.G.V.Đ.) sáng chỗ để dùng trong thánh lễ các ngày Chủ nhật (8g 10) tại 161 Yên đồ, Saigon 3. Kiểu áo ấy đã được G.Đ.N.T cho triển lãm tại Trung tâm Công giáo cách đây hai năm. Có điều G.Đ.N.T dùng áo dài kiểu V.N. biến đổi để thay quần. Còn thánh lễ Tân Chí Linh dùng quần.

Ngoài ra, thánh lễ là vì đại trào nên còn hơi rườm rà và chậm chạp. Có nhiên khi làm hằng ngày, người ta sẽ có cách đơn giản hoá đi. Làm người cũng nghĩ rằng thánh lễ chưa có sắc thái trẻ trung và cộng đồng là đặc điểm của chiều hướng phụng vụ ngày nay. Nhưng đó là những khuyết điểm mà một cuộc thí nghiệm như đây khó tránh. Khung cảnh của nhà thờ Tân Chí Linh cũng không hợp, vì thiếu sắc thái dân tộc. Phía cung thánh tuy nhiều màu đỏ để hắt nổi những nét thiếp vàng, nhưng màu đỏ nền là đỏ Tây, và các nét càng Tây hơn nữa, từ ra vài chữ Thọ. Đó là điểm dễ hiểu, vì nhà thờ vẫn có từ trước, và nhà thờ ấy, linh mục chánh xứ Đinh Bình Định (cũng là vị có công lớn đứng tổ chức thánh lễ Việt hoá này) đã phải làm theo thị hiếu của người trong Giáo xứ.

Phần ca nhạc là do linh mục Nguyễn văn Minh chịu trách nhiệm. Có nhiều ca đoàn tiếng tăm tham dự. Nhạc tuy hay và có sắc thái dân tộc, nhưng thích hợp cho người lớn nhiều hơn là giới trẻ. Thiết nghĩ đối với giới trẻ, cần phải có nhịp điệu dân ca V.N., nhạc và lời vừa thoải mái, lành lẹ, vui tươi, vừa có thể hướng tâm hồn lên trong sự vui tươi đó.

Thánh lễ Công giáo V.N. ngày nay là hàng nhập cảng. Đề Việt hoá nó, có thể có ba chiều hướng Việt hoá :

1 — Trở về hoàn toàn với các nghi thức tế cổ truyền. Đó là điều Thiên An đã làm, tuy cơ cấu vẫn nguyên là La mã. Như giáo sư Trần văn Khê nói, muốn làm sống vốn cổ thì luôn luôn phải sáng tạo để đổi mới luôn luôn. Nếu không, chỉ là như mấy bức tượng không động dậy trong một viện cổ tàng, và nó có vẻ phùng chèo một tí.

2 — Lấy nghi thức sẵn có của Tây, rồi đổi ít nhiều cho có sắc thái Việt. Đó cũng là khuynh hướng của Thánh lễ Tân Chí Linh. Nó làm cho chúng ta nghĩ đến một ông Tây tập nói tiếng ta, Cái giọng ngọt ngào của ông khiến chúng ta nghe lỗ lỗ thế nào ấy. Nhưng thực ra, đề những người Công giáo Việt đã bị Tây hoá do đạo đồ sùng sốt và run sợ, thì cần phải bắt đầu theo chiều hướng này. Và bằng chứng là người ta đã chấp nhận. Nhưng muốn Việt hoá thực, chúng ta phải Việt hoá theo chiều hướng thứ ba sau đây :

3 — Lấy nghi thức và cơ cấu của Tế V.N., như Tế đình, rồi biến đổi từ đấy, sao cho mới dần lên mà vẫn đúng là Công giáo (ở yếu tính). Đó cũng là nguyên tắc giáo sư Trần văn Khê đối với nhạc Việt.

Cũng là một sự gặp gỡ, tuy tình cờ mà đây ý nghĩa : Cuộc lễ này đã được tổ chức trong khi Giáo sư Trần văn Khê đang thăm viếng V.N. và gây nên một cao trào «Bảo vệ vốn cổ» đầy phấn khởi.

Chúng tôi thành thực nghiêng mình bái phục Giáo sư Khê. Và thành thực nghiêng mình trước cố gắng của ban tổ chức thánh lễ Tân Chí Linh.

Phái viên PHƯƠNG ĐÔNG

TIN TỨC VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO

① GIÁO SƯ TRẦN-VĂN-KHÊ TẠI VIỆT NAM

Trên đường từ Úc Châu trở lại Pháp, Giáo sư Trần-văn-Khê đã viếng thăm quê hương Việt Nam theo lời mời của Bộ Văn Hóa Giáo Dục. Giáo sư đã trở lại Việt Nam ba tuần trong tháng 8, rồi vì sự hâm mộ của mọi giới tại nước nhà, ông đã ở thêm đến trung tuần tháng 9. Ông đã thuyết trình tại trường Quốc Gia Âm Nhạc ngày 21 và 31 tháng 8 theo lời mời của khối Văn Hóa, cũng như tại Đại Học Vạn Hạnh, Hội Việt Mỹ và Taberd theo lời mời của Ủy ban Giám Mục (Công Giáo) về Thánh nhạc. Giới văn nghệ sỹ đến nghe ông nói chuyện hết sức đông và vỗ tay không ngớt từng mấy giờ một. Ông có tài nói dầy rồi hát dầy, nhai tiếng mọi thứ nhạc khí Việt Nam một cách rất tài tình. Nhất là cái học uyên bác của ông giúp ông trình bày cho thấy tất cả những cái hay, cái độc đáo của âm nhạc và nhạc khí cổ truyền Việt Nam.

Theo ông, cần phải bảo vệ vốn cổ quý giá của Việt Nam, và chúng ta chỉ bảo vệ được nó khi chúng ta luôn sáng tạo, khiến nó không ngại công kiến những gì mới mẻ và trình bày trăm ngàn sắc thái khác nhau, đồng thời vẫn biến đổi theo chiều hướng truyền thống.

Nên nhớ rằng ngay từ đầu, Giáo sư Trần-văn-Khê vẫn có liên lạc với Phương Đông và hứa cộng tác với Phương Đông.

**Hãy
Dùng
Thuốc**

UỐNG KHỎI CHÍCH

là là, Kiệt ly - có đằm, mầu

VEREX

NGƯỜI LỚN - CON NÍT

02/00 000. 017/0100.27-10-63

HỘP THƠ

- Bạn Lê-dình-Hạnh — Đã nhận được Đèn đỏ đèn xanh, Nói với các em, Xin cảm ơn, Cát mềm, Ngày mất em. Cảm ơn.
- Bạn Võ-văn-Dật — Thành Điện-hải viết công phu lắm. Sẽ đăng.
- Cụ Hồ-văn-Trí (Đà Nẵng) Phương Đông mong tiếp tục nhận được những bài khảo về y-lý Đông-phương có tính cách tổng quát hơn — Vạn tạ.

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

- Tòa báo trân trọng giới thiệu những sách báo mới nhận được :
- Một lần ghé lại, thơ của Mặc Ngư, Trần-hữu-Nghiêm, v.v... do Nhập Cuộc xuất bản.
- Hội hoa Đàm, thơ Phạm-Thiên-Thư, 520 trang, do cơ sở Văn chương xuất bản. Chúng ta thừa biết danh tiếng thi sỹ Phạm-Thiên-Thư với những lời thơ rất thành và sâu về Đạo Pháp.
- Thiên và Lão Trang của nhà văn Đài Loan có tiếng là Ngô Di, do cụ Đỗ Nam dịch, 204 trang.
- Hoa đồng cỏ nội của Minh Hương, biên khảo về Thi ca truyền miệng, đưa ra những nét đặc sắc của dân tộc tính, Hàn Thuyên xuất bản, 312 trang, giá bán 800đ.

KÉM ĂN
MẮT NGỦ
uống
BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ĂN NGON LÊN CÂN
DỄ NGỦ

TRỊ : HEN SUYỄN, PHONG NGŨA

**(Có bán tại các nhà
Thuốc Tây)**

số 48/BYTQCDP ngày 13-7-72

MECHOLIN

Bảo vệ hữu hiệu tế bào gan
Kích thích sự
Điều hòa các
Rối loạn của tiểu hóa

Chú tôi

- ĐAU GAN, YẾU GAN
- TÁO BÓN, KHÓ TIÊU
- NGŨA CHỪNG
- CỨNG ĐỘNG MẠCH
- CHOLESTEROL
- HUYẾT CAO

MECHOLIN

METHIONINE - TRICHOCLÉ - INOSITOL - SORBITOL - B6 - PP



ĐT: 99/377/6006 - 80-05-74

Thiếu máu

mọi bệnh thiếu máu cấp & các TRẺ EM và
TRẺ SƠ SINH tại Việt Nam



một muỗng

BIOFEROL

có đủ

CÁC CHẤT FER, LYSINE, B1, B6,
B12, INOSITOL VÀ SORBITOL
LÀ CÁC YẾU TỐ TỐI CẦN
CHO CƠ THỂ

Chú tôi

- CÁC BỆNH THIẾU MÁU
- BIẾN ẠM, CHẬM LỚN, SUY NƯỚC
- GIÚP HOẠT ĐỘNG TẾ TẾ TRỞ LẠI BÌNH THƯỜNG
- PHỤ GIÚP SỰ NUÔI DƯỠNG CÁC TẾ EM VÀ
- TRẺ SƠ SINH

Mùi vị thơm ngon rất hợp cho TRẺ EM



- Ba trung-tâm quyền lực nơi con người Kim-Định
- Phạm-phú-Thứ Lăng Nhân Phùng-lất-Đắc
- Ngày vía hai chúa Trịnh-Tráng và Trịnh-Tạc Đỗ-quang-g-Chính
- Sản phụ khoa trong Trung y Trần-văn-Tích
- Thu thần luận về đờn tranh Hồ-hữu-Tường
- Định bệnh thương hàn bằng thủ thuật Trần-văn-Thịnh
- Chết Krishnamurti
- Nguyễn-minh-Tâm dịch*
- Không thể có chủng V.N. được Bình.nguyên-Lộc
- Thiên văn học cổ Trung hoa Nguyễn.văn-Thọ
- Hành hương tây trúc mới Hoàng-sỹ-Quý
- Bệnh buồn sầu nơi thanh niên Nguyễn-lấn-Chức
- Tam tông tứ đức Toan.Ánh
- Nghe u kể chuyện (Thơ) Trần-thị-Tuệ-Mai

□ Từ đầu tháng mười có bán tại các tiệm sách lớn

TRIẾT SỬ ẤN ĐỘ

Tập 2; về VEDĀNTA

- Tập Triết sử Ấn Độ rất lớn (gồm nhiều tập) và rất công phu của Giáo sư Hoàng-sỹ-Quý, Tiến sỹ Triết học Ấn Độ, đại học Sorbonne.
- Xuất bản do H.G.V.Đ. 161 Yên Đờ, Saigon 3 — Mua tận nơi có giá đặc biệt.

In tại Ấn Quán CHÂU-SƠN số 13 đường Thánh Mẫu (Chí-Hòa)

LỚP HỘI HỌA ĐÔNG PHƯƠNG

do Phong Trào Hùng Giáo Văn Đông chủ trương

● Vốn học thiếu nhi - Lớp học người lớn

Lý thuyết và lịch sử hội họa

Các họa sĩ danh tiếng phụ trách

Chia làm nhiều cấp học - Mỗi cấp ba tháng

● Mỗi ba tháng có khóa mới

Ghi tên : sách chưa hết - tại 161 Yên Đổ - Saigon 3
diện thoại : 24.592 - Văn phòng HGVĐ.

Tên chữ : **nhân sinh - dân tộc**